



TẠP CHÍ

*Nghiên cứu*

**Triết học**

**SỐ 24**  
(7 - 2025)

ISSN 2734 - 990X



**BẢO VỆ NỀN TẢNG  
TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG**

**NIỀM TIN CHÍNH TRỊ**

**ĐẠO HIẾU  
TRONG GIÁ HUẤN**

**KINH DỊCH  
VÀ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**HỘI TRIẾT HỌC VIỆT NAM  
VIETNAM PHILOSOPHICAL ASSOCIATION**

# VỀ QUÊ LÀM GIÀU

LÀM GIÀU TRÊN ĐẤT QUÊ HƯƠNG

RAPPER  
**PHÁO**

CA SĨ  
**JACK-J97**

NSƯT  
**KIM TỬ LONG**

DANH CA  
**NGỌC SƠN**

DIỄN VIÊN  
**LÂM VỸ ĐÀ**

HOA HẬU  
**BÙI QUỲNH HOA**

CA SĨ  
**HARI WON**

DIỄN VIÊN  
**LONG VŨ**

NGHỆ SĨ  
**QUYÊN LINH**

20:00

THỨ 7 HÀNG TUẦN TRÊN

| HALOTIMESTV

TẠP CHÍ  
NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC

Cơ quan ngôn luận của  
Hội triết học  
ISSN: 2734-990X

Xuất bản mỗi tháng một kỳ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH  
PGS. TS. VŨ HOÀNG CÔNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP  
CHỦ TỊCH  
GS. TS. LÊ HỮU NGHĨA

ỦY VIÊN  
GS.TS NGUYỄN TRỌNG CHUẨN  
GS.TS PHẠM VĂN ĐỨC  
GS.TS TRƯƠNG GIANG LONG  
GS.TS TRẦN VĂN PHÒNG  
GS.TS HỒ SĨ QUÝ  
GS.TS TỬ TẤN PHÁP  
GS.TS MÃ BẮN  
GS.TS PHƯƠNG LÔI  
GS.TS TƯỜNG NHUỆ  
PGS.TS NGUYỄN AN LỊCH  
PGS.TS NGUYỄN TÀI ĐỒNG  
PGS.TS TRƯƠNG NGỌC NAM

BAN BIÊN TẬP  
PGS.TS NGUYỄN ANH TUẤN  
PGS.TS LÊ THANH THẬP  
PGS.TS HOÀNG ANH

Toà soạn: số 477 đường Nguyễn Trãi,  
phường Thanh Xuân, Hà Nội  
ĐT: 0942148999

Email: tapchincthv@gmail.com.vn

Giấy phép xuất bản: số 738/GP-BTTTT  
ngày 15 tháng 11 năm 2021

TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO  
HALOTIMES

Số 39 đường 37, khu phố 1,  
Phường An Khánh, Thành  
phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI:  
Biệt thự số 34 Lô N07A, Khu đô thị  
Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội

GIÁ: 96.000 VNĐ

MỤC LỤC SỐ 24 (7 - 2025)

	<b>I. VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN</b>	5
<b>Nguyễn Trọng Chuẩn</b>	Phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	5
<b>Nguyễn Viết Tiến</b>	Ý thức chính trị của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các học viện, nhà trường quân đội trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay	11
<b>Nguyễn Hữu Anh</b>	Xây dựng phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở Khánh Hòa trong Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc	17
<b>Trần Quang Huy</b>	Niềm tin chính trị của nhân dân - bức tường thành chặn tin giả, tin xấu, độc	24
<b>Đỗ Duy Tú</b>	Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc	30
	<b>II. XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ</b>	38
<b>Thân Thị Hạnh</b>	Đạo hiếu trong gia huấn Việt Nam thời Phong kiến	38
<b>Nguyễn Thu Nghĩa</b>	Vai trò của âm nhạc trong việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay	46
<b>Trần Thị Hà Giang</b>	Giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ thành hoàng làng của người Việt	52
	<b>III. NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI</b>	59
<b>Cao Thị Sính Vi Văn Thảo</b>	Khoa học giáo dục: một số vấn đề cần quan tâm	59
<b>Nguyễn Thị Tuyệt Mai</b>	Thực hành luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở nước ta hiện nay	66
<b>Lê Thị Vinh Phan Thành Nhân</b>	Sự phê phán các định kiến xã hội về giới nữ trong tác phẩm A vindication of the rights of woman của Mary Wollstonecraft	72
<b>Đỗ Anh Tuấn</b>	Mối liên hệ giữa kinh dịch và y học cổ truyền: từ kinh điển Trung Hoa đến y tông Việt Nam	80
	<b>IV. VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA</b>	87
<b>Phương Thảo</b>	Doanh nhân Thanh Hóa muốn đưa sản phẩm quê hương vươn xa cùng “về quê làm giàu”	87
<b>Chí Phú</b>	Halotimes mong muốn hợp tác các trí thức trẻ toàn cầu để phát triển văn hóa truyền thống	89
	<b>V. CHÂN DUNG NHÀ TRIẾT HỌC</b>	92
<b>Nguyễn Anh Tuấn</b>	Anaxagoras (Anaxago)	92
	<b>VI. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG HỘI</b>	93
<b>Trần Thị Hà Giang</b>	Hội Triết học Việt Nam tham dự hội thảo quốc tế, trao đổi khoa học, kí kết bản ghi nhớ tại Đại học Quảng Tây & Đại học Sơn Đông - Trung Quốc (6 - 11/6/2025)	93
	<b>VII. TÓM TẮT TIẾNG ANH</b>	97

---

# CONTENTS

## **I. APPLYING, DEVELOPING, AND PROTECTING MARXISM - LENINISM**

<b>Prof. Dr. Nguyen Trong Chuan</b>	Developing Human Resources in the Context of the Fourth Industrial Revolution	5
<b>M.A. Nguyen Viet Tien</b>	Political Awareness of Social Sciences and Humanities Lecturers at Military Academies and Schools in Defending the Ideological Foundation of the Party Today	11
<b>M.A. Nguyen Huu Anh</b>	Establishing Leadership Style for Key Provincial Leaders in Khánh Hòa during the Nation's New Development Era	17
<b>Dr. Tran Quang Huy</b>	The People's Political Trust - A Fortress Against Fake and Toxic News	24
<b>Dr. Do Duy Tu</b>	Promoting the Role of Intellectuals in Ho Chi Minh City during the Nation's Era of Ascent	30

## **II. BUILDING A VALUE SYSTEM**

<b>Dr. Than Thi Hanh</b>	Filial Piety in Vietnamese Family Teachings during the Feudal Era	38
<b>Assoc. Prof. Dr. Nguyen Thu Nghia</b>	The Role of Music in Fostering Revolutionary Ideals and Patriotism Among Today's Youth in Vietnam	46
<b>Dr. Tran Thi Ha Giang</b>	Moral values in the worship of village tutelary gods of the Vietnamese people	52

## **III. RESEARCH AND DISCUSSION**

<b>Dr. Cao Thi Sinh</b> <b>Dr. Vi Văn Thao</b>	Educational Science: Some Issues to Consider	59
<b>Dr. Nguyen Thi Tuyet Mai</b>	Practicing the Law on Grassroots Democracy Implementation in Vietnam Today	66
<b>Dr. Le Thi Vinh</b> <b>Dr. Phan Thanh Nham</b>	Criticism of Social Gender Prejudices in A Vindication of the Rights of Woman by Mary Wollstonecraft	72
<b>M.A., M.D. Do Anh Tuan</b>	The Relationship Between the I Ching and Traditional Medicine: From Chinese Classics to Vietnamese Medical Thought	80

## **IV. CULTURE AND CULTURAL INDUSTRY DEVELOPMENT**

<b>Phuong Thao</b>	Thanh Hoa businessmen want to bring their hometown products far and wide with "returning home to get rich"	87
<b>Chi Phu</b>	Halotimes wants to cooperate with young intellectuals around the world to develop traditional culture	89

## **V. PORTRAIT OF A PHILOSOPHER**

<b>Assoc. Prof. Dr. Nguyen Anh Tuan</b>	Anaxagoras (circa 500-428 BC)	93
---	-------------------------------	----

## **VI. ASSOCIATION ACTIVITIES**

<b>Dr. Tran Thi Ha Giang</b>	The Vietnam Association of Philosophy Attends International Conference, Scientific Exchange, and Signs Memoranda of Understanding at Guangxi University and Shandong University, China (June 6-11, 2025)	97
------------------------------	--	----

# PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn \*

**Tóm tắt:** Loài người đang được chứng kiến các phát minh kỳ diệu góp phần thay đổi rất mạnh mẽ nhiều mặt trong cuộc sống của mình. Nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với Việt Nam ta hiện nay là phải giáo dục tinh thần yêu nước cho mọi người, nhất là cho thế hệ trẻ; phải làm sao chuyển tinh thần yêu nước và chủ nghĩa yêu nước vốn đã là giá trị truyền thống quý báu, lâu đời của dân tộc ta cùng với tri thức khoa học và công nghệ hiện đại do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại thành sức mạnh thực tế nhằm thực hiện những mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đặt ra. Đứng trước những yêu cầu cao của giai đoạn cách mạng mới; nếu mỗi con người, mỗi người cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, thiếu ý chí vươn lên, nếu trình độ học vấn quá thấp, không đủ kiến thức khoa học, kỹ thuật và trình độ công nghệ hiện đại, lại kém kỹ năng thực hành và tay nghề cần thiết, nhất là nếu thiếu óc sáng tạo, thì dù có tự đánh giá rằng mình có tinh thần yêu nước nồng nàn bao nhiêu chăng nữa chắc chắn cũng sẽ khó có thể có đóng góp gì đáng kể cho sự phát triển nhanh hơn của đất nước trong kỷ nguyên dân tộc vươn mình.

**Từ khóa:** chủ nghĩa Mác về con người, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực, cách mạng khoa học và công nghệ.

**Nhận bài:** 1/6/2025; đưa vào quy trình biên tập 1/6/2025; duyệt đăng 25/7/2025.

## Mở đầu

Loài người đang được chứng kiến các phát minh kỳ diệu góp phần thay đổi rất mạnh mẽ nhiều mặt trong cuộc sống và thiên nhiên bao quanh mình. Các phát minh đó diễn ra trong tất cả các lĩnh vực khác nhau của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, trong việc thám hiểm các đại dương mênh mông và vũ trụ bao la; trong việc nhận thức thế giới vi mô, siêu vi mô và sự sống đầy bí hiểm cũng như trong lĩnh vực xã hội và đặc biệt là trong cuộc sống của mỗi cá nhân con người. Rất nhiều phát minh trong số các phát minh ấy đã và đang được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ các lĩnh vực cuộc sống khác nhau của con người.

Bên cạnh đó, con người cũng đã, đang và sẽ phải gánh chịu không ít hậu quả, thậm chí có cả những thảm họa không thể nào lường trước được, từ các phát minh kỳ diệu ấy do

đồng loại của mình cố ý hay vô trách nhiệm lợi dụng gây ra. Chính vì thế, vấn đề số phận và tương lai của con người được đặt ra ở các mức độ khác nhau, cả trong lĩnh vực lý luận cũng như trong các Cương lĩnh chính trị và các chương trình nghị sự của nhiều đảng chính trị và chính phủ đương quyền trên thế giới.

## 1. Vấn đề con người và nguồn nhân lực trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Không còn là hiện tượng hiếm hoi, khi trong vài thập niên gần đây, con người ngày càng chiếm vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà tất cả các lý thuyết bàn về sự phát triển xã hội, kể cả các lý thuyết

duy khoa học hay học thuyết kỹ trị, chủ nghĩa thực dụng, v.v. vốn trước đây ít bàn trực tiếp đến vấn đề con người thì ngày nay đều đã phải đặt vấn đề con người vào một vị thế khác hơn, thậm chí khác hẳn với vị thế mà trước đây họ đã đặt nó vào đó. Điều này cho thấy vị trí, vị thế và vai trò của con người ngày càng tăng lên trong cuộc sống của xã hội hiện đại.

Khác với các lý thuyết cực đoan chỉ nhìn con người như là những công cụ để đạt được các mục tiêu kinh tế đơn thuần mà rất ít khi quan tâm, hoặc thậm chí không cần quan tâm, đến vận mệnh và tương lai của con người, thì trong kho tàng lý luận của triết học của nhân loại mục đích tối hậu của triết học **“không gì khác hơn là toàn bộ vận mệnh của con người”** [5, tr. 1176]. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin vấn đề con người nói chung và vai trò của con người được coi là nguồn lực quan trọng bậc nhất trong việc cải tạo, biến đổi giới tự nhiên và thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong mối quan hệ qua lại với giới tự nhiên, cũng như trong việc tiến hành cải biến giới tự nhiên phục vụ cho mục đích của mình phù hợp với các quy luật của tự nhiên nói riêng, ngay từ đầu con người đã chiếm vị trí hết sức quan trọng. Đặc biệt, trong chủ nghĩa Mác, con người không chỉ là một bộ phận của giới tự nhiên, không chỉ là kết quả của sự tiến hoá cao nhất của tự giới nhiên và của sự phát triển xã hội mà, hơn thế nữa, con người chính là *chủ thể tích cực của mọi hoạt động, là chủ thể thực sự của các quá trình xã hội và là chủ thể sáng tạo duy nhất* trên trái đất này. Con người được C. Mác coi là yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất của xã hội, là "lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại".

Dưới tác động vô cùng mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, vai trò đặc biệt quan trọng hiện đang và chắc chắn sẽ thuộc về cuộc cách mạng công nghệ chuyển đổi số (digital transformation), công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), bên cạnh các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), công nghệ điện toán đám mây (Cloud computing), công nghệ chuỗi khối (blockchain), công nghệ thực tế ảo (VR). Cuộc cách mạng này tuy mới bắt đầu

cách đây chưa lâu nhưng đang có những bước đột phá mạnh mẽ theo hướng tiến bộ; đang làm thay đổi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và của con người nhưng nổi bật hơn cả trong số đó là sự hình thành nền kinh tế tri thức, nền kinh tế số và xã hội số, v.v..

Các cuộc cách mạng thuộc những lĩnh vực trên đây không thể diễn ra được nếu thiếu nguồn nhân lực tương ứng với chất lượng ngày càng cao, thậm chí rất cao. Mặc dù chúng ta có quyền tự hào mà nói rằng *“đất nước chuta bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”* [4, t. I, tr. 104] nhưng nếu Việt Nam muốn rút ngắn được khoảng cách với các nước phát triển và nếu muốn nước ta *“đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: trở thành nước phát triển, thu nhập cao”* [4, t. I, tr. 112] thì Đảng và Nhà nước ta cần tìm ra, cần xác định thật chính xác và giải quyết thật tốt các khâu đột phá chiến lược, trong đó có chiến lược bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng hợp lý và tối ưu nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc tất cả các lĩnh vực, trước hết là lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học và công nghệ.

Đặc biệt, trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra này, Đảng và Nhà nước ta cần phải ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho công tác lãnh đạo và quản lý trên tất cả các mặt; những người phải vừa giỏi về lý luận chính trị, tinh thông nghiệp vụ lãnh đạo và quản lý, đạo đức trong sáng nhưng đồng thời vừa phải có kiến thức chuyên sâu rất cao, thực chất về các lĩnh vực khoa học và công nghệ hiện đại mà họ được phân công phụ trách, quản lý, điều hành và lãnh đạo. Muốn vậy, ở các lĩnh vực then chốt chúng ta phải tạo được bước chuyển biến thật mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo, cả giáo dục chuyên ngành chuyên sâu lẫn giáo dục lý luận chính trị và đạo đức một cách thực chất, đồng thời tuyệt đối phải tránh lối làm hình thức, qua loa, xuê xoa, chiếu lệ.

Hãy thật bình tĩnh để đánh giá một cách công tâm xem lý do vì sao mà mấy năm nay đã có hàng chục cán bộ cấp chiến lược với

các loại bằng cấp, trình độ chuyên ngành cao, có cả bằng chính trị cao cấp hạng ưu hẳn hoi, mà lại kém đạo đức đến như vậy, nhất là nạn tham nhũng, lạm quyền, bắt “LIÊM”, bắt “CHÍNH” để phải bị cách chức, để bị khai trừ khỏi Đảng, thậm chí có cả những người phải vào chốn lao tù hoặc phải chịu cả án tử hình?

Thời nào cũng vậy, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở, yêu cầu và coi “cán bộ là cái gốc của mọi công việc... Cán bộ ở môn nào phải học cho thạo công việc ở trong môn ấy” [9, t. 5, tr. 309, 310]. Cho nên, trước đây và cả trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư này cũng vậy, khi “nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ” [9, t. 5, tr. 318]. Nói cách khác, để đánh giá cán bộ, để tuyển dụng và sắp xếp họ vào bộ máy lãnh đạo của Đảng hay chính quyền Nhà nước các cấp thì nhất thiết phải xem xét cả *quá trình công tác* của họ, đặc biệt phải dựa vào đánh giá của dân; *phải dựa vào dân* để xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Hơn bao giờ hết, trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại thì việc *đào tạo* nhân lực phải luôn gắn với cơ chế *tuyển dụng, cơ chế sử dụng* nhân lực cho thật *đúng*, cho thật *trúng* và cho thật *hiệu quả*, đồng thời phải có chính sách đãi ngộ nhân tài thật sự một cách xứng đáng; “phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta” [9, t. 5, tr. 313] như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu.

Để có thể hội nhập một cách hiệu quả với thế giới trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này, chúng ta không có cách nào khác hơn là phải đầu tư kinh phí *đủ, đúng, trúng và kịp thời* để các nhà khoa học tự mình đủ điều kiện tiến hành các thí nghiệm *đắt tiền*, đồng thời để họ tự mình tiến hành kiểm tra lại các nghiên cứu, các ứng dụng đã được chuyển giao từ nước ngoài nhằm tránh lãng phí, từ đó góp phần phát triển mạnh khoa học và công nghệ của nước nhà.

Trong thời đại chúng ta, khoa học và công nghệ đang phát triển với tốc độ rất nhanh,

một ngày bằng 20 năm như C. Mác đã nói, thậm chí có lĩnh vực còn nhanh hơn nữa. Bởi vậy, việc thường xuyên cải tiến, liên tục đổi mới và sáng tạo không ngừng; việc khơi dậy khát vọng để phát triển đất nước phồn vinh, để nhân dân hạnh phúc, không tách rời việc phát huy các giá trị văn hoá, sức mạnh sáng tạo của con người Việt Nam, không ngừng nêu cao tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự phát triển và nhất là sự tiến bộ của xã hội trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trước hết phải được đánh dấu bằng sự phát triển của lực lượng sản xuất nhưng điều quan trọng hơn là phải được đo bằng sự phát triển nhiều mặt của bản thân con người, bằng *thước đo nhân văn*. Đúng như C. Mác nói, việc phát triển lực lượng sản xuất của xã hội loài người không có nghĩa gì khác hơn là *“phát triển sự phong phú của bản chất con người, coi như là một mục đích tự thân”* [8, t.26, ph. II, tr. 168]. Tương tự như vậy, V.I. Lênin cũng cho rằng, “*lịch sử của những lực lượng sản xuất đang phát triển... cũng là lịch sử phát triển của những lực lượng của bản thân các cá nhân*” [7, t. 4, tr. 248]. Để cho các cá nhân phát triển một cách hài hòa, phong phú về các mặt thì đòi hỏi phải có các chính sách thật đúng, thật trúng và có hiệu quả thiết thực.

Như vậy, xã hội phải có trách nhiệm đối với con người và mục đích cao cả của sự phát triển xã hội, của các cuộc cách mạng công nghiệp, trong đó có cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng chính là nhằm phát triển con người về mọi mặt, tạo điều kiện cho con người tự bộc lộ tất cả các năng lực đang tiềm ẩn, sẵn có của mình và nhất là nâng cao phẩm giá của chính bản thân mình. Muốn vậy, con người phải được tự do, được hưởng quyền dân chủ thật sự và được sống một cuộc sống hạnh phúc xứng đáng với bản chất người, xứng đáng với những thành tựu do cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại mang lại. Con người phải được học tập, được đào tạo để phát triển và được tạo điều kiện để thể hiện tất cả các khả năng của mình.

## 2. Đào tạo, bồi dưỡng con người đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta khẳng định rằng, mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì *con người, do con người*. Chiến lược kinh tế - xã hội *đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất*, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc. Trong quá trình đổi mới và nhất là trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, tiến hành hiện đại hoá nước nhà nhằm mục tiêu dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, nước mạnh, nhân dân hạnh phúc, từng bước vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội thì nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, khai thác và sử dụng tốt nhất mọi tiềm năng về thể chất và trí tuệ, mọi năng lực sáng tạo của từng người và của toàn thể cộng đồng dân tộc có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi vì, chính việc ngày hôm nay nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trẻ, được bồi dưỡng và đào tạo với chất lượng như thế nào sẽ quyết định mức độ thành công trong tương lai của sự nghiệp và mục tiêu cao cả mà vì chúng các thế hệ cha anh trước đây đã không sợ tù ngục, không sợ gông cùm, không tiếc xương máu đã anh dũng chiến đấu, hi sinh.

Hơn thế nữa, đây cũng là nhiệm vụ rất quan trọng nhằm chuẩn bị về mọi mặt cho thế hệ trẻ của dân tộc ta sống và làm việc ở thế kỷ XXI một cách vững vàng, tự tin, với một bản lĩnh cao cường và có thể sánh kịp với tuổi trẻ thế giới. Những con người của thế hệ tương lai với các đức tính và bản lĩnh đó chỉ có thể là kết quả của một hệ thống các biện pháp giáo dục, đào tạo tổng hợp, từ giáo dục thể chất, học vấn cho đến đào tạo ngành, nghề; từ trang bị thế giới quan, nhân sinh quan cho đến sự nhận thức về trách nhiệm kế thừa các giá trị truyền thống, phát huy tốt nhất bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá nhân loại, v.v..

Nhận thức rất rõ tầm quan trọng của vấn đề này, Đảng ta, ngay từ trong *Cương lĩnh xây dựng*

*đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội lần thứ VII của Đảng thông qua năm 1991, đã nhấn mạnh rằng, chúng ta phải "chăm lo bồi dưỡng hình thành con người mới. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khoẻ và lao động giỏi; sống có văn hoá và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính" [1, tr. 15]. Đó là "con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức" [2, tr. 5]. Những tư tưởng quan trọng này tiếp tục được các Đại hội Đảng từ đó đến nay tiếp tục phát triển.

Nhiệm vụ xây dựng và hình thành nên những con người có các phẩm chất và đức tính như vậy để đáp ứng đòi hỏi ngày một cao hơn của công cuộc phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng mới tiếp tục được Đại hội lần thứ VIII và các kỳ hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng sau đó quan tâm và cụ thể hoá. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII họp vào tháng 7 năm 1998 bàn về việc *xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã đề ra nhiệm vụ xây dựng con người và cán bộ Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới nhằm có được các đức tính quan trọng như sau:

1/ Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; 2/ Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; 3/ Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; 4/ Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; 5/ Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực" [3, tr. 58-59].

Tại Đại hội XIII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh, Đảng và Nhà nước ta

tập trung “*phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài*” [10, tr. 64]. Đồng thời, ra sức “*xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo*” [10, tr. 170].

Gần đây, Tổng Bí thư Tô Lâm, yêu cầu các cán bộ trong giai đoạn cách mạng mới phải có “1/ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết. 2/ Có bản lĩnh, quyết tâm cao, sẵn sàng dấn thân, hy sinh lợi ích cá nhân. Dám đi đầu, đổi mới, loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu; khơi thông điểm nghẽn, giải quyết vướng mắc, ách tắc trong thực tiễn, mang lại hiệu quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; giải quyết những vấn đề sai sót, tồn đọng kéo dài hoặc đột phá đối với những vấn đề mới chưa có quy định hoặc quy định chồng chéo, thiếu thống nhất, khó thực hiện. 3/ Có năng lực cụ thể, tổ chức thực hiện, đưa chủ trương chiến lược của Đảng vào thực hiện từng ban, bộ, ngành, địa phương (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển hạ tầng chiến lược, cải cách triệt để thủ tục hành chính...)” [6, tr. 9].

Phải nói rằng, trên đây là những yêu cầu rất cao, song hoàn toàn có thể đạt được. Tuy nhiên, một mặt, không nên có ảo tưởng rằng các đức tính ấy sẽ dễ dàng hình thành và hình thành đồng đều cùng một lúc ở tất cả mọi người, ở mọi cán bộ. Nhưng mặt khác, phải ý thức rất rõ rằng sự hình thành con người với các đức tính phù hợp với yêu cầu của một giai đoạn

lịch sử nhất định là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, nhiều điều kiện, nhiều biện pháp chứ không phải chỉ là kết quả của một yếu tố hay một biện pháp riêng biệt nào đó. Đồng thời, sự hình thành các đức tính của con người và của cán bộ cũng còn là kết quả của sự tác động qua lại giữa họ với hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà người đó đang sống. Vì vậy, để có các đức tính đáp ứng được những nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, của kỷ nguyên dân tộc vươn mình, thì không những đòi hỏi mỗi người, nhất là mỗi cán bộ, phải ra sức tự phấn đấu, tự rèn luyện và vươn lên, mà còn đòi hỏi toàn thể xã hội phải tạo điều kiện, phải quan tâm và đầu tư nhiều công sức, trí tuệ và, dĩ nhiên, cả những nguồn tài chính thích đáng nữa cho công tác đào tạo nhân tài.

Kế thừa và phát triển tinh thần đó của Đại hội VII và các Hội nghị Trung ương tiếp theo, Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*” [4, t. I, tr. 46-47].

Chúng ta đều biết rằng, những thách thức mà công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đặt ra trước một đất nước với điểm xuất phát thấp như nước ta, trong điều kiện mà quá trình toàn cầu hoá mọi mặt diễn ra mạnh mẽ, cạnh tranh quốc tế hết sức gay gắt và khi một nền văn minh trí tuệ, văn minh tin học thay thế nền văn minh công nghiệp đang dần dần trở thành hiện thực, là vô cùng to lớn. Liệu chúng ta có thể vượt qua được những thách thức đó để thực hiện thành công nhiệm vụ trên đây bằng chính sức lực và trí tuệ của dân tộc ta hay không? Liệu với một điểm xuất phát thấp như vậy, với một nguồn lực tài chính còn eo hẹp và cơ sở hạ tầng còn yếu kém như vậy chúng ta có đủ sức cạnh tranh để rút ngắn được khoảng cách lớn hiện nay và đuổi kịp các nước trong khu vực hay không? Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào lòng quyết tâm, vào các biện pháp thực hiện, các cách thức và những kết quả mà chúng ta sẽ đạt được trong

việc giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài; vào việc khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn nhân lực, vào việc huy động sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc ra sao. Muốn vậy chúng ta phải sớm “có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [6, tr.8].

Chúng ta tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ nhằm "biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc" [9, t. 11, tr. 92]. Mục tiêu đó phải được thực hiện bằng chính nguồn nhân lực, bằng sức mạnh của con người Việt Nam, những con người vừa có tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, vừa có sức khoẻ, vừa có tính tổ chức cao, mạnh dạn trong sáng tạo và nhất là có lòng yêu nước thiết tha, biết kế thừa, biết phát huy những giá trị truyền thống và đạo đức tốt đẹp của dân tộc, biết tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn hoá thế giới để làm giàu thêm cho văn hoá dân tộc.

Nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với chúng ta lúc này và cả trong thời gian tới là phải tiếp tục bồi dưỡng, giáo dục tinh thần và chủ nghĩa yêu nước cho mọi người, nhất là cho thế hệ trẻ; phải làm sao chuyển cho bằng được tinh thần yêu nước và chủ nghĩa yêu nước vốn đã là giá trị truyền thống quý báu, lâu đời của dân tộc ta

cùng với tri thức khoa học và công nghệ hiện đại do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại thành sức mạnh thực tế nhằm thực hiện cho bằng được những mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đặt ra.

### 3. Kết luận

Đứng trước những yêu cầu ngày càng cao của giai đoạn cách mạng mới, của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, nếu mỗi con người, mỗi người cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, không có ý chí vươn lên, nếu trình độ học vấn quá thấp, không đủ kiến thức khoa học, kỹ thuật và trình độ công nghệ hiện đại, lại kém kỹ năng thực hành và trình độ tay nghề cần thiết, nhất là nếu thiếu óc sáng tạo, thiếu ý chí vươn lên làm chủ khoa học và công nghệ hiện đại thì dù có tự đánh giá rằng mình có tinh thần yêu nước nồng nàn bao nhiêu chăng nữa, chắc chắn cũng sẽ khó có đóng góp gì đáng kể cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Bởi vậy, *phải làm sao chuyển cho bằng được tinh thần yêu nước, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc vốn đã là những giá trị truyền thống quý báu, lâu đời của dân tộc ta cùng với tri thức khoa học và công nghệ hiện đại do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại thành sức mạnh thực tế nhằm thực hiện cho bằng được những mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đặt ra để đến năm 2045 trở thành nước phát triển có thu nhập cao.*

### ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991): *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng cộng sản Việt Nam (1993): *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khoá VII*, 2 - 1993.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. I. Kant (2004): *Phê phán lý tính thuần túy*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

6. Tô Lâm (2024): *Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, số 1050 (11/2024).
7. V.I. Lênin (1978): *Toàn tập, t.4*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
8. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995): *Toàn tập, t.26, ph II*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.5, t.11*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Phú Trọng (2021): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

# Ý THỨC CHÍNH TRỊ CỦA GIẢNG VIÊN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN Ở CÁC HỌC VIỆN, NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Viết Tiến \*

**Tóm tắt:** Cuộc đấu tranh tư tưởng (TT), lý luận (LL) ở Việt Nam đang diễn ra gay gắt, quyết liệt và phức tạp. Để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng đòi hỏi sự nỗ lực của nhiều chủ thể và phải thực hiện đồng bộ, hệ thống nhiều biện pháp; trong đó vai trò và ý thức chính trị (YTCT) của giảng viên khoa học xã hội (KHXH) và nhân văn (NV) quân đội là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và thiết thực. Bài viết sau phân tích, luận giải làm rõ thực trạng YTCT của giảng viên KHXH&NV quân đội trong nhiệm vụ BVNTTT của Đảng, đồng thời đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Ý thức chính trị, giảng viên khoa học xã hội và nhân văn, nền tảng tư tưởng của Đảng.

**Nhận bài:** 20/5/2025; đưa vào quy trình biên tập 20/5/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Đặt vấn đề

YTCT của giảng viên KHXH&NV trong bảo vệ nền tảng tư tưởng (BVNTTT) của Đảng là tổng hòa của tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí của họ được thể hiện qua sự hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng. Trước hết đó là khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá chính xác bản chất các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù

địch, phản động, cơ hội chính trị, bất mãn. Sau là tự giác đấu tranh phản bác một cách khoa học, sắc bén và hiệu quả, chống lại các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực TT, LL, góp phần BVNTTT của Đảng. Vậy thực trạng KTCT của đội ngũ này hiện nay ra sao và làm gì để củng cố, tăng cường vai trò của đội ngũ trong bảo vệ NNTT của Đảng?

## 2. Thực trạng YTCT của đội ngũ giảng viên KHXH và NV trong các học viện, nhà trường quân đội

Giảng viên KHXH&NV ở các học viện (HV), nhà trường quân đội (NTQĐ) là những sĩ quan, nhà giáo, nhà khoa học, nhà hoạt động chính trị - xã hội, được đào tạo cơ bản, chính quy ở các trường đại học trong và ngoài quân đội có phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu khoa học theo chức trách,

nhiệm vụ được giao. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, giảng viên KHXH&NV ở các HV, NTQĐ còn là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tuyên truyền và đấu tranh BVNTTT của Đảng; lực lượng trực tiếp truyền thụ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, trực tiếp góp phần hình

thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng và năng lực thực tiễn cho người học.

Đội ngũ giảng viên KHXH&NV ở các HV, NTQĐ hiện nay có đặc điểm đa dạng về cơ cấu và thành phần, thể hiện ở sự khác biệt về quân hàm, học vị, trình độ chuyên môn, tuổi đời, tuổi quân, dân tộc và vùng miền. Sự đa dạng này phản ánh tính đặc thù của môi trường giáo dục - đào tạo trong quân đội, nơi hội tụ cả những giảng viên là sĩ quan có nhiều kinh nghiệm thực tiễn quân sự, lẫn các giảng viên trẻ được đào tạo bài bản về lý luận chính trị, triết học, xã hội học, tâm lý học, lịch sử Đảng... Dù đảm nhiệm các bộ môn khác nhau, đội ngũ giảng viên KHXH&NV đều có nhiệm vụ giáo dục, đào tạo các thế hệ cán bộ quân đội phát triển toàn diện về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và bản lĩnh chính trị - tư tưởng, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Song, bên cạnh chức năng cơ bản là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, họ còn trực tiếp tham gia vào cuộc đấu tranh TT, LL để BVNTTT của Đảng trong môi trường quân đội. Tuy nhiên, do tính chất công việc chuyên môn, hoạt động đấu tranh TT, LL của họ chủ yếu được thực hiện lồng ghép trong quá trình giảng dạy, biên soạn tài liệu, nghiên cứu khoa học và thông qua việc định hướng tư tưởng cho học viên trong từng bài giảng, chuyên đề hoặc hội thảo khoa học. Điều này cho thấy, đội ngũ giảng viên KHXH&NV ở các HV, NTQĐ không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là một lực lượng xung kích trên mặt trận TT, LL, có ảnh hưởng lớn tới sự nghiệp giáo dục - đào tạo cán bộ quân đội hiện nay.

Theo số liệu của Cục Nhà trường - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam), tính đến năm 2023, toàn quân hiện có 1537 giảng viên KHXH&NV đang công tác ở các học viện, trường sĩ quan. Về trình độ chuyên môn, 2,73% giảng viên được phong hàm Phó giáo sư; 21,01% có học vị tiến sĩ; 58,29% có trình độ thạc sĩ và 20,63% có bằng cử nhân [1].

Trong năm học 2023 - 2024, giảng viên KHXH&NV đã đạt nhiều thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và biên soạn tài liệu giảng dạy. Cụ thể, đội ngũ này đã chủ trì và tham gia 19 đề tài, sáng kiến cấp Nhà nước; 48 đề tài cấp Bộ; 320 đề tài cấp ngành và 1.071 đề tài, sáng kiến cấp cơ sở. Trong công tác biên soạn tài liệu, họ đã hoàn thành 368 giáo trình, tài liệu cấp Bộ; 142 tài liệu cấp ngành và 671 tài liệu cấp cơ sở. Đồng thời, các giảng viên cũng đạt được 9 giải thưởng tại các hội thi quốc gia, quốc tế và 7 giải thưởng cấp Bộ, bên cạnh 64 giải thưởng cấp quốc gia và 84 giải cấp Bộ [2]. Những kết quả này không chỉ phản ánh năng lực nghiên cứu, tư duy sáng tạo mà còn là minh chứng cho sự đóng góp trí tuệ của giảng viên KHXH&NV vào sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Những năm qua, nhận thức đúng vai trò của giảng viên KHXH&NV trong BVNTTT của Đảng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các HV, TSQ, các cơ quan, Khoa giáo viên đã có nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm cho đội ngũ giảng viên. Nhờ đó, phần lớn giảng viên có ý thức chính trị tốt, lập trường vững vàng, xác định rõ trách nhiệm trong BVNTTT của Đảng. Họ chủ động cập nhật chủ trương, đường lối, tích cực giảng dạy, nghiên cứu, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái với tinh thần trách nhiệm cao. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận giảng viên bộc lộ hạn chế: ngại va chạm, thiếu bản lĩnh trước các vấn đề nhạy cảm; nhận thức lý luận còn mơ hồ; gắn lý luận với thực tiễn chưa chặt chẽ; kỹ năng công nghệ thông tin yếu; thậm chí có biểu hiện dao động trước thông tin xấu độc. Nguyên nhân chủ yếu do công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát; việc bồi dưỡng bản lĩnh, phương pháp và kỹ năng đấu tranh còn thiếu hệ thống, chưa theo kịp yêu cầu.

### 3. Các giải pháp nâng cao YTCT của đội ngũ giảng viên KHXH&NV các học viện, nhà trường quân đội trong BVNTTT của Đảng

Từ thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, việc nâng cao ý thức chính trị cho đội ngũ giảng viên KHXH&NV ở các HV, NTQĐ trong BVNTTT của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là tất yếu khách quan và cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ bản sau:

*Một là, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng hệ tư tưởng cách mạng của Đảng nhằm nâng cao tri thức toàn diện, bản lĩnh chính trị và năng lực tư duy lý luận cho giảng viên KHXH&NV*

Trong điều kiện đấu tranh TT, LL ngày càng phức tạp, việc nâng cao tri thức lý luận chính trị, đặc biệt là sự giác ngộ sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng là yêu cầu tiên quyết đối với giảng viên KHXH&NV. Đây không chỉ là nền tảng để hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, lập trường chính trị kiên định, mà còn là vũ khí tư tưởng sắc bén giúp họ chủ động tham gia đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Thực tiễn cho thấy, các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng không gian mạng và các diễn đàn học thuật để truyền bá tư tưởng phản động, được ngụy trang dưới vỏ bọc “dân chủ”, “nhân quyền”, “đa nguyên, đa đảng”, “đổi mới tư duy”... với thủ đoạn tinh vi như đánh tráo khái niệm, bóp méo bản chất học thuyết Mác - Lênin, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Những thủ đoạn đó có thể gây nhiễu loạn nhận thức nếu đội ngũ giảng viên không được trang bị đầy đủ về hệ tư tưởng, thiếu khả năng phản biện và lập luận khoa học.

Vì vậy, cấp ủy, người chỉ huy các cấp ở các HV, NTQĐ phải xác định rõ trách nhiệm chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho giảng viên KHXH&NV. Trước hết, cần thực hiện nghiêm túc các nội dung được nêu trong các

văn kiện Đảng: “Học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh... là nội dung quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng” [3, tr. 3]; “Gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” là cơ bản, “chống” phải quyết liệt, hiệu quả” [4, tr. 8]; đồng thời, thường xuyên cập nhật cho giảng viên những “vấn đề lý luận và thực tiễn về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân; những vấn đề đặt ra trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận trong thời kỳ mới” [5, tr. 48].

Mặt khác, cần vận dụng đa dạng các hình thức giáo dục cho giảng viên KHXH&NV như: học tập chính trị, quán triệt nghị quyết, sinh hoạt Đảng, sinh hoạt Ngày văn hóa tinh thần và thông qua các lớp tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên môn hoặc tổ chức tốt các diễn đàn, trao đổi, hội thảo, tọa đàm, hội nghị, thông tin chuyên đề. Qua đó, không chỉ nâng cao nhận thức lý luận, mà còn giúp giảng viên hình thành “miễn dịch tư tưởng” trước các luồng thông tin sai trái, củng cố YTCT, bản lĩnh nghề nghiệp và năng lực sư phạm trong quá trình thực hiện chức năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học gắn với BVNTTT của Đảng ở các HV, NTQĐ.

*Hai là, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng của cấp ủy, tổ chức Đảng và người chỉ huy trong nâng cao YTCT cho giảng viên KHXH&NV, góp phần BVNTTT của Đảng*

Cấp ủy, tổ chức đảng và người chỉ huy ở các HV, NTQĐ phải thường xuyên quán triệt, triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả các nghị quyết, kế hoạch của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về BVNTTT của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới, trọng tâm là: Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 14-

KH/TW ngày 25/3/2019 của Ban Bí thư về thực hiện Nghị quyết số 35; Kết luận số 53-KL/TW ngày 04/6/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ đạo đấu tranh ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc trên Internet, mạng xã hội; Đề án Quân đội phòng, chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa... gắn với triển khai có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, III về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; Nghị quyết số 847-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới [6, tr. 11].

Việc cụ thể hóa các văn kiện này cần bám sát đặc điểm của từng đơn vị, từng khoa, từng bộ môn KHXH&NV, để xây dựng các nghị quyết chuyên đề phù hợp, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm về công tác TT, LL và nhiệm vụ BVNTTT của Đảng. Trên cơ sở đó, mỗi cấp ủy cần xây dựng chương trình hành động cụ thể, tổ chức thực hiện nền nếp, coi đó là nội dung thường xuyên, là tiêu chí bắt buộc trong đánh giá chất lượng đảng viên, giảng viên. Đặc biệt, lãnh đạo khoa, bộ môn cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tri thức sâu rộng và năng lực thực tiễn vững chắc. Từ đó, góp phần dẫn dắt, định hướng, truyền cảm hứng và tạo động lực nội sinh cho đội ngũ giảng viên KHXH&NV trong toàn đơn vị, làm lan tỏa tinh thần cách mạng, niềm tin khoa học và ý thức trách nhiệm chính trị trong giảng dạy, nghiên cứu và đấu tranh BVNTTT của Đảng.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, biểu dương cần được tiến hành thường xuyên, khách quan, minh bạch. Việc phát hiện, kịp thời nhân rộng những cá nhân tiêu biểu trong đấu tranh BVNTTT của Đảng sẽ tạo động lực, khích lệ mạnh mẽ tinh thần học tập, rèn luyện và cống hiến của giảng viên. Đồng thời, cần thẳng thắn chỉ ra những biểu hiện lệch lạc về nhận thức chính trị, thiếu nhạy bén về tư tưởng, hạn chế về kỹ năng phản bác

luận điệu sai trái, để kịp thời giáo dục, chỉnh đốn, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên KHXH&NV - lực lượng giữ vai trò đặc biệt trong nhiệm vụ BVNTTT của Đảng trong quân đội hiện nay.

*Ba là, xây dựng môi trường thuận lợi và tổ chức tốt các hoạt động thực tiễn để giảng viên KHXH&NV được rèn luyện, thử thách nâng cao YTCT và năng lực đấu tranh BVNTTT của Đảng*

Việc xây dựng môi trường thuận lợi và tổ chức các hoạt động thực tiễn là một trong những điều kiện nền tảng để nâng cao ý thức chính trị và năng lực đấu tranh của giảng viên KHXH&NV ở các HV, NTQĐ, đồng thời là môi trường “huấn luyện thực tế” giúp họ từng bước củng cố bản lĩnh chính trị, hình thành phẩm chất kiên định, tư duy lý luận sắc sảo và năng lực phản biện khoa học vững vàng - những yêu cầu không thể thiếu, góp phần BVNTTT của Đảng trong quân đội.

Để đạt được hiệu quả thiết thực, cấp ủy, chỉ huy cần chủ động xây dựng môi trường thông tin chính trị lành mạnh, định hướng rõ ràng, thống nhất và cập nhật thường xuyên cho đội ngũ giảng viên KHXH&NV. Nội dung thông tin được cung cấp không chỉ phải chính xác, kịp thời mà còn cần mang tính chiến lược, toàn diện và phù hợp với đặc thù giảng dạy các môn KHXH&NV trong môi trường quân sự. Đây là cơ sở để giảng viên chủ động tích hợp các luận cứ khoa học vào bài giảng, nâng cao chất lượng phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên cả giảng đường và không gian mạng.

Bên cạnh đó, tổ chức đa dạng các hoạt động thực tiễn, như: lồng ghép nội dung đấu tranh TT, LL trong bài giảng, xêmina; viết bài tham luận, hội thảo, tọa đàm; viết bài đăng báo và trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội zalo, facebook, blogger, fanpage...; tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học liên quan. Đặc biệt, cần khuyến khích giảng viên tích cực tham gia Cuộc thi chính luận về BVNTTT của Đảng do Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tổ chức hằng năm. Đây chính là phương thức để giảng viên “va chạm”, thử thách bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực tư duy và khả năng truyền đạt luận điểm khoa học. Qua đó, mỗi giảng viên không chỉ trở thành một “chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng” mà còn là “người truyền lửa lý tưởng” cho học viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sĩ quan, xây dựng thế trận tư tưởng vững chắc trong quân đội.

Ngoài ra, cấp ủy, người chỉ huy cần chỉ đạo xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách và cơ chế khuyến khích giảng viên KHXH&NV tích cực tham gia đấu tranh BVNTTT của Đảng. Điều này bao gồm: khen thưởng kịp thời các công trình mang tính “bút chiến” sắc sảo, có giá trị phản bác hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đại; xây dựng mạng thông tin nội bộ an toàn, bảo mật để bảo vệ thông tin cá nhân và sinh mệnh chính trị của cán bộ, giảng viên và gia đình. Đây chính là những điều kiện cần thiết để tạo dựng niềm tin, củng cố động lực, bảo đảm cho giảng viên yên tâm cống hiến lâu dài trên mặt trận TT, LL trong quân đội.

*Bốn là, phát huy tính chủ động, tự giác và tinh thần trách nhiệm chính trị của giảng viên KHXH&NV trong BVNTTT của Đảng*

YTCT là biểu hiện tập trung nhất của sự tự giác về tư tưởng, thái độ và hành vi chính trị của mỗi cá nhân trong hoạt động xã hội, đặc biệt đối với đội ngũ giảng viên KHXH&NV - lực lượng giữ vị trí then chốt trong giáo dục lý luận chính trị và đấu tranh BVNTTT của Đảng ở các HV, NTQĐ. Ý thức này không thể chỉ hình thành từ những tác động bên ngoài thông qua giáo dục, định hướng của tổ chức, mà cần được củng cố từ bên trong thông qua quá trình tự tu dưỡng, tự rèn luyện, tự phấn đấu không ngừng của bản thân giảng viên. Việc phát huy tính chủ động, tự giác và tinh thần trách nhiệm chính trị không chỉ là biểu hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, mà còn là một yêu cầu tất yếu xuất phát từ sứ mệnh chính trị cao cả của người giảng viên KHXH&NV trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo ở các HV, NTQĐ.

Trong tổ chức thực hiện, cấp ủy, người chỉ huy cần thường xuyên giáo dục, quán triệt và tạo điều kiện để giảng viên nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của mình trong công cuộc BVNTTT của Đảng. Trên cơ sở đó, mỗi giảng viên KHXH&NV phải xác định rõ ràng: việc tham gia đấu tranh TT, LL là một phần không thể tách rời trong chức trách, nhiệm vụ được giao, vừa là danh dự, vừa là trách nhiệm lớn lao đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Do đó, giảng viên không được đứng ngoài hoặc né tránh trước các vấn đề tư tưởng phức tạp, nhạy cảm; ngược lại, phải sẵn sàng thể hiện bản lĩnh, dũng khí và trách nhiệm chính trị rõ ràng trong phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bằng lý lẽ vững chắc, lập luận chặt chẽ và tinh thần đấu tranh khoa học, thuyết phục.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của không gian mạng, giảng viên KHXH&NV càng cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trên mặt trận TT, LL. Những thách thức do các thế lực thù địch sử dụng Internet, mạng xã hội để lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc bản chất cách mạng của Đảng đòi hỏi mỗi giảng viên phải không ngừng cập nhật tri thức mới, rèn luyện tư duy phản biện, năng lực truyền thông số và khả năng đấu tranh lý luận đa chiều. Cần chủ động thể hiện chính kiến một cách công khai, có căn cứ khoa học và cơ sở pháp lý vững chắc, qua các hình thức như bài viết chuyên sâu, bài giảng, tham luận hội thảo, hoặc phát biểu trên nền tảng truyền thông chính thống và mạng xã hội. Điều này vừa là thử thách, vừa là cơ hội để khẳng định bản lĩnh chính trị và năng lực học thuật của giảng viên KHXH&NV trong môi trường thông tin phức tạp hiện nay.

Đồng thời, giảng viên KHXH&NV phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nội dung cốt lõi, giá trị và sức sống trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng ta. Thông qua quá trình giảng dạy, nghiên cứu và đấu tranh lý luận, giảng viên cần khẳng định tính nhất quán giữa

nhận thức với hành động, giữa tư tưởng với thực tiễn, thể hiện tinh thần “nói đi đôi với làm”, “giảng dạy gắn liền với phản bác”. Mỗi bài giảng, mỗi công trình khoa học, mỗi bài viết phải là kết tinh sinh động của tư duy lý luận sắc bén, là “vũ khí mềm” trên mặt trận BVNTTT của Đảng. Không chỉ vậy, giảng viên cần chủ động nghiên cứu, phản ánh

những vấn đề còn bỏ ngỏ trong lý luận, đề xuất kiến giải mới, góp phần phát triển tư duy lý luận mácxít trong điều kiện hiện nay, đúng với tinh thần: “Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới” [7, tr. 174].

## 4. Kết luận

Ý thức chính trị là điều kiện tiên quyết quan trọng hàng đầu bảo đảm cho đội ngũ giảng viên KHXH&NV trong quân đội hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. Trong bối cảnh hiện nay, BVNTTT của Đảng là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, bền bỉ và lâu dài, tuyệt đối không được chủ quan,

lơ là, cần thường xuyên đổi mới, sáng tạo trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, mỗi giảng viên KHXH&NV cần có ý thức, bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết với Đảng, với sự nghiệp cách mạng, luôn tích cực, chủ động trong đấu tranh BVNTTT của Đảng./.

### ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Quốc Phòng (2024): *Đề án Đổi mới công tác giáo dục khoa học xã hội và nhân văn trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu, Quân đội nhân dân Việt Nam (2024): *Báo cáo Tổng kết năm học 2023 - 2024, phương hướng nhiệm vụ năm học 2024 - 2025*, Hà Nội.
- 3 - 4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) (2018): *Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007): *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Ban Chỉ đạo 35, Quân ủy Trung ương (2023): *Báo cáo số 2630-BC/BCĐ ngày 23/8/2023 về Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024): *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại Đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.



# XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH Ở KHÁNH HÒA TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

ThS. Nguyễn Hữu Anh \*

**Tóm tắt:** Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ là giải pháp quan trọng thuộc một trong ba đột phá chiến lược được Đảng ta xác định. Trong đó nhấn mạnh việc tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, bao gồm đội ngũ cán bộ chủ chốt (CBCC) cấp tỉnh. Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận về xây dựng phong cách lãnh đạo (PCLĐ), đánh giá thực trạng xây dựng PCLĐ của CBCC, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh phù hợp với đặc thù và thực tiễn quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa.

**Từ khóa:** Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, phong cách lãnh đạo, tỉnh Khánh Hòa, kỷ nguyên phát triển mới.

**Nhận bài:** 20/3/2025; đưa vào biên quy trình biên tập 20/3/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Mở đầu

Những thành tựu của công cuộc đổi mới sau gần 40 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên mọi phương diện, tạo ra thế và lực mới của đất nước. Điều này đã mang lại những cơ hội, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Tuy vậy, nó cũng đặt ra cho tổ chức đảng, chính quyền các cấp yêu cầu không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tiến trình hội nhập sâu rộng, toàn diện. Đặc biệt là yêu cầu xây dựng PCLĐ của đội ngũ CBCC cấp tỉnh phù hợp với tình hình mới, gắn liền với chủ trương “Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” [4, tr. 256-257].

Nhận thức rõ xu thế của thời đại và hiện thực mới trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, đội ngũ CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa đã luôn xác định rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm

của mình trong quá trình lãnh đạo cấp dưới và Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, không ngừng phát huy lợi thế “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của địa phương. Tuy vậy, trước đòi hỏi của tình hình mới, vẫn còn một số cán bộ chưa chủ động, sáng tạo, đổi mới trong cách làm và cả tư duy quản lý, lãnh đạo của mình. Nhìn rộng ra, đây chính là việc chưa định hình được PCLĐ một cách rõ nét trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Do đó, nghiên cứu xây dựng PCLĐ của CBCC có ý nghĩa ý quan trọng, góp phần hỗ trợ quá trình hoạch định chính sách và thực tiễn quản lý, lãnh đạo, khắc phục những hạn chế của đội ngũ CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa.



## 2. Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và xây dựng phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh

### 2.1. Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh

Theo từ điển Tiếng Việt, chủ chốt là “Quan trọng nhất, có tác dụng làm nòng cốt” [5, tr. 174]. Với cách hiểu này, có thể thấy CBCC là người quan trọng nhất, có tác dụng làm nòng cốt trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam. Bên cạnh đó, CBCC là những người giữ chức năng lãnh đạo, quản lý các hoạt động của tổ chức, địa phương nơi công tác; có nhiệm vụ tham gia định hướng, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời chịu trách nhiệm trước cấp trên và cấp mình về những lĩnh vực công tác được giao.

Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là những người đứng đầu tổ chức Đảng, Nhà nước; những người đứng đầu một tổ chức, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội (cấp trưởng, cấp phó), thông qua bầu cử để có chức danh và làm việc có nhiệm kỳ theo quyết định bổ nhiệm. Cho đến nay, mặc dù chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể, nhằm làm căn cứ để xác định những ai là CBCC cấp tỉnh, song có thể tham khảo Kết luận 35 của Bộ Chính trị ngày

05/5/2022 về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở để xác định. Theo đó, tại nhóm II (Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) có thể hiểu, CBCC cấp tỉnh bao gồm: Bí thư tỉnh ủy, Phó bí thư tỉnh ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong thực tế, ngoài các chức danh được xác định ở trên thì một số địa phương xem Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là CBCC.

Một cách khái quát có thể hiểu, CBCC cấp tỉnh là những người nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Họ là những người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của đơn vị hành chính cấp tỉnh.

### 2.2. Xây dựng phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc

#### 2.2.1. Phong cách lãnh đạo và xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh

Phong cách lãnh đạo “là những phương pháp hoặc cách thức nhà lãnh đạo thường dùng để gây ảnh hưởng đến đối tượng lãnh đạo. Xét trên phương diện cá nhân, phong cách lãnh đạo chính là cách thức làm việc của nhà lãnh đạo” [2, tr. 65]. Mặc dù PCLĐ là quá trình gây ảnh hưởng, song không phải bằng quyền lực, vị trí được bổ nhiệm theo quy trình của người lãnh đạo, mà đó là một cách thức hay tập hợp các cách thức của người lãnh đạo nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ mà đơn vị, tổ chức đã đặt ra. PCLĐ là quá trình gây ảnh hưởng của người đứng đầu (lãnh đạo)

đối với cấp dưới. Quá trình này phụ thuộc vào năng lực của người lãnh đạo.

Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh được xem là một yêu cầu, nhiệm vụ thường xuyên, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Đảng trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh là quá trình xác định nội dung, phương thức và chủ thể xây dựng. Đây là tập hợp những hoạt động có tính đồng bộ lên một tập thể cán bộ; là quá trình hoạch định chủ trương, phương hướng cụ thể qua công tác cán bộ để

tổ chức thực thi, tạo ra một tập thể cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu và các cơ quan tham mưu của Đảng, trong các cơ quan tham mưu đó thì cơ quan tổ chức là nòng cốt. Hơn thế, bản thân người CBCC cấp tỉnh cần phải xác định rõ vị trí, vai trò đứng đầu của mình, từ đó đánh giá được tác động, lợi ích của bối cảnh thời đại để xác định được tầm nhìn và chiến lược trong quá trình lãnh đạo, quản lý nhằm định hình rõ nét PCLĐ phù hợp với thực tiễn.

Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc đặt ra cho việc xây dựng PCLĐ của CBCC cấp

tỉnh những yêu cầu mới. Trong đó, yêu cầu xây dựng được đội ngũ CBCC với PCLĐ “Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết” [8]. Từ thực tiễn công tác cán bộ thời gian qua trong cả nước cho thấy cần xây dựng cho được đội ngũ CBCC cấp tỉnh có PCLĐ dân chủ, tiên phong, gương mẫu, khoa học để tổ chức thực hiện, đưa chủ trương chiến lược của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

### 2.2.2. Chủ thể, tiêu chí và phương thức xây dựng phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh

Chủ thể xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh: là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định chủ thể quá trình xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh bao gồm:

**Một là**, các cơ quan, tổ chức: Đây là chủ thể gián tiếp, có vai trò tác động tới việc xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh thông qua công tác cán bộ như giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; thông qua môi trường làm việc với những thể chế, quy chế, nội quy, quy định cụ thể, rõ ràng.

**Hai là**, cá nhân người CBCC: Đây là chủ thể trực tiếp, thông qua quá trình tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu để xây dựng PCLĐ cho bản thân nhằm đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ công tác, phát huy được ưu điểm và khắc phục được những hạn chế, khuyết điểm.

Tiêu chí về PCLĐ của CBCC cấp tỉnh: Căn cứ Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới, chúng tôi xác định tiêu chí về PCLĐ của CBCC cấp tỉnh như sau:

+ CBCC cấp tỉnh phải có PCLĐ tiên phong, gương mẫu.

+ CBCC cấp tỉnh phải có PCLĐ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ.

+ CBCC cấp tỉnh phải có PCLĐ khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc.

+ CBCC cấp tỉnh phải có PCLĐ khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời.

Phương thức xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh: là tổng thể các cách thức, hình thức, phương pháp, quy định... mà các chủ thể sử dụng để các CBCC cấp tỉnh có được các phẩm chất theo các tiêu chí trên. Về cơ bản, có thể xác định phương thức xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh như sau:

**Một là**, thông qua chủ trương, nghị quyết, chiến lược, quy chế, quy định về công tác cán bộ.

**Hai là**, thông qua công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nghị quyết, chủ trương về công tác cán bộ.

**Ba là**, thông qua vai trò của tổ chức đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ CBCC.

**Bốn là**, thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

### 3. Thực trạng xây dựng phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở Khánh Hòa

#### 3.1. Những kết quả đạt được

Một là, công tác chỉ đạo, điều hành xây dựng PCLĐ của CBCC được Tỉnh ủy, lãnh đạo các cấp đặc biệt quan tâm, tổ chức thực hiện. Nổi bật như: Quy định số 1077, ngày 17/1/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; Văn bản số 7583, ngày 10/7/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai Quy định về thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ (Quyết định 142) của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Đặc biệt, “Trong năm 2024 UBND tỉnh Khánh Hòa ra 54 văn bản cải cách hành chính triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn triển khai cải cách hành chính của Trung ương” [7, tr. 3]. Có thể thấy, xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa được xác định là yếu tố then chốt, tập trung vào nội dung trọng tâm “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, thân thiện, nhiệt huyết, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là về tham mưu xây dựng, quản lý triển khai quy hoạch, cơ chế, chính sách, chuyển đổi số” [7, tr. 2].

Hai là, quá trình xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh Khánh Hòa luôn gắn liền với mục tiêu phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Theo đó, mục tiêu trong năm 2024 và các năm tiếp theo của tỉnh Khánh Hòa là tập trung “Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; hiện đại hóa hệ thống chính trị ở cơ sở gắn với thực hành dân chủ cơ sở; bám sát chủ đề năm 2024 của tỉnh là “Quản trị và Điều hành” [7, tr. 2]. Như vậy, mục tiêu này tạo tầm nhìn cho CBCC cấp tỉnh hình thành PCLĐ số; đồng thời tạo lập được các PCLĐ phù hợp

#### 3.2. Một số hạn chế

Một là, trước sự biến đổi, phát triển của tình hình thực tiễn, vẫn còn một số cán bộ, tổ chức đảng có biểu hiện thiếu năng động, nhạy bén, thiếu sáng tạo và chậm đổi mới

với bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và thế giới. Trong thực tế, đến cuối năm 2024, “toàn tỉnh Khánh Hòa đã triển khai bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho hơn 8.600 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, cơ quan báo chí, truyền thông” [7, tr. 30]. Đặc biệt, đầu năm 2025, Khánh Hòa là một trong những địa phương tiên phong xây dựng và từng bước đưa vào áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (hay còn gọi là KPI).

Ba là, công tác đánh giá cán bộ đã từng bước góp phần xây dựng PCLĐ của CBCC cấp tỉnh, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Quá trình đánh giá cán bộ, các cấp ủy đã kiểm điểm nhiệm vụ, công tác hàng năm gắn với kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành Quy định về quy trình giao nhiệm vụ trọng tâm và đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm. Đây là lần đầu tiên việc giao nhiệm vụ và đánh giá cán bộ bằng sản phẩm cụ thể được thể chế hóa thành quy định của tỉnh. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính trong năm 2024 cho thấy, chỉ số hài lòng chung đạt 85,70%, vượt mục tiêu đặt ra tại kế hoạch năm 2023. Những kết quả trên thể hiện quyết tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, cải cách hành chính, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân của các tổ chức, đơn vị trong địa bàn tỉnh. Điều này cũng một phần thể hiện vai trò, vị trí của CBCC cấp tỉnh, đặc biệt là trong PCLĐ hoạt động cải cách hành chính.

PCLĐ. Do đó, “Công tác nắm bắt, xử lý tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, nhất là trước những vấn đề nhạy cảm, phức tạp nảy sinh có lúc chưa kịp thời, hiệu quả” [6, tr. 26]. Mặt

khác, xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nên chất lượng đội ngũ CBCC ở một số đơn vị cấp tỉnh chưa đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, về trình độ tin học, chuyển đổi số, ngoại ngữ và một số kỹ năng trong xử lý đạo đức công vụ... dẫn đến việc CBCC cấp tỉnh thiếu chủ động, sáng tạo trong công tác tham mưu.

Hai là, trong hoạt động kiểm soát quyền lực, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng vẫn còn một số số CBCC chưa phát huy hết vai trò, vị trí trong quá trình lãnh đạo; thiếu tính quyết đoán, tiên phong, gương mẫu. Do đó, “Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, do có nhiều sai phạm nên tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và một số cán bộ chủ chốt của tỉnh bị xử lý kỷ luật” [6, tr. 28]. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng đơn vị bỏ nhiệm, điều động, giới thiệu cán bộ ứng cử không đảm bảo quy trình, thủ tục, “việc giám sát công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình ở một số chi bộ, đảng bộ cơ sở, tập thể lãnh đạo... còn hình thức, chưa kiên quyết, thẳng thắn, còn có biểu hiện cả nể, ngại va chạm” [3]. Một trong những nguyên nhân của những hạn chế này là do “Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức; trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ chủ chốt còn hạn chế” [1, tr. 2].

Ba là, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính ở một số cơ quan tại một số thời điểm còn chưa sâu sát, chưa thường xuyên. Trong đó, “chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một số cơ quan còn hạn chế, chưa đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức, viên chức tại một số cơ quan chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp” [7, tr. 34]. Đặc biệt, “nhân lực tại cơ quan chuyên trách chuyển đổi số và các cơ quan thiếu về số lượng và còn hạn chế về khả năng tiếp cận các công nghệ mới phục vụ công tác tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện” [7, tr. 35]. Nguyên nhân của những hạn chế trên ít nhiều xuất phát từ việc “Mối quan hệ, phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát giữa ủy ban kiểm tra các cấp với các cơ quan liên quan chưa được thực hiện thường xuyên. Một bộ phận cán bộ kiểm tra ở cơ sở còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm, bản lĩnh công tác” [6, tr. 30]; “Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của một số bộ, ngành Trung ương và tỉnh Khánh Hòa chưa được quan tâm thường xuyên, còn thiếu chủ động, chưa sáng tạo, quyết liệt” [1, tr. 2].

#### **4. Giải pháp xây dựng phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở Khánh Hòa trong kỷ nguyên phát triển vươn mình của dân tộc**

Một là, CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa cần xây dựng được PCLĐ tiên phong. PCLĐ tiên phong đòi hỏi ở đội ngũ CBCC cấp tỉnh năng lực tự thúc đẩy chính mình và cách thức để thúc đẩy cấp dưới, Nhân dân thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương. Sự thay đổi của công nghệ số diễn ra liên tục, do đó người CBCC có PCLĐ tiên phong cũng chính là người biết thiết lập xu hướng linh hoạt trong chính địa phương mình lãnh đạo, đồng thời giám chịu trách nhiệm trước những thiết lập mà mình tạo ra. Hơn thế, với mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, ở Khánh Hòa đội ngũ CBCC

cần định hình tầm nhìn chiến lược gắn với bản sắc địa phương. Theo đó, cần đề ra chiến lược phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 - 2045 một cách cụ thể, tập trung vào thế mạnh du lịch, kinh tế biển, và văn hóa bản địa (phát triển Nha Trang thành trung tâm du lịch quốc tế, bảo tồn di sản văn hóa Chăm Pa...). Đồng thời không ngừng xác định chiến lược trong việc liên kết vùng và quốc tế. Trong đó, thúc đẩy hợp tác với các tỉnh Nam Trung Bộ và thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực hạ tầng, công nghệ cao.

Hai là, CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa cần xây dựng được PCLĐ gương mẫu. Trong bối cảnh

chuyển đổi số, công nghệ số sự gương mẫu của CBCC là quá trình nỗ lực không ngừng tự đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết để áp dụng công nghệ số vào quá trình lãnh đạo, quản lý. Người CBCC có kiến thức sâu rộng về CDS không chỉ giúp cho việc triển khai hoạt động CDS trở nên nhánh chóng, hiệu quả mà còn giúp tăng niềm tin với lãnh đạo cấp trên, uy tín với cấp dưới, đặc biệt tăng cam kết phục vụ của chính quyền đối với Nhân dân. PCLĐ gương mẫu của CBCC cấp tỉnh còn cần được thể hiện ở phương diện đạo đức và minh bạch trong lãnh đạo. Do đó, CBCC cấp tỉnh cần xây dựng văn hóa liêm chính, áp dụng cơ chế giám sát công khai, công khai tài sản cán bộ, và xử lý nghiêm các vi phạm; cần gương mẫu trong ứng xử, tôn trọng pháp luật, và gần gũi với người dân qua các chương trình tiếp xúc trực tiếp.

*Ba là*, CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa cần xây dựng được PCLĐ dân chủ. PCLĐ dân chủ hết sức quan trọng, đóng vai trò to lớn trong việc xây dựng thành công mục tiêu, chiến lược và kết quả của quá trình lãnh đạo. Do đó, CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa, cần tìm kiếm, lắng nghe quan điểm, ý kiến của các cá nhân trong tổ chức, địa phương. Điều này cần đảm bảo rằng, các quyết định của CBCC đều có sự tham gia ý kiến (và các ý kiến được tôn trọng) của tất cả các bên liên quan. PCLĐ dân chủ còn đòi hỏi ở đội ngũ CBCC cấp tỉnh sự lắng nghe và phát huy dân chủ bằng cách thiết lập kênh phản hồi đa chiều, sử dụng nền tảng trực tuyến, diễn đàn công dân để thu thập ý kiến người dân về các dự án phát triển; thí điểm mô hình “Lãnh đạo đồng hành”; tổ chức các buổi đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp, thanh niên, người dân tộc thiểu số. Đặc biệt, CBCC cần thiết lập được văn hóa đoàn kết nội bộ và xây dựng văn hóa tổ chức bằng cách khuyến khích tinh thần teamwork, xây dựng môi trường làm việc cởi mở, khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể có đóng góp nổi bật.

*Bốn là*, CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa cần xây dựng được PCLĐ khoa học. Bản chất của

PCLĐ khoa học là quá trình xác định phương pháp, cách thức tiếp cận của người lãnh đạo trong từng kế hoạch, chiến lược cụ thể nhằm đưa lại hiệu quả cao. Do đó, đối với CBCC cấp tỉnh ở Khánh Hòa, để xây dựng được PCLĐ khoa học, cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Không ngừng đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Trong đó, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng AI trong quản lý du lịch và giao thông đô thị; khuyến khích khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương và Startup trong lĩnh vực du lịch thông minh, nông nghiệp công nghệ cao. Có chiến lược cụ thể, rõ ràng, dài hạn cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó, ưu tiên đào tạo cán bộ trẻ, mở các khóa đào tạo kỹ năng lãnh đạo 4.0 (quản trị số, tư duy đổi mới) kết hợp với học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Bên cạnh đó, cần có chính sách để thu hút nhân tài; xây dựng chính sách đãi ngộ đặc biệt cho chuyên gia trong lĩnh vực biển, du lịch, công nghệ.

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của của tỉnh Khánh Hòa với quốc gia; thiết lập sự tin tưởng, độ tin cậy với Nhân dân, cấp dưới; cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ; lấy việc triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, của tập thể lãnh đạo đơn vị, địa phương.

- Quá trình quản lý, lãnh đạo cần chú trọng đến việc phát triển bền vững môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Trong đó, xác định lồng ghép yếu tố xanh vào phát triển như quy hoạch đô thị thông minh, giảm rác thải nhựa, phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời); xây dựng kế hoạch ứng phó thiên tai, tăng cường hệ thống cảnh báo sớm, bảo vệ rừng ngập mặn và rạn san hô.

## 5. Kết luận

Xây dựng PCLĐ là một trong những vấn đề được Đảng, Nhà nước, Nhân dân hết sức quan tâm. Ở cấp tỉnh, PCLĐ của CBCC không chỉ phản ánh năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tác động to lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Đối với Khánh Hòa, để cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới thì quá trình xây dựng PCLĐ của đội ngũ CBCC cần kết hợp được tầm nhìn dài hạn, đạo đức vững vàng, sáng tạo đột phá và

gắn bó với Nhân dân. Với các định hướng giải pháp về xây dựng PCLĐ trên, sẽ góp phần đưa Khánh Hòa trở thành hình mẫu phát triển bền vững, hội nhập nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Đây cũng là nền tảng của quá trình triển khai hiệu quả tinh thần Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Chính trị - Đảng Cộng sản Việt Nam (2022): *Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
2. Bradley, S. Smith (2016): *The role of leadership style in creating a great school*, *SELU Research Review Journal*, 1 (1), 65-78.
3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Khánh Hòa (2023): *Nâng cao kiểm soát quyền lực trong công tác tổ chức, cán bộ* - Cổng thông tin điện tử tỉnh ủy Khánh Hòa: <https://tinhuylkhankhohoa.vn/tin-bai/xdd-cttc-cong-tac-to-chuc/ban-to-chuc-tinh-uy-khanh-hoa%C2%A0-nang-cao-kiem-soat-quyen-luc-trong-cong-tac-to-chuc-can-bo-14882>. Ngày truy cập 20/3/2025.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Trung tâm Từ điển học (2003): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
6. Tỉnh ủy Khánh hòa (2023): *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa khóa XVII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
7. UBND tỉnh Khánh Hòa (2024): *Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2024*.
8. Tô Lâm (2025): *Về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, [https://dangcongsan.vn/noidung/tintuc/Lists/VietNamKynguyenvuonminh/View\\_Detail.aspx?ItemID=14](https://dangcongsan.vn/noidung/tintuc/Lists/VietNamKynguyenvuonminh/View_Detail.aspx?ItemID=14). Ngày truy cập 20/3/2025.



# NIỀM TIN CHÍNH TRỊ CỦA NHÂN DÂN – BỨC TRƯỜNG THÀNH CHẶN TIN GIẢ, TIN XẤU, ĐỘC

TS. Trần Quang Huy \*

**Tóm tắt:** Phát tán, lan truyền tin giả, tin xấu, độc hòng làm suy giảm niềm tin chính trị của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa là thủ đoạn hiện nay đang được các thế lực thù địch, cơ hội chính trị triệt để thực hiện. Nếu đã tâm đó của chúng đạt được, thì chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước sẽ rất khó đi vào cuộc sống, và đó còn là cơ hội để chúng lợi dụng, chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ, hạ thấp uy tín, vai trò của Đảng, Nhà nước trước nhân dân. Bài viết góp phần chỉ rõ thêm vai trò của niềm tin chính trị của nhân dân và một số giải pháp để bồi đắp, củng cố thêm niềm tin đó nhằm ngăn chặn, loại bỏ tin giả, tin xấu, độc.

**Từ khóa:** Niềm tin chính trị; nền tảng tư tưởng; tin giả, tin xấu, độc.

**Nhận bài:** 15/11/2024; đưa vào quy trình biên tập: 15/11/2024; duyệt đăng: 25/6/2025.

## 1. Niềm tin chính trị và sức mạnh niềm tin chính trị của nhân dân

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, luận điểm đó đã luôn được chứng minh trong suốt chiều dài của lịch sử nhân loại. Sự tin tưởng của nhân dân là nhân tố hàng đầu đảm bảo cho sự ổn định xã hội và sự tồn vong của một chế độ. Trong xã hội có giai cấp, dù ở bất cứ thời đại nào, chế độ chính trị nào, khi người dân không còn tin vào sự lãnh đạo của chính quyền thì nhà nước ấy, giai cấp cầm quyền ấy ắt sẽ sụp đổ. Là một hình thái tâm lý của con người, niềm tin là sự cảm nhận và gắn kết của con người về một điều gì đó, được nảy sinh từ cơ sở hạ tầng xã hội, từ đời sống vật chất của con người. Do sự tác động biện chứng giữa các hình thái ý thức xã hội và sự chi phối của chính trị, mà niềm tin của con người liên quan đến chính trị, xuất phát và do chính trị chi phối, được gọi là niềm tin chính trị.

Niềm tin chính trị của nhân dân là sự tin tưởng, kỳ vọng của người dân vào một đảng phái chính trị, một nhà nước, mà trực tiếp, cụ thể là vào chủ trương, đường lối của đảng, uy tín của lãnh tụ đảng đó và vào những chính sách,

pháp luật của nhà nước. Niềm tin của nhân dân ta hiện nay vào bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội mới, vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, vào năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên và tin vào sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, không thể bằng sự cưỡng chế, mà qua quá trình kiểm chứng và thử thách lâu dài. Niềm tin này là thước đo phản ánh hiệu quả hoạt động thực tiễn, biểu thị uy tín của đảng, nhà nước trước nhân dân. Niềm tin chính trị của nhân dân là nhân tố quan trọng nhất đảm bảo cho vai trò lãnh đạo của chính đảng cầm quyền. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “Nhiệm vụ thứ nhất của bất cứ một chính đảng nào có trọng trách đối với tương lai là thuyết phục cho đa số nhân dân thấy được sự đúng đắn của cương lĩnh và sách lược của mình” [3, t. 36, tr. 208].

Xét các lớp cấu trúc của ý thức, sự hoà quyện giữa tri thức với tình cảm và trải nghiệm thực tiễn sẽ tạo nên niềm tin trong mỗi chủ thể hoạt động. Đến lượt mình, niềm tin là cơ sở tạo nên ý chí, quyết tâm, những cố gắng, nỗ lực, huy động tối đa tiềm năng trong mỗi con người vào hoạt động để vượt qua mọi trở ngại nhằm

đạt mục đích đã xác định. Niềm tin chính trị tạo lên động lực hành động của nhân dân tham gia các hoạt động cách mạng, khơi dậy tinh thần đấu tranh với quyết tâm và sự tin tưởng vào một tương lai tươi sáng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, với niềm tin chính trị, người dân thành Thăng Long đã thực hiện “Thanh dã” (vườn không nhà trống) cùng nhà Trần chiến thắng quân Nguyên - Mông; cùng Lê Lợi, Quang Trung đánh tan quân Minh, quân Mãn Thanh xâm lược. Tới hiện đại, đặt niềm tin vào Đảng, quần chúng nhân dân đã hăng hái đấu tranh làm nên cao trào 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô Viết - Nghệ Tĩnh, vượt qua cuộc khủng bố trắng tàn bạo để khôi phục phong trào cách mạng ở giai đoạn 1932 - 1935 rồi tiếp đà làm nên phong trào dân chủ rộng lớn khắp Đông Dương những năm 1936 - 1939. Dấu mốc lịch sử chói lóa của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là minh chứng cho sự đền đáp niềm tin của hơn 20 triệu đồng bào đã dành cho Đảng sau khi tiếp tục trải qua cao trào 1939 - 1945 và nhất tề đứng lên giành chính quyền từ tay phát xít, thực dân. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, đối với Nhà nước non trẻ đã giúp cho cả dân tộc vượt qua “giặc đốt”, “giặc đói”, “giặc ngoại xâm”, hiên ngang bước qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp với kỳ tích Điện Biên Phủ 1954, tiếp đó là cuộc trường kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc bằng Đại thắng mùa Xuân 1975.

## 2. Thử đoạn dùng tin giả, tin xấu độc để phá hoại niềm tin chính trị của nhân dân

Có nhiều nhân tố để tạo dựng và đảm bảo cho sự bền vững niềm tin chính trị của nhân dân, nhưng cũng có rất nhiều nhân tố gồm cả chủ quan và khách quan tác động làm suy giảm niềm tin đó. Về chủ quan, trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế đã xuất hiện các biểu hiện tiêu cực như suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự chuyển hóa” của

Cũng với niềm tin chính trị đã được hun đúc đó, nhân dân ta đã cùng Đảng vượt qua bão tố của thoái trào cách mạng thế giới trong thập niên 90 của thế kỷ XX, để, qua gần 40 năm đổi mới, chúng ta tự tin rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Tuy nhiên, bên cạnh niềm tin tích cực còn có cả niềm tin tiêu cực. Đó là khi nhận thức và cảm xúc của con người gắn với điều phản tiến bộ, phản khoa học. Tâm lý học hiện đại còn có thêm khái niệm “niềm tin giới hạn” để chỉ những quan niệm, suy nghĩ mang tính định kiến, thiên kiến đối với sự vật, hiện tượng. Cả hai trạng thái niềm tin này đều khiến chủ thể rơi vào lo lắng, bất an, dẫn tới hành động sai lệch, thậm chí là trôi, trượt về phía tiêu cực. Lịch sử chính trị nước ta đã chứng kiến sự bất lực của chính quyền khi không được người dân tin tưởng qua lời than của Tả tướng quốc Hồ Nguyên Trừng: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo” [4, tr. 211]. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trong thập niên 90 thế kỷ trước có nguyên nhân trực tiếp là người dân không còn tin vào sự lãnh đạo của đảng và sự quản lý của chính quyền, vẫn luôn là bài học mang tính thời sự.

Bài học lịch sử đó đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tổng kết và khẳng định: “Ta làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả” [2, tr. 250-251].

một bộ phận cán bộ, đảng viên; sự gia tăng chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, ... Về khách quan, các thế lực thù địch, phản động đã liên tục tấn công vào cơ sở khoa học đường lối chính trị của Đảng; xuyên tạc cương lĩnh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xuyên tạc lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng; bôi nhọ lãnh tụ và

các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hiện nay, lợi dụng phát triển của công nghệ với sự nở rộ của các loại hình truyền thông, đặc biệt là truyền thông xã hội, các thế lực thù địch, phản động, các lực lượng phản động và những phần tử cơ hội và bất mãn chính trị đã triệt để sử dụng tin giả, tin xấu, độc để tấn công hòng phá hoại niềm tin chính trị của nhân dân. Những tin giả (thông tin sai sự thật; thông tin có một phần sự thật nhưng không hoàn toàn chính xác; thông tin bị phóng đại, suy diễn, làm thay đổi bản chất của sự việc) và tin xấu, độc (thông tin bịa đặt, bóp méo sự thật, xuyên tạc vấn đề, làm lẫn lộn đúng - sai, thật - giả; thông tin có một phần sự thật nhưng được phân tích và định hướng dư luận với luận điệu thù địch, mục đích xấu) được cố ý lan truyền nhằm làm cho người đọc, người nghe hoang mang, mất niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tương lai thắng lợi của con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Thủ đoạn của các lực lượng phản động này là khai thác các dữ liệu thông tin, các sự kiện chính trị, văn hoá, xã hội “nóng”, các “vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội” nhưng được phản ánh từ góc độ tiêu cực. Với luận điệu của chủ nghĩa dân túy, những luận điểm của chủ nghĩa xã hội dân chủ, chiêu trò dùng chủ nghĩa chiết trung, lối suy diễn nguy hiểm, các thông tin đã bị cắt ghép, kết nối, lập luận vi phạm các quy tắc logic của tư duy một cách rất khéo léo để đưa ra những nhận định, kết luận vô căn cứ nhưng lại rất hấp dẫn và dễ đánh lừa người nghe, người xem. Chủ nghĩa chiết trung và thuật nguy hiểm được sử dụng để thổi phồng, cường điệu hóa những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý; bôi nhọ uy tín cá nhân, quy chụp hiện tượng “phe cánh”, “bè phái”, nội bộ mất đoàn kết của tập thể lãnh đạo; phủ nhận thành quả của sự nghiệp đổi mới và con đường cách mạng của dân tộc; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; công kích, xuyên tạc các vụ việc xử lý vi phạm pháp luật;... Những nội dung tiêu cực

này được biên tập dưới dạng những clip, bài viết, tin vắn cùng lối “giật title”, “câu view” giật gân gây chú ý và thường xuyên, liên tục truyền tới người dân thông qua truyền thông xã hội.

Với sự trợ giúp đắc lực của các trung tâm truyền thông, các tổ chức như: Đài BBC tiếng Việt, VOA tiếng Việt, RFA tiếng Việt, các thế lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội, bất mãn chính trị thông qua các thuật toán trên nền tảng truyền thông xã hội đã thiết lập các cộng đồng hoạt động dưới nhiều hình thức diễn đàn, nhóm, hội công khai/bí mật khác nhau. Ngoài tài khoản chính danh như Tổ chức Việt Tân, RFA, Thoibao.de..., các blogger, chúng còn lập các tài khoản cá nhân mạo danh các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, mạo danh các cơ quan ban, ngành Trung ương hoặc lập các tài khoản lấy tên gần giống để gây hiểu nhầm là cơ quan báo chí hoặc tổ chức yêu nước nhằm phát tán, lây lan tin tức tiêu cực.

Theo thống kê, đến tháng 6/2023, cả nước có 22 triệu thuê bao băng thông rộng cố định (22,15 thuê bao/100 dân) và 85 triệu thuê bao băng thông rộng di động (85,46 thuê bao/100 dân), 77,1% số hộ gia đình có sử dụng cáp quang. Số lượng này đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia có lượng người dùng Internet cao thứ 12 trên thế giới. Bên cạnh những lợi ích đem lại, truyền thông xã hội còn là không gian rộng lớn để các thế lực thù địch, phản động tuyên truyền, lôi kéo, dụ dỗ hòng làm suy giảm niềm tin chính trị của Nhân dân. Thủ đoạn biên tập, đưa tin lồng ghép tin giả, tin xấu độc với tin tức chân thực, chính thống và cập nhật liên tục hàng ngày sẽ dần thu hút sự chú ý của một bộ phận người dân thiếu hiểu biết, nhẹ dạ hoặc đang có vấn đề bức xúc xã hội. Khi những người này đã mắc bẫy, họ sẽ tiếp tục lan truyền thông tin đó qua truyền thông xã hội và qua giao tiếp sinh hoạt hàng ngày với những người xung quanh.

Những tin giả, tin xấu, độc đã tác động đặc biệt tiêu cực đến niềm tin chính trị của nhân dân. Nó chia rẽ mối quan hệ máu thịt giữa

Đảng, Nhà nước với nhân dân, gây ra sự nhiễu loạn trong xã hội. Có nhiều biểu hiện và cấp độ của sự mất lòng tin chính trị của nhân dân như: hoài nghi về tính chân thực của những thông tin mà các phương tiện truyền thông chính thống đăng tải; mất sự tin tưởng vào cán bộ, đảng viên; thờ ơ, không tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; không tôn trọng pháp luật; nghi ngờ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; thậm chí chuyển hoá tư tưởng;... tất cả sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định tình hình chính trị - xã hội và sự phát triển của đất nước. Các vụ việc như: tháng 02 năm 2001, tháng 4 năm 2004 tại Tây Nguyên; tháng 01 năm 2020 tại xã Đồng Tâm; tháng 6 năm 2023 tại hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur là những ví dụ cho thấy hậu quả khủng khiếp của việc suy giảm niềm tin chính trị do trước đó nhân dân bị tấn công bởi tin giả, tin xấu, độc. Mục đích của các thế lực thù địch, phản động là xâm hại uy tín của Đảng, Nhà nước, làm lung lay khối đại đoàn kết dân tộc, hòng tiến tới chuyển đổi thể chế chính trị ở nước ta chứ không phải vì “nhân quyền, dân chủ, công bằng, bình đẳng” như chúng luôn rêu rao.

### 3. Giải pháp xây “bức trường thành” chặn tin giả, tin xấu, độc

Trong thời gian tới, với âm mưu, dã tâm của mình và lợi dụng những thành tựu khoa học - công nghệ, các thế lực thù địch, phản động sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc dùng thủ đoạn tin giả, tin xấu, độc để tấn công, phá huỷ niềm tin chính trị của Nhân dân. Chỉ riêng với công nghệ AI, chúng còn có thể giả tiếng, giả hình, cắt ghép tạo hình ảnh người giả y như thật để tạo ra tin tức giả. Hơn nữa, không chỉ bị lợi dụng để tạo tin giả, công nghệ này còn có thể giúp sản xuất vô số blog, trang web nhằm thực hiện mưu đồ của chúng.

Bên cạnh những nhóm giải pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật kiểm soát, ngăn chặn, loại bỏ tin giả, tin xấu, độc và giải pháp xử lý hành vi đưa tin vi phạm pháp luật thì xây dựng, củng cố niềm tin chính trị của nhân

dân là giải pháp trực tiếp và đem lại hiệu quả bền vững nhất. Khi người dân luôn đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thì không thế lực nào, không thủ đoạn nào có thể lung lạc, lay động được lòng dân. Khi đã có niềm tin chính trị vững vàng, nhân dân sẽ cùng với Đảng, Nhà nước đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả cách mạng, thành quả sự nghiệp đổi mới. Niềm tin đó chính là “bức trường thành” để ngăn chặn, loại bỏ sự xâm hại của tin giả, tin xấu, độc.

Để hình thành và đảm bảo cho sự vững bền của niềm tin chính trị của nhân dân, cần phải có các nhân tố chính, bao gồm: điều kiện cần là sự hiểu biết về chính trị của nhân dân không ngừng được tăng lên; điều kiện đủ là kinh nghiệm chính trị của nhân dân ngày càng phong phú qua thực tiễn cách mạng; điều kiện quyết định là sự thuyết phục trong thực tiễn lãnh đạo chính trị của Đảng; điều kiện bảo đảm cho sự bền vững là sự tích cực, nhiệt tình tham gia của nhân dân trong các hoạt động xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, để xây dựng, củng cố niềm tin chính trị của nhân dân, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản sau:

*Một là, không ngừng nâng cao nhận thức chính trị cho Nhân dân*

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng cách mạng là ngày hội của những người bị áp bức, tuy nhiên, cách mạng chỉ thành công khi quần chúng đấu tranh với tinh thần tự giác. Có hiểu biết mới phát sinh tình cảm, và phải từ tình cảm tích cực mới tạo dựng lên ý chí quyết tâm hành động. Vì vậy, phải trang bị cho nhân dân đủ thông tin, kiến thức về chủ trương, chính sách, pháp luật; phổ biến những thành quả của công cuộc đổi mới để làm cơ sở lý luận cho hành động và niềm tin chính trị. Sự hiểu biết là cơ sở để phân biệt đúng - sai, thật - giả, để nhân dân có cơ chế tự lọc bỏ thông tin sai trái, thất thiệt, là cơ sở để nhận thấy những luận điệu đối trá, phi lý của các thế lực thù địch. Phải tùy đặc trưng của từng giai cấp, tầng lớp mà lựa chọn nội dung,

phương pháp phổ biến, tuyên truyền một cách phù hợp thì mục tiêu nâng cao trình độ nhận thức chính trị cho Nhân dân mới đạt hiệu quả. Đồng thời, phải chủ động, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội trước các sự kiện, vấn đề nảy sinh; phải vạch rõ cho nhân dân thấy bản chất phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch hòng phá hoại niềm tin của nhân dân trong từng nhóm sự kiện, vấn đề xã hội.

*Hai là, tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp tham gia hoạt động và hưởng thụ thành quả xây dựng, phát triển đất nước*

Vận động, thu hút, tạo điều kiện để nhân dân tham gia các phong trào xây dựng quê hương, đất nước và trực tiếp thụ hưởng những thành quả của sự nghiệp đổi mới chính là cơ sở, nền tảng vật chất của niềm tin chính trị của nhân dân. Từ trải nghiệm chính trị, những bài học rút ra từ thực tiễn sẽ làm cho nhận thức chính trị của nhân dân thêm rõ ràng, sâu sắc. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, các chế độ phúc lợi xã hội không ngừng được mở rộng, các quyền lợi chính đáng, đúng pháp luật được đảm bảo. Lợi ích cụ thể được hưởng từ việc đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước chính là cơ sở vật chất để nhân dân kiên định với sự lựa chọn chính trị của mình. Lúc này, niềm tin chính trị sẽ được hình thành chủ yếu từ phía quần chúng, quần chúng sẽ tham gia phong trào cách mạng với lý tưởng rõ ràng và niềm tin chính trị vững chắc. Đây là vấn đề đã được V.I. Lênin chỉ rõ: “Khi đụng đến một phong trào bao gồm hàng triệu quần chúng nhân dân, thì chỉ những lời nói thôi không đủ; quần chúng nhân dân phải có kinh nghiệm của bản thân họ để họ tự kiểm nghiệm những chỉ thị và tin vào kinh nghiệm của bản thân” [3, t. 39, tr. 41]. Điều này cũng được Đảng ta đúc kết từ Đại hội VIII và bổ sung hoàn chỉnh hơn tại Đại hội XIII với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

*Ba là, mọi chủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật phải đúng ý Đảng, hợp lòng dân, vì nhân dân*

Trên Báo Nhân dân số ra ngày 31/7/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại. Đó là lời nói chí lý của thánh hiền đời xưa” [1, t. 10, tr. 63]. Không chỉ là lời thánh hiền xưa, không chỉ là kinh nghiệm trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, mà đó là quy luật của lịch sử nhân loại. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước xuất phát từ lý tưởng cách mạng chân chính, hướng tới vì mục tiêu của dân tộc, của giai cấp, của nhân dân, đem lại lợi ích cho nhân dân thì tất yếu dân sẽ tin, dân sẽ theo. Tính đúng đắn của chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định cho sự thành công của mỗi nhiệm vụ cách mạng, đến lượt mình, kết quả đó lại là nhân tố để thu hút quần chúng nhân dân tin và đi theo Đảng. Để những chủ trương, đường lối, chính sách đó đi vào cuộc sống, còn đòi hỏi phải được từng ngành, từng địa phương vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt, nhưng phải trong khuôn khổ pháp luật, và nhất là, phải vì lợi ích chính đáng của Nhân dân. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đảng ta là đảng cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Vì vậy mà Đảng ta được dân tin, dân phục, dân yêu” [1, t. 13, tr. 447] Thực tiễn đã chứng minh, mọi việc làm đi ngược với lợi ích của nhân dân đều phải trả giá, khi đó, hậu quả không chỉ là mất niềm tin của dân mà sẽ còn như một triết lý chính trị: Lật thuyền mới biết sức dân là sức nước.

*Bốn là, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước nhân dân*

Uy tín chính trị của Đảng hòa quyện với nhân cách mẫu mực của cá nhân người cán bộ, đảng viên cùng với một hệ thống pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả sẽ thực sự thuyết phục và củng cố niềm tin chính trị

của nhân dân. Mọi lĩnh vực xã hội đều được quản lý bằng pháp luật, đảm bảo pháp chế; xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với mọi hành vi vi phạm pháp luật; các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được thực hiện và bảo vệ; mọi sự lạm quyền từ phía cơ quan hay cán bộ, viên chức Nhà nước đều được ngăn ngừa, xử lý “không có vùng cấm”. Cùng với đó là một đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu, tận tâm, tận lực vì dân. Lúc đó, tất yếu nhân dân sẽ cảm phục, sẽ tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Muốn có được điều đó thì phải xây dựng một nền chính trị “thanh khiết” và thực hiện lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dạy: “Muốn cho quần chúng nghe lời mình, làm theo mình, thì người đảng viên, từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở, phải thế nào cho dân tin, dân phục, dân yêu. Thế là làm cho dân tin Đảng, phục Đảng, yêu Đảng và làm theo chính sách của Đảng và của Chính phủ” [1, t.7, tr. 55].

*Nắm là, phải luôn nắm vững dân tình và hiểu rõ dân tâm*

Cán bộ, đảng viên, các tổ chức đoàn thể, mặt trận phải xác định việc nắm vững diễn biến tình hình tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân, của hội viên của mình là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và liên tục. Muốn nhân dân tin tưởng và ủng hộ thì Đảng, Nhà nước không chỉ “dân vận” mà trước hết phải hiểu dân. Cần phải hiểu biết về tâm lý, suy nghĩ và tình hình của từng nhóm cộng đồng dân cư ở tất cả các khía cạnh văn hóa, xã hội, kinh tế và chính trị. Nắm vững dân tình để hiểu rõ về tư tưởng, nhu cầu và dự định; hiểu rõ dân tâm để đồng cảm với cảm xúc, tâm trạng, cảm nhận những mâu thuẫn, lo lắng, hoài nghi của nhân dân. Để tạo thế trận lòng dân vững chắc, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền phải thường xuyên theo dõi tình hình, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; kịp thời tổ chức đối thoại, giải quyết những vấn đề bức xúc trong dân. Nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm để đưa ra những chiến lược, định hướng hợp lòng dân, để được nhân dân tin tưởng, ủng hộ. Chủ tịch

Hồ Chí Minh cho rằng muốn đề ra mục tiêu, đường lối đúng, phải dựa vào dân; muốn tổ chức thi hành đúng, phải dựa vào dân giúp sức và muốn kiểm soát đúng thì phải có quần chúng giúp. Người cũng đã căn dặn: “Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi” [1, t. 5, tr. 326].

## 4. Kết luận

Với dã tâm chính trị của chúng, các thế lực thù địch, phản động đã, đang và sẽ tiếp tục không từ một thủ đoạn nào để phá hoại, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Tin giả, tin xấu, độc sẽ vẫn là một thủ đoạn được bọn chúng tiếp tục sử dụng hòng đạt được mục đích đó. Tuy nhiên, nếu nhân dân đã đặt trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước thì đây cũng chính là lực lượng hùng mạnh nhất, hiệu quả nhất đập tan âm mưu, thủ đoạn đó. Để mười lần không dân cũng chịu/Khó trăm lần dân liệu cũng xong. Để làm được điều này, cần phải xây dựng, bồi đắp, củng cố cho vững chắc niềm tin chính trị của nhân dân. Khi đã được “dân tin, dân phục, dân yêu”, thì nhân dân sẽ làm theo mọi sự lãnh đạo của Đảng và thừa nhận, tuân theo sự quản lý của Nhà nước./.

## ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Văn phòng Trung ương Đảng (2017): *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*. Hà Nội.
3. V.I. Lênin (2005): *Toàn tập*, tập 36, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư* - Tập II, Hà Nội, Nxb. Khoa học xã hội.

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

TS. Đỗ Duy Tú \*

**Tóm tắt:** Bài viết nhấn mạnh vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên đổi mới và hội nhập quốc tế. Với vị trí trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, đội ngũ trí thức của thành phố là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng các chiến lược đổi mới, sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực, giám sát và phản biện xã hội, phát triển văn hóa, thúc đẩy hội nhập quốc tế... Bài viết đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò, tiềm năng của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển của TP. HCM hiện nay. Qua đó, khẳng định vị thế trung tâm đổi mới sáng tạo của cả nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

**Từ khóa:** Vai trò của đội ngũ trí thức, Thành phố Hồ Chí Minh, kỷ nguyên mới.

**Nhận bài:** 2/3/2025; đưa vào quy trình biên tập 2/3/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn trên con đường phát triển. Là một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học và giáo dục lớn nhất cả nước, TP. HCM đóng vai trò tiên phong trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Trong đó, đội ngũ trí thức của thành phố được xem là lực lượng nòng cốt, góp phần quyết định vào việc giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội và thúc đẩy sự phát triển của dân tộc trong kỷ nguyên mới. Đội ngũ trí thức không chỉ là nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn là những người sáng tạo tri thức, định hình tư duy, và dẫn dắt xã hội tiến bộ. Họ đảm nhận vai trò cầu nối giữa khoa học, công nghệ với thực tiễn, góp phần vào việc xây dựng và thực thi các chính sách phát triển phù hợp với yêu cầu của thời đại. Tuy nhiên, để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, thành phố cần

có những chính sách và giải pháp hiệu quả nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và cống hiến của họ. Qua đó, “xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh toàn diện..., bồi đắp “nguyên khí quốc gia” và phát triển bền vững” [2, tr. 2], phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ này đối với sự phát triển của TP. HCM nói riêng và cả nước nói chung trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## 2. Đội ngũ trí thức và vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển của TP. HCM hiện nay

Đội ngũ trí thức là khái niệm dùng để chỉ tập hợp những cá nhân có trình độ tri thức cao, được đào tạo chuyên sâu và có năng lực sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, chính trị, kinh tế... Đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng trong việc tạo ra tri thức mới, truyền bá,

ứng dụng tri thức để giải quyết các vấn đề của xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Nhấn mạnh điều này, Hội nghị Trung ương 7 khóa X của Đảng khẳng định: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội” [1, tr. 792-793]. Đặc điểm của đội ngũ trí thức là có trình độ học vấn và chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, thường ở các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, hoặc các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp; Nắm vững tri thức, có khả năng phát triển và sáng tạo ra những giá trị mới; Là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng và định hình tư tưởng, văn hóa, khoa học và công nghệ của xã hội; Khả năng tư duy độc lập và đóng góp ý kiến một cách khách quan, không bị ràng buộc bởi các lợi ích ngắn hạn hoặc áp lực xã hội; “Giàu lòng yêu nước, có đạo đức và lý tưởng cách mạng, gắn bó với Đảng, Nhà nước và dân tộc” [2, tr. 2].

Theo số liệu năm 2024, đội ngũ trí thức của thành phố Hồ Chí Minh có khoảng “1,6 triệu người, trong đó khoảng 18.000 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia đầu ngành, những nhà nghiên cứu khoa học, khoảng 80.000 thạc sĩ, ...” [3]. Trong đó, có hơn “21.210 cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học - công nghệ; 135 nhóm nghiên cứu mạnh, năng động, tham gia hợp tác quốc tế. Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật người Việt Nam ở nước ngoài thu hút khoảng 200 trí thức hoạt động trên nhiều lĩnh vực ở các nước tham gia” [11]. Sự phát triển của đội ngũ trí thức tại TP. HCM không chỉ thể hiện ở số lượng mà còn ở chất lượng, với nhiều cá nhân có năng lực nghiên cứu và sáng tạo vượt trội trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục, và kinh tế. Thời gian qua, thành phố cũng đã thu hút được nhiều chuyên gia đến sinh sống và làm việc, “tập trung vào lĩnh vực khoa học và công nghệ cơ bản (40%), công nghiệp công nghệ cao (33,33%), công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao 26,67%” [11]. Đây là nguồn nhân lực chất lượng cao và

quan trọng tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học công nghệ, và các cơ quan quản lý nhà nước. Đội ngũ trí thức TP. HCM đã và đang đóng góp vào sự phát triển của mọi mặt trong đời sống kinh tế - xã hội của thành phố; Là lực lượng tiên phong trong việc nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng tri thức mới, từ đó tạo ra các giải pháp cải tiến công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, và giải quyết những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, y tế, và năng lượng...

Bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đội ngũ trí thức nói chung, trí thức TP. HCM nói riêng ngày càng có vai trò quan trọng, góp phần xây dựng và phát triển xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển của TP. HCM thể hiện qua một số nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và sáng tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa TP. HCM*

Đây là yếu tố then chốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa TP. HCM, góp phần định hình một thành phố hiện đại, năng động và bền vững. Trong tiến trình này, đội ngũ trí thức đóng vai trò quan trọng, không chỉ sáng tạo các sản phẩm, giải pháp và mô hình mới mà còn thúc đẩy khả năng cạnh tranh quốc gia trên trường quốc tế. Họ tiên phong trong việc áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại vào thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực như phát triển công nghiệp, kinh tế số và chuyển đổi năng lượng xanh... Thời gian qua, đội ngũ trí thức TP. HCM đã tổ chức “nghiên cứu và hoàn thành nghiệm thu 5.634 đề tài khoa học (cấp nhà nước, cấp bộ ngành, cấp thành phố/tỉnh, cấp viện, trường và cơ sở) và 1.500 dự án khoa học (lớn, nhỏ). Trong đó, có tới 75% sản phẩm của đề tài, dự án có khả năng ứng dụng. Nhiều đề tài, dự án nghiệm thu có giá trị khoa học, kinh tế, xã hội cao, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển các lĩnh vực ở TP. HCM và các tỉnh Nam Bộ” [7]. Các sáng kiến của trí thức góp phần

không nhỏ trong việc tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và đẩy mạnh sự phát triển bền vững. Mặt khác, trí thức là cầu nối quan trọng trong việc chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giúp tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và xã hội. Điều này không chỉ đáp ứng các yêu cầu cấp bách của sự phát triển mà còn giúp thành phố định hướng chiến lược dài hạn, xây dựng một nền kinh tế tri thức hiện đại, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi toàn cầu. Nhờ sự cống hiến và trí tuệ của đội ngũ trí thức, TP. HCM có thể tận dụng tốt hơn các cơ hội từ cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khẳng định vai trò tiên phong trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

*Thư hai, góp phần xây dựng chính sách, thực hiện giám sát, phản biện xã hội, cung cấp các luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển chính quyền đô thị TP. HCM*

Thời gian qua, đội ngũ trí thức đã tham gia “hơn 4.000 sinh hoạt chuyên đề (chính trị, luật pháp, khoa học...) đóng góp ý kiến xây dựng chủ trương, chính sách, luật pháp và các chương trình, dự án khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa của TP. HCM và cả nước. Phản biện chuyên sâu hơn 3.500 dự án phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường, giao thông, y tế, giáo dục” [7]. Vai trò tư vấn, phản biện và đề xuất của trí thức không chỉ giúp tăng cường hiệu quả quản lý mà còn tạo cơ sở để hoạch định các chính sách công mang tính đột phá, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện thành phố. Các nghiên cứu của trí thức tập trung giải quyết các vấn đề chiến lược như: thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, cải thiện giáo dục và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, họ góp phần giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai các chính sách, bảo đảm rằng mọi quyết định đều dựa trên cơ sở khoa học và phù hợp với xu hướng phát triển toàn cầu. Với vai trò này, trí thức

trở thành cầu nối quan trọng giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp thành phố tận dụng tối đa các nguồn lực để xây dựng một chính quyền đô thị hiện đại, minh bạch và hướng tới sự phát triển bền vững.

*Thư ba, giữ gìn và phát triển văn hóa TP. HCM tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*

Trí thức là những người bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, sáng tạo những giá trị mới phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. Bằng việc kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, trí thức không chỉ giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc mà còn làm phong phú thêm đời sống văn hóa của thành phố. Họ góp phần xây dựng các giá trị văn hóa mạnh mẽ, độc đáo, giúp TP. HCM trở thành trung tâm văn hóa đặc sắc, mang dấu ấn riêng trong bức tranh hội nhập văn hóa quốc tế. Sự đóng góp của trí thức được thể hiện qua việc nghiên cứu, sáng tạo, truyền bá các giá trị văn hóa, nghệ thuật và giáo dục ý thức cộng đồng, bảo vệ di sản. Trí thức còn góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa với thế giới, quảng bá hình ảnh đất nước, lịch sử và con người Việt Nam giàu bản sắc, thân thiện, sáng tạo và cởi mở. Trí thức còn định hướng cho sự phát triển văn hóa bền vững, giúp TP. HCM khẳng định vị thế là một thành phố tiên tiến, mang đậm tinh thần dân tộc trong quá trình hội nhập toàn cầu hiện nay.

*Thư tư, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa TP. HCM*

Đội ngũ trí thức của thành phố hiện tập trung chủ yếu ở “109 trường đại học, 371 tổ chức khoa học công nghệ, 78 viện nghiên cứu, 279 phòng thí nghiệm và các hội văn học nghệ thuật, tổ chức xã hội nghề nghiệp và doanh nghiệp, chiếm trên 20% trí thức khoa học cả nước” [10]. Với vai trò là những nhà giáo dục, chuyên gia và nhà quản lý, đóng góp quan trọng vào xây dựng lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng và tư duy sáng tạo, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Họ không chỉ giảng dạy kiến thức chuyên môn mà còn truyền cảm hứng, phát triển tư duy đổi mới, kỹ năng mềm

và đạo đức nghề nghiệp cho thế hệ trẻ. Các chương trình đào tạo được thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp mũi nhọn, đặc biệt là kinh tế số, trí tuệ nhân tạo và năng lượng tái tạo. Đội ngũ trí thức cũng thúc đẩy sự liên kết giữa giáo dục, nghiên cứu khoa học và thị trường lao động, bảo đảm những kỹ năng và kiến thức được đào tạo phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của thành phố. Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và xây dựng các chính sách giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo ở mọi cấp học. Nhờ đó, TP. HCM không chỉ có thể tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn xây dựng một hệ sinh thái giáo dục tiên tiến, đáp ứng nhu cầu cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

#### *Thứ năm, vai trò tiên phong trong thúc đẩy hội nhập quốc tế của thành phố*

Với sự am hiểu sâu sắc về các xu hướng toàn cầu, đội ngũ trí thức là những người dẫn dắt các hoạt động nghiên cứu, hợp tác quốc tế, cũng như truyền bá các giá trị văn hóa, khoa học, và công nghệ của Việt Nam ra thế giới. Trí thức tham gia tích cực vào việc xây dựng các mối quan hệ đối ngoại, hợp tác với các tổ chức quốc tế, trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu, mở ra cơ hội tiếp cận các nguồn lực trí thức và công nghệ tiên tiến. Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức còn đóng góp vào việc phát triển các chính sách đối ngoại phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của TP. HCM, thúc đẩy giao thương quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ. Vai trò của trí thức còn thể hiện qua việc đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng và tư duy toàn cầu, sẵn sàng làm việc trong môi trường đa văn hóa, đa quốc gia. Đồng thời, trí thức cũng là cầu nối giữa TP. HCM với các nước trong khu vực và thế giới, không ngừng quảng bá hình ảnh một thành phố năng động. Với vai trò tiên phong, đội ngũ trí thức góp phần định hướng TP. HCM trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học - công nghệ hàng đầu trong khu vực, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế toàn diện và hiệu quả.

### **3. Những thách thức đối với việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TP. HCM trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc**

Trong “kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, thịnh vượng” của dân tộc, đội ngũ trí thức tại TP. HCM cũng đang đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết, đó là sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ đòi hỏi đội ngũ trí thức phải liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng số và đổi mới sáng tạo. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và tự động hóa trong nghiên cứu, quản lý và sản xuất đã và đang đặt ra yêu cầu cao về năng lực thích ứng. Mặt khác, TP. HCM đang hướng tới trở thành trung tâm kinh tế tri thức, nhưng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo chưa hoàn thiện, sự kết nối giữa trí thức với doanh nghiệp, chính quyền và các tổ chức khoa học - công nghệ chưa thực sự chặt chẽ, gây khó khăn trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng trong tham mưu, phản biện chính sách, nhưng cơ chế tiếp nhận ý kiến chưa thực sự hiệu quả. Do đó, cần một môi trường thông thoáng, dân chủ để trí thức tham gia đóng góp, nhất là trong các vấn đề như quy hoạch đô thị, môi trường và phát triển bền vững. Đội ngũ trí thức cũng đang đối mặt với xu hướng thương mại hóa tri thức, điều này đòi hỏi họ phải giữ vững đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Bên cạnh đó, cơ cấu phân bổ nhân lực của đội ngũ trí thức chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Hiện nay, phần lớn trí thức tập trung trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, và các tổ chức công lập, trong khi đó khu vực sản xuất kinh doanh đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động trình độ cao. Điều này dẫn đến sự mất cân đối trong việc khai thác tiềm năng, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong phát triển toàn diện của thành phố. Mặt khác, “công tác kết nối giữa TP. HCM với hệ thống các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học trong và ngoài nước cùng mạng lưới các hội, hiệp hội chuyên ngành còn hạn chế” [8]. Điều này làm giảm khả năng

cạnh tranh của thành phố trong việc xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai thực hiện Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của TP. HCM như: “hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt được thu hút lần đầu” [5]; được miễn thuế thu nhập cá nhân, bố trí nhà ở công vụ hoặc được nhận hỗ trợ kinh phí thuê nhà, bố trí phương tiện đi lại... Mặc dù đã có những thay đổi tích cực như vậy, song còn tồn tại những bất cập về mức lương, điều kiện làm việc, và các cơ hội phát triển nghề nghiệp, chưa thực sự đủ hấp dẫn để giữ chân trí thức và thu hút nguồn nhân lực trình độ cao từ các địa phương khác cũng như từ nước ngoài. “Ở giai đoạn 2018 - 2022, số lượng chuyên gia thu hút chưa đạt được mục tiêu đề ra: Thành phố thu hút được 5/8 chuyên gia, nhà khoa học và không thu hút được người có tài năng đặc biệt (0/6)” [9, tr. 71]. Để khắc phục những hạn chế này, TP. HCM cần thực hiện các giải pháp chiến lược, cụ thể nhằm khai thác tối đa tiềm năng của đội ngũ trí thức, từ đó góp phần thúc đẩy thành phố phát triển bền vững và toàn diện.

#### **4. Một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức TP. HCM trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc**

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII khẳng định, đội ngũ trí thức là “lực lượng có vai trò quan trọng trong liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; có trách nhiệm tiên phong, tạo ra sản phẩm tinh thần, vật chất chất lượng cao cho xã hội, là nguồn lực đặc biệt trong phát triển kinh tế tri thức, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc; là nhân tố quan trọng trong nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng tầm trí tuệ và sức mạnh dân tộc, đóng góp to lớn cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [2, tr. 2]. Để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TP. HCM trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là, tiếp tục hoàn thiện các chính sách đãi ngộ, thu hút và trọng dụng nhân tài của thành phố*

Thành phố Hồ Chí Minh cần có cơ chế đột phá, chính sách linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về thu nhập, phúc lợi, và môi trường làm việc để thu hút và giữ chân trí thức giỏi, đặc biệt trong các cơ quan, đơn vị Nhà nước. Trong đó, chính sách đãi ngộ phải công bằng, minh bạch, dựa trên sự thỏa thuận theo cơ chế thị trường và tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức. Qua đó, gia tăng sự hấp dẫn của chính sách, môi trường và nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút nhân tài, tạo động lực cho đội ngũ này phát huy tài năng, trí tuệ cho sự phát triển bền vững của thành phố.

*Hai là, xây dựng môi trường nghiên cứu và làm việc chuyên nghiệp, hướng đến đổi mới sáng tạo cho đội ngũ trí thức*

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, hướng đến đổi mới sáng tạo của đội ngũ trí thức được hiểu là toàn bộ những điều kiện tự nhiên và xã hội tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới quá trình làm việc, hiệu quả và kết quả làm việc của đội ngũ trí thức. Môi trường có thể xem xét một cách toàn diện trên nhiều khía cạnh, từ không gian làm việc, các tương tác xã hội trong quá trình nghiên cứu, lao động của trí thức. Vì vậy, “thành phố cần tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại; tạo môi trường làm việc dân chủ, tin tưởng và trao quyền chủ động cho nhân tài để họ có “không gian sáng tạo” và cống hiến” [4]. Theo đó, cần thay đổi cách thức quản lý hoạt động của đội ngũ trí thức thành phố theo hướng mở, quản lý theo chuẩn đầu ra, lấy kết quả lao động

và các sản phẩm cụ thể là căn cứ để đánh giá hoạt động. Đồng thời, “đơn giản hóa thủ tục hành chính, không lấy các trình tự thủ tục hành chính như là tiêu chuẩn bắt buộc để đánh giá hoạt động của đội ngũ trí thức. Bởi sáng tạo luôn gắn liền với những cái mới mà những cái mới thường khó có quy chuẩn cụ thể, các quy định của pháp luật cũng có khi chưa đề cập tới, chính vì vậy rất khó để bảo đảm đúng các trình tự, thủ tục theo quy định” [12]. Cần tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa công sở - nơi mọi người hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng sự khác biệt. Xây dựng văn hóa làm việc phải hướng đến sự cẩn thận, cẩn chu nhưng cũng phải biết chấp nhận những rủi ro trong đổi mới sáng tạo. “Trước những rủi ro khó tránh được cần có thái độ bình tĩnh chấp nhận và khắc phục tối đa các thiệt hại. Không nên vì rủi ro mà hạn chế hoặc ngăn cản các hoạt động đổi mới sáng tạo của đội ngũ trí thức. Có như vậy sẽ tạo ra môi trường văn hóa khuyến khích mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo của người lao động nói chung và đội ngũ trí thức nói riêng” [12].

*Ba là, khuyến khích hợp tác quốc tế và trao đổi tri thức, nâng cao năng lực làm việc trong môi trường quốc tế cho đội ngũ trí thức TP. HCM*

Theo Báo cáo của UNESCO về khoa học năm 2021, “hợp tác nghiên cứu quốc tế đã trở thành động lực chính thúc đẩy đổi mới sáng tạo và gia tăng chất lượng nghiên cứu thông qua việc chia sẻ tài nguyên, kiến thức và phương pháp tiếp cận đa ngành” [13]. Trao đổi tri thức giữa các quốc gia còn giúp đội ngũ trí thức tiếp cận với các chuẩn mực và thực tiễn tiên tiến, từ đó nâng cao khả năng thích ứng và sáng tạo trong các lĩnh vực chuyên môn. Năng lực làm việc trong môi trường quốc tế đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn sâu rộng và các kỹ năng mềm như giao tiếp, hợp tác và quản lý đa văn hóa. Do đó, việc thiết lập các chương trình hợp tác quốc tế dài hạn, hỗ trợ trao đổi học thuật và nghiên cứu chung cần được các chính phủ, tổ chức và doanh nghiệp ưu tiên thúc đẩy. Đây không chỉ là cách để nâng cao

năng lực cá nhân mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế của đất nước. Như vậy, khuyến khích hợp tác quốc tế không chỉ là chiến lược phát triển nguồn nhân lực mà còn là động lực để trí thức Việt Nam nói chung, trí thức TP. HCM nói riêng khẳng định vị trí, vai trò của mình trên bản đồ tri thức toàn cầu.

*Bốn là, xây dựng văn hóa tôn vinh và động viên đội ngũ trí thức trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố*

Việc ghi nhận và tôn vinh những đóng góp của trí thức không chỉ thể hiện sự trân trọng đối với công lao của họ mà còn tạo động lực mạnh mẽ để họ tiếp tục cống hiến trí tuệ và tài năng cho sự phát triển của thành phố. Xây dựng môi trường văn hóa khuyến khích, động viên trí thức sẽ giúp tạo ra một hệ sinh thái sáng tạo, nơi họ cảm thấy được tôn trọng, hỗ trợ và thấu hiểu. Các hình thức tôn vinh như trao giải thưởng, công nhận danh hiệu hay tổ chức các sự kiện vinh danh là cơ hội để lan tỏa giá trị của trí thức trong cộng đồng, từ đó khơi gợi cảm hứng cho các thế hệ trẻ tiếp nối. Việc động viên trí thức cũng cần đi kèm với các chính sách đãi ngộ hợp lý, môi trường làm việc thuận lợi, và cơ hội phát triển sự nghiệp, giúp họ phát huy tối đa năng lực. Văn hóa tôn vinh không chỉ thúc đẩy trí thức đóng góp nhiều hơn mà còn góp phần xây dựng một xã hội biết quý trọng tri thức, khuyến khích đổi mới sáng tạo và học tập suốt đời.

*Năm là, phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động các hội trí thức của TP. HCM*

Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức TP. HCM, đặc biệt là các “nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành, nhân tài, trí thức trẻ nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tin tưởng và ủng hộ đường lối, chủ trương của Đảng; nhận thức sâu sắc về sứ mệnh của trí thức đối với đất nước; nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, chủ động tham gia nghiên cứu nâng cao năng lực, trình độ” [2, tr. 7]. Các cấp, các ngành, các tổ

chức, đoàn thể cần phát huy tinh thần đoàn kết, sức mạnh tổng hợp của đội ngũ trí thức TP. HCM trong việc góp phần tích cực cho sự nghiệp đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới hiện nay. Đồng thời cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các hội trí thức của TP. HCM, nhất là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hội trí thức, đội ngũ trí thức đóng góp ý kiến, tham gia hoạt động tư vấn, giám sát, phản biện, giám định xã hội, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động các hội

đồng tư vấn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. HCM. Thành phố cũng cần xây dựng các “cơ chế tạo điều kiện cho các hội trí thức tham gia thực hiện một số dịch vụ công, giám sát hoạt động nghề nghiệp, kiểm định và công bố chất lượng một số dịch vụ công” [2, tr. 7]. Hoạt động của các hội trí thức cần bám sát thực tiễn, phát huy tối đa vai trò, tiềm năng to lớn của đội ngũ trí thức đóng góp trí tuệ, sức sáng tạo, đồng hành cùng với sự phát triển của thành phố, trở thành cầu nối vững chắc giữa Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị với đội ngũ trí thức.

#### 4. Kết luận

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ, đội ngũ trí thức TP. HCM đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự đổi mới và hội nhập quốc tế. Với nền tảng tri thức sâu rộng, khả năng sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao, lực lượng trí thức không chỉ là nhân tố then chốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là người dẫn dắt tư duy, góp phần định hình chiến lược phát triển của thành phố. Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức, thành phố cần có chính sách và cơ chế phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự cống hiến và phát triển của họ. Bản thân đội

ngũ trí thức cũng cần không ngừng đổi mới tư duy, nâng cao năng lực chuyên môn, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của thời đại, chủ động hội nhập với các xu hướng phát triển của thế giới, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và phát huy trách nhiệm xã hội. Đội ngũ trí thức TP. HCM với tâm huyết, tài năng và trách nhiệm sẽ là lực lượng nòng cốt giúp thành phố hiện thực hóa khát vọng vươn tầm, góp phần đưa dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường trở thành một quốc gia phát triển, văn minh và hiện đại.



## ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 67, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023): *Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-45-nqtw-ngay-24-11-2023-hoi-nghi-lan-thu-tam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9941>.
3. S. Hải - Thủy Tiên (2024): Tạo mọi điều kiện cho đội ngũ trí thức, nhà khoa học tiên phong đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển TP. HCM, <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc>.
4. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2024): TP. HCM thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <https://lyluanchinhtri.vn/thanh-pho-ho-chi-minh-thuc-hien-chinh-sach-thu-hut-trong-dung-nhan-tai-trong-khu-vuc-cong-6557.html>.
5. Hội đồng nhân dân TP.HCM (2023): *Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 6-12-2023 về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực TP. HCM có nhu cầu thu hút*.
6. Tô Lâm (2024): *Một số nội dung cơ bản về kỹ nguyên mới, kỹ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỹ nguyên mới, kỹ nguyên vươn mình của dân tộc*, <https://lyluanchinhtri.dcs.vn/course-player/mot-so-noi-dung-co-ban-ve-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-nhung-dinh-huong-chien-luoc-dua-dat-nuoc-buoc-va-vo-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc>.
7. Tuyết Mai (2022): “Đội ngũ trí thức Thành phố không ngừng sáng tạo và cống hiến”, <https://khoaahocphothong.vn/chu-tich-lien-hiep-cac-hoi-khoa-hoc-va-ky-thuat-tp-hcm-doi-ngu-tri-thuc-thanh-pho-khong-ngung-sang-tao-va-cong-hien-248366.html>.
8. Hoàng Mẫn (2023): *Đội ngũ trí thức đóng góp rất lớn trong tiến trình phát triển của TP. HCM*, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/doi-ngu-tri-thuc-dong-gop-rat-lon-trong-tien-trinh-phat-trien-cua-tp-ho-chi-minh-632053.html>.
9. Nguyễn Minh Nhứt (2022): *Thực trạng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022 và định hướng thời gian tới*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt của Thành phố trong thời gian qua và định hướng trong thời gian tới”, Sở Nội vụ và Học viện Cán bộ TP. HCM.
10. Chu Quang (2024): *Đội ngũ trí thức TP HCM ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng*, <https://baophapluat.vn/doi-ngu-tri-thuc-tp-hcm-ngay-cang-khang-dinh-vi-tri-vai-tro-quan-trong-post535700.html>.
11. Ngọc Tấn (2024): *Kỹ nguyên vươn mình của dân tộc: Vai trò của trí thức rất quan trọng*, <https://tpcm.chinhphu.vn/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-vai-tro-cua-tri-thuc-rat-quan-trong-10124122219145606.htm>.
12. Nguyễn Kim Tôn (2022): *Xây dựng môi trường làm việc, thúc đẩy đổi mới sáng tạo của đội ngũ trí thức Việt Nam*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/10/31/xay-dung-moi-truong-lam-viec-thuc-day-doi-moi-sang-tao-cua-doi-ngu-tri-thuc-viet-nam/>.
13. UNESCO (2022), *UNESCO Science Report (2021)*: [https://www.unesco.org/reports/science/2021/sites/default/files/medias/files/2022/05/USR2021\\_PPT\\_Brussels.pdf](https://www.unesco.org/reports/science/2021/sites/default/files/medias/files/2022/05/USR2021_PPT_Brussels.pdf).



# ĐẠO HIẾU TRONG GIA HUẤN VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

TS. Thân Thị Hạnh \*

**Tóm tắt:** Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, giáo dục Đạo Hiếu luôn được đề cao và được xem là nhiệm vụ trung tâm trong giáo dục gia đình. Từ thế kỷ XV, cùng với sự xác lập vị thế mới của Nho giáo, giáo dục Đạo Hiếu càng được đề cao và được thể hiện thông qua các văn bản, gọi là “gia huấn”. Trong bài viết, tác giả tập trung làm rõ quan niệm truyền thống về Đạo Hiếu, nội dung giáo dục Đạo Hiếu đối với con trai, con gái trong gia đình được trình bày trong một số tác phẩm gia huấn của Việt Nam.

**Từ khóa:** Đạo Hiếu, Gia huấn, tư tưởng Việt Nam thời phong kiến.

**Nhận bài:** 24/11/2024; đưa vào quy trình biên tập 24/11/2024; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Mạnh tử (372 - 289 TCN) - một triết gia phương Đông đã cho rằng: Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia (gốc của thiên hạ tại nước, gốc của nước là tại gia đình). Thật vậy, gia đình là cơ sở quan trọng nhất để tạo lập kỷ cương và là mấu chốt trong giữ gìn sự ổn định xã hội, do vậy, từ khi có gia đình, giáo dục gia đình luôn được quan tâm.

Trong lịch sử giáo dục gia đình Việt Nam, giáo dục Đạo Hiếu luôn được đề cao. Tuy nhiên, việc ghi lại thành văn nội dung giáo dục Đạo Hiếu trong những gia huấn, thì phải tới thế kỷ XV mới bắt đầu. Ban đầu, Đạo Hiếu trong những văn bản này chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, dần dần, nội dung Đạo Hiếu ngày càng gắn gũi với truyền thống văn hóa dân tộc và gia huấn dần trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống tinh thần của gia đình người Việt. Cho đến nay, một số nội dung của Đạo Hiếu trong gia huấn xưa đã lạc hậu, nhưng bên cạnh đó vẫn còn những giá trị cần được kế thừa trong giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay trên tinh thần gạn đục khơi trong.

## 2. Khái quát về “Đạo Hiếu” và “gia huấn”

### 2.1. Quan niệm về “Đạo Hiếu”

“Hiếu” là một chuẩn mực đạo đức vô cùng quý báu của văn hóa gia đình Việt Nam và ở thời kỳ nào Hiếu cũng là một nội dung cơ bản trong giáo dục gia đình. Không những vậy, Hiếu còn là một tiêu chuẩn trong đánh giá nhân cách con người, một nguyên tắc lựa chọn hành vi, vì vậy, Hiếu được người Việt nâng lên thành Đạo - Đạo Hiếu, Đạo làm con.

Đạo có thể hiểu là đường đi, phương hướng sống, cũng có thể hiểu là đạo lý, tức là nguyên lý nền tảng cho suy nghĩ, hành động của con người. “Đạo” cũng được xem như nhân sinh quan của con người sống theo lẽ phải. Theo Đào Duy Anh: “Đức tốt của con đối với cha mẹ là hiếu” [1, tr. 295]. Như vậy, Đạo Hiếu được coi là một nguyên lý ứng xử của con cái đối với thế hệ đi trước, ông bà, cha mẹ.

Từ khi có xã hội loài người, quy tắc ứng xử của thế hệ sau với thế hệ trước đã được bàn đến, và được gói trong phạm trù Hiếu. Ban đầu phạm trù “Hiếu” mang ý nghĩa tôn giáo, chỉ sự tế tự tổ tông. Về sau, với sự xuất hiện của Nho giáo, Hiếu trở thành một chuẩn mực đạo đức, một phạm trù mang ý nghĩa luân lý

với tinh thần nhân văn. Đạo Hiếu có thể được xem xét ở nhiều góc độ, tuy vậy, trong văn hóa Việt Nam truyền thống, Đạo Hiếu được bàn đến ở các khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, Hiếu là con cái biết ơn, kính trọng ông bà, cha mẹ. Biểu hiện khi ông bà, cha mẹ còn sống thì con cái phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo, ân cần. Khi ông bà, cha mẹ khuất núi thì con cháu thành tâm lo tang lễ, cúng tế,... Tư tưởng xuyên suốt về Hiếu là sự phụng dưỡng, chăm sóc, biết ơn. Với tinh thần đó, Hiếu còn được hiểu là “lòng kính yêu và biết ơn cha mẹ” [5, tr. 439].

*Thứ hai*, con Hiếu phải biết bảo vệ thân thể, chăm sóc sức khỏe, tu dưỡng đạo đức, tri thức của mình. Từ đó, trở thành người có sức khỏe, tri thức, nhân cách, đức độ theo yêu cầu của xã hội, xứng đáng với mong mỏi của cha mẹ.

*Thứ ba*, con Hiếu là có năng lực kế thừa hương hỏa, sự nghiệp của tổ tông; giữ gìn được gia đạo, phát huy truyền thống dòng họ. Với quan niệm như vậy, các thế hệ sau không chỉ giữ gìn được truyền thống văn hóa cho gia đình, cho xã hội mà còn giữ cho các mối quan hệ trong gia đình, gia tộc được hài hòa, tình nghĩa.

## 2.2. Gia huấn

“*Gia huấn*” là một từ Hán Việt, xuất phát từ hai từ “gia giáo” và “đình huấn”, đều có nghĩa là *giáo dục trong gia đình*, trong đó nhấn mạnh giáo dục đạo đức, tu thân, rèn luyện nhân cách. Ở Việt Nam, giáo dục gia đình được trình bày thành văn bản thì được gọi là gia huấn, còn được trình bày bằng văn vần thì gọi là gia huấn ca. Nội dung gia huấn thường là những ghi chép lời dạy dỗ của thế hệ trước đối với con em mình. Gia huấn là một di sản văn hóa quý giá của dân tộc Việt Nam, đó là kết tinh của tư tưởng giáo dục, kinh nghiệm ứng xử trong gia đình truyền thống.

Mục đích của gia huấn là duy trì tinh thần gia đình, dòng họ qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Vì vậy, cùng với sự vận động của thực tiễn, nội dung gia huấn Việt Nam ngày càng đa dạng, phức tạp. Trước thế kỷ XV, Đạo Hiếu chưa phải là nội dung chủ yếu trong

gia huấn. Từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XIX, cùng với sự phát triển của Nho giáo và chế độ phong kiến, các văn bản gia huấn xuất hiện ngày càng nhiều, tác giả của các gia huấn đều là những nhà Nho học, làm quan hoặc làm thầy giáo. Các tác phẩm đều coi Đạo Hiếu là nội dung cơ bản, xuyên suốt.

Từ những khảo sát sơ lược trên chúng ta có thể khẳng định: Gia huấn là phương tiện của giáo dục trong gia đình Việt Nam thời phong kiến. Nó do các trí thức Việt Nam viết ra, nhằm truyền tải những khía cạnh quan trọng của giáo dục trong gia đình.

## 2.3. Một số nhân tố ảnh hưởng đến Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến

*Thứ nhất, ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội.*

Đặc trưng của nền kinh tế Việt Nam thời phong kiến là sản xuất nông nghiệp tự cấp tự túc, mỗi gia đình Việt Nam truyền thống là một đơn vị kinh tế khép kín, lấy sản xuất nông nghiệp làm căn bản. Tình hình đó làm cho cuộc sống con người gắn bó quanh làng, xã, chỉ biết có gia đình, dòng họ và những người thân mà mình có quan hệ ràng buộc nhiều đời. Trong khung trời nhỏ đó, mỗi người là con người của trách nhiệm và nghĩa vụ, sống gắn bó với cộng đồng hiện tại và thế hệ trước. Đây là cơ sở thực tiễn nảy sinh đạo Hiếu.

Chế độ ruộng họ, ruộng hương hỏa là cơ sở kinh tế trực tiếp cho việc củng cố, duy trì, phát triển Đạo Hiếu trong các gia huấn thời kỳ này. Thực ra, một kiểu của ruộng họ đã xuất hiện từ thời Lý - Trần, nhưng nó chỉ tồn tại trong gia đình hoàng tộc và số ít quý tộc Trần. Từ thời Lê sơ trở đi, ruộng họ được phát triển cả trong các tầng lớp bình dân. Hoa lợi của loại ruộng này được các gia đình góp làm vốn hàng năm chi dùng cho việc tế lễ, thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên. Mục đích của ruộng họ được Gia phả họ Trần ở làng Quỳnh Dương (Diễn Châu, Nghệ An) ghi rõ: “Nhằm làm cho khói hương tông tộc không bao giờ dứt”.

Điều kiện chính trị - xã hội bao gồm những sự kiện, biến động của lịch sử, cấu trúc

gia đình Việt Nam truyền thống và những quy chuẩn của làng xã, quốc gia từ thế kỷ XV trở đi cũng ảnh hưởng đến quan niệm về Hiếu.

Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XIX có nhiều biến động. Điều đó được phản ánh rất sâu sắc trong ý thức của bộ phận tiến bộ nhất của xã hội là các Nho sĩ. Họ đưa ra ý tưởng: muốn ổn định xã hội, quốc gia hưng thịnh đều bắt đầu từ giữ ổn định gia đình, từ mối quan hệ cha con, do vậy, Đạo Hiếu dần được đề cao, và dần được điều chỉnh theo thực tiễn. Do đó, Đạo Hiếu trong các gia huấn ở giai đoạn sau có nội dung phong phú, cụ thể, sát thực hơn.

Cấu trúc gia đình Việt Nam truyền thống cũng góp phần củng cố đạo Hiếu. Gia đình Việt Nam truyền thống là kiểu đại gia đình - thân tộc, tại đó các thành viên nhiều thế hệ liên kết với nhau bằng chuỗi quan hệ huyết thống, sống quây quần gần nhau. Kiểu gia đình này làm cho mỗi người cảm thấy an toàn, cố kết hơn. Nhưng muốn duy trì được kiểu gia đình này, cần có những chuẩn mực đạo đức trong ứng xử giữa các thành viên, trong đó, Đạo Hiếu là sợi chỉ đỏ xuyên suốt.

Dòng họ, gia tộc cũng là cơ sở xã hội cho việc hình thành gia huấn và Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến. Trong lịch sử, dòng họ, gia tộc giúp củng cố Đạo Hiếu bằng việc hợp thức hóa các niềm tin, soạn gia phả, viết gia huấn, tộc ước, tộc lễ, ... Nhờ đó, từng cá nhân có ý thức hơn về nguồn cội và nhớ ơn tổ tiên. Do đó, gia phả đã giúp củng cố đạo Hiếu.

Làng xã xưa cũng góp phần xây dựng, củng cố Đạo Hiếu trong các gia huấn. Làng xã Việt Nam, từ lịch sử hình thành, tự thân nó đã là nơi chứa đựng những quan hệ huyết thống, nhiều khi làng được đồng nhất với gia tộc, dòng họ, lấy tên dòng họ làm tên làng (như Phùng Xá, Dương Xá, Đặng Xá, ...). Trong mối quan hệ họ hàng tầng bậc, làng xã là nơi sinh ra, nơi ở, nơi hướng về của mỗi người; là nơi có mồ mả, bát hương của tổ tiên. Điều này làm con cháu hướng nhiều hơn về chuẩn mực chung của gia đình, làng xã.

Trong lịch sử, làng xã Việt Nam bằng nhiều cách khác nhau cũng góp phần củng cố đạo Hiếu. Một trong số đó là việc ban hành hương ước - như những quy định chung nhất mà mọi người trong làng phải tuân theo. Hương ước thành văn xuất hiện ở Việt Nam từ thế kỷ XV, do các nho sĩ soạn thảo, khi vấn đề gia huấn, Đạo Hiếu trong gia huấn trở nên cấp thiết. Do vậy, nó ảnh hưởng không nhỏ đến tác giả các gia huấn khi quan niệm về đạo Hiếu.

Ngoài ra, các triều đại phong kiến Việt Nam cũng góp phần không nhỏ trong việc củng cố, phát triển nội dung Đạo Hiếu nói chung và trong gia huấn nói riêng. Điều này thể hiện việc Đạo Hiếu được nhà nước luật hóa trong các văn bản pháp luật. Đạo Hiếu được xem là một trong những nguyên tắc trị nước, củng cố gia đình, làm tiêu chuẩn để rèn luyện nhân cách, ràng buộc mối quan hệ giữa con người với con người. Tác giả của những bản gia huấn cũng đều là những nhà Nho, những đại diện của tư tưởng hiếu trung theo hệ tư tưởng phong kiến. Vì vậy, những chính sách, pháp luật mang nội dung hiếu như trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm Hiếu của họ.

#### *Thứ hai, ảnh hưởng của đời sống văn hóa tinh thần người Việt*

Đạo Hiếu trong gia huấn thời kỳ này còn chịu ảnh hưởng từ truyền thống văn hóa của người Việt là tư tưởng trọng lão, trọng tuổi và truyền thống uống nước nhớ nguồn. Từ lâu, trong dân gian đã hình thành tư tưởng: “Kính lão đắc thọ” vốn vừa là một lời khuyên răn, vừa nói lên một phương châm xử thế trong gia đình và ngoài xã hội của người Việt.

Đạo Hiếu trong văn hóa Việt Nam còn biểu hiện ở lòng biết ơn, uống nước nhớ nguồn: “Đạo Hiếu quý nhất trên đời/ Những người có hiếu, phước trời ban cho”. Người dân Việt, qua ca dao tục ngữ đã khẳng định ý nghĩa chân chính của Hiếu với ý nghĩa thờ phụng cha mẹ là một việc làm phúc đức nhất, là lòng thiện hiện thực nhất, hơn cả việc “tu tâm” ở chùa: “Tu đâu cho bằng tu nhà/ Thờ cha kính mẹ mới là chân tu”. Chữ Hiếu là quan trọng như

vậy nên trong văn hóa của người Việt, người không có hiếu, không yêu thương, kính trọng cha mẹ thì không thể trở thành người tốt với làng xã, có ích với xã hội được.

Đạo Hiếu đã trở thành một chuẩn mực đạo đức lâu bền, đi vào tiềm thức, từ đó, *hiếu thâm nhập vào cả tâm linh người Việt*. Tín ngưỡng tiêu biểu thể hiện Đạo Hiếu ở Việt Nam là thờ cúng tổ tiên. Người Việt có niềm tin linh thiêng vào sự tồn tại, đồng hành của người đã khuất với con cháu. Bản chất của tín ngưỡng này là thể hiện lòng thành kính, biết ơn của con cháu đối với tổ tiên đã khuất. Vì thế, việc con cháu thực hành tín ngưỡng này một cách rộng rãi lại góp phần nuôi dưỡng, “lưu truyền” lòng hiếu đến thế hệ sau.

Như vậy, người Việt từ xa xưa đã rất coi trọng hiếu, hiếu ăn sâu trong nếp nghĩ, hành động của họ, trở thành một Đạo - Đạo Hiếu. Đạo Hiếu không chỉ là một phạm trù đạo đức mà còn là một phạm trù của tín ngưỡng thế tục. Hiếu còn là một điều luật xã hội. Hiếu cũng là một giá trị quan trọng nhất, một “sàng lọc” ý nghĩa nhất để con người tiếp nhận và cải biến các giá trị đạo đức khác.

### *Thứ ba, ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo*

Nho giáo là một học thuyết chính trị - đạo đức lấy Hiếu làm giá trị cơ bản. Nho giáo coi mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái là một trong ba mối quan hệ rường cột của xã hội. Làm tiêu chuẩn trong mối quan hệ này, Nho giáo đặt ra yêu cầu “Phụ tử tử hiếu” (Cha hiền từ, con hiếu thảo), thậm chí còn nhấn mạnh tinh thần “Phụ sử tử sự” (Cha quyết, con phục tùng). Như vậy, để ổn định gia đình, vai trò của người cha “từ” là quan trọng, nhưng sự thuận theo của người con còn quan trọng hơn. Do vậy, Nho giáo đặc biệt đề cao đạo Hiếu. Theo Nho giáo, Hiếu được hiểu là: (1) Con cháu có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống và thờ cúng khi cha mẹ đã mất; (2) Con cháu phải biết vâng lời cha mẹ, không được khiến cha mẹ buồn phiền; (3) Con có hiếu phải sinh con trai, kế thừa hương hỏa tổ tông; kế tục sự nghiệp và ý chí của cha, làm rạng danh

gia đình. Theo Nho giáo, Hiếu có quan hệ chặt chẽ với Trung. Người con có hiếu trong gia đình là điều kiện để trở thành bề tôi trung của quốc gia.

Nho giáo vào Việt Nam từ đầu thời Bắc thuộc và dần có ảnh hưởng mạnh mẽ với đời sống tinh thần xã hội Việt Nam truyền thống. Người Việt tiếp thu nhiều nội dung luân lý đạo đức của Nho giáo, trong đó có việc đề cao đạo Hiếu. Các Nho sĩ Việt Nam trong quá trình soạn gia huấn, đã dần đưa nội dung hiếu của Nho giáo vào giáo dục gia đình.

Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến còn chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Trong quá trình người Việt tiếp nhận và cải biến, nhiều nội dung của Phật giáo đã trở thành phương tiện truyền tải và củng cố Đạo Hiếu trong tâm thức của người dân, tiêu biểu ở hai nội dung sau: (1) Phật giáo đề cao nghiệp và nhân quả, tức là cuộc sống của con người hiện tại chẳng qua là quả của kiếp trước, đồng thời là nhân của kiếp sau. Do đó, khi con người suy tư, hành động cũng là lúc con người đang tạo nghiệp cho mình. Vì vậy, trong gia đình, việc người con thực hiện hiếu với cha mẹ không chỉ là mong muốn của bản thân mà còn đang là tấm gương giáo dục về Đạo Hiếu có ý nghĩa sâu sắc cho thế hệ sau; (2) Phật giáo Việt Nam đưa Hiếu vào các nghi lễ mang tính thiêng, tiêu biểu là lễ Vu Lan - Lễ báo hiếu cha mẹ. Điều này cũng phù hợp với truyền thống hiếu nghĩa, với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, do vậy, ngày lễ này được người dân tích cực đón nhận.

Phật giáo quan niệm, Đạo Hiếu là nền tảng của đạo làm người. Người con không có hiếu, không có đạo đức thì không thể thoát khỏi vòng luân hồi. Theo đó, thực hành hiếu là một nhu cầu hiển nhiên của Phật tử trên con đường tìm kiếm tu tập, kiếm tìm hạnh phúc và sự bình an vĩnh hằng. Những lời răn dạy như: “Tu đâu cho bằng tu nhà/Thờ cha kính mẹ mới là chân tu”, cho thấy sự kế thừa tư tưởng Phật giáo trong thực hành Hiếu của người Việt.

### 3. Đạo Hiếu - nội dung cơ bản của gia huấn Việt Nam thời phong kiến

#### 3.1. Vị trí của Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến

Phạm vi mà gia huấn đề cập đến là tất cả chuẩn mực, luân lý đạo đức trong quan hệ gia đình. Việc xác định vị trí của Đạo Hiếu trong gia huấn thời phong kiến đòi hỏi phải xác định được vị trí của Đạo Hiếu trong các mối quan hệ và các chuẩn mực đạo đức luân lý đó.

Thực ra Đạo Hiếu luôn được nhắc đến trong các gia huấn, nhưng gia huấn lại là sản phẩm của một thời kỳ nhất định nên ở những thời kỳ khác nhau, vị trí của Đạo Hiếu trong gia huấn là không giống nhau. Trước thế kỷ XV, chữ Hiếu không phải là nội dung cơ bản của gia huấn. Hiện nay, người ta còn lưu lại được một bản gia huấn thời Trần là Giáo tử phú được viết bằng chữ Nôm, viết theo thể trường thiên, tương truyền là của Mạc Đĩnh Chi. Nhưng nội dung cơ bản của bài phú này là giáo dục lòng từ bi, sống làm phúc theo tinh thần Phật giáo, cả bài giáo huấn, chỉ có một câu nói về chữ Hiếu là: “*Đội ơn trời đất, cha mẹ sinh thành, cho kíp chớ chày, tu hành làm bụt*” [2]. Điều này cho thấy, phạm vi chữ Hiếu chưa được quan tâm, nội dung bàn đến chưa toàn diện.

Nhưng từ thế kỷ XV trở đi, Đạo Hiếu dần trở thành một nội dung cơ bản của các gia huấn. Điều đó thể hiện:

*Thứ nhất, Đạo Hiếu điều chỉnh mối quan hệ cơ bản nhất trong gia đình là mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái.* Mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái được xem là mối quan hệ hàng dọc, rường cột trong gia đình. Để điều chỉnh mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, các tác giả gia huấn đề cao giá trị đạo đức “hạt nhân” là “từ - hiếu” (cha từ, con hiếu). Trong đó, từ của cha mẹ là tình thương yêu, là sự bao dung, là trách nhiệm dạy dỗ đối với con cái. Nhưng từ không được xem là yêu cầu bắt buộc. Trong khi đó, thái độ, ứng xử của con cái đối với cha mẹ - tức là Hiếu, lại là

tiêu chí tối quan trọng trong luân lý đạo đức của mỗi người con, của đạo làm con. Con cái không có hiếu với cha mẹ thì bị đánh giá là kẻ bỏ đi, tức là không có đạo đức, do đó, không có tư cách đứng trong xã hội: “Hiếu là trăm nét đầu lông/Người chẳng thảo thuận, là lòng muông dê” [8, tr. 180].

*Thứ hai, trong việc tu dưỡng đạo đức của con người từ khi sinh ra đến hết cuộc đời thì đức Hiếu được xem là gốc, được bồi dưỡng đầu tiên, là cơ sở bồi dưỡng các đức khác.* Gia huấn Việt Nam thời phong kiến từ thế kỷ XV trở đi đặt ra nhiều chuẩn mực đạo đức đối với các thành viên, trong các chuẩn mực đó, Đạo Hiếu được xác định là “đứng đầu trăm nét”, là gốc của mọi việc dạy đạo lý, gia phong. Người con hiếu sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc, chuẩn mực đạo đức của gia đình, gia tộc, biết “trên kính dưới nhường”. Chính vì vậy mà gia đình được ổn định, nền nếp. Vì vậy, giáo dục Đạo Hiếu được thực hiện rất sớm. Trong bài học vỡ lòng, ngay từ đầu đứa trẻ đã được học rằng: “Cây có gốc mới mở nhánh xanh ngon,/ Nước có nguồn mới bể rộng, sông sâu/ Người ta nguồn gốc từ đâu? Có cha có mẹ rồi sau có mình” [6, tr. 216].

Hiếu là cội nguồn, là cơ sở bồi dưỡng đức khác cũng là nguồn gốc để có được phúc thiện: “Điều hiếu đứng vững/Muôn điều thiện theo/Phúc thiện đứng đạo/Phúc lành kéo dài” (Xuân Đình gia huấn<sup>2</sup>) [7, tr. 70]. Người xưa giải thích ý nghĩa của từ “dục” trong từ “giáo dục gia đình” (gia huấn) như sau: “Dưỡng tử sử tác thiện dã” (Nuôi con mà khiến nó làm điều thiện). Bậc cha mẹ nào nuôi dưỡng con vất vả cũng mong muốn con “nên người”, “làm điều thiện”. Như vậy, nhiệm vụ của gia huấn chính là làm thế nào để dạy con làm điều thiện, được phúc lành.

*Thứ ba, từ chỗ nhấn mạnh đạo Hiếu, tác giả các gia huấn đã cho rằng: hiếu cũng là một điều kiện quan trọng để đảm bảo cho sự hòa hợp của dòng tộc, là cái bồi đắp sự thịnh vượng, kỷ cương cho cả dòng tộc:* “Hơn nữa báo ứng/Sinh con hiếu thuận/Tiếp theo cháu hiếu/Gốc ngọn trăm đời” (Xuân Đình gia huấn) [7, tr. 70].

Như vậy, Đạo Hiếu là nội dung cơ bản của các gia huấn từ thế kỷ XV, là phẩm chất hàng đầu trong bảng giá trị đạo đức cần có của con người, đồng thời, nó là điều kiện quan trọng để bồi đắp cho sự hòa hợp, cố kết, kỷ cương trong gia đình, sự thịnh vượng của gia tộc, dòng họ. Đạo Hiếu được xem là ngọn lửa thiêng hun đúc tinh thần gia tộc và cơ sở xây dựng tinh thần đó ở các thế hệ sau.

### 3.2. Nội dung giáo dục Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến

Gia huấn được ban hành để giáo dục mọi thành viên trong gia đình, trong đó có giáo dục đạo Hiếu. Giáo dục Đạo Hiếu trong gia đình được hiểu là giáo dục đạo làm con của con trai và con gái. Trong xã hội phong kiến, sự phân biệt hai giới này khá rõ ràng, nội dung giáo dục cũng không giống nhau.

*Thứ nhất, giáo dục Đạo Hiếu cơ bản với con trai*

*Một là, người con trai hiếu là khi cha mẹ còn sống thì phải chăm sóc với lòng thành kính, khi cha mẹ mất thì phải phụng thờ chu đáo. Song, quan trọng nhất là sự phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn tại thế.*

Sự phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống thể hiện ở việc: chăm chút bữa ăn, thức uống cho cha mẹ cẩn thận, chu đáo, phù hợp. Có đồ ăn ngon, cần dâng biếu cha mẹ. Đồng thời, cần sớm hỏi chiều thăm, đi thưa về trình với niềm cung kính,... từ đó giúp cha mẹ khỏe mạnh, an tâm, vui vẻ. Trong *Hành Tham quan gia huấn*, Bùi Huy Bích (1744 - 1818), giáo dục con cháu: “Xuân Huyên<sup>(3)</sup> trăm tuổi tốt tươi/Đạo thời phải cứ dưỡng nuôi hết lòng” [8, tr. 181]. Tác giả *Gia huấn điển ca* cũng cho rằng: “Con cho phải Đạo Hiếu nhi/Ấm mền, mát gối sánh bì Huỳnh Hương<sup>(4)</sup>/Đi thưa rồi trở về trình/Chẳng nên chơi nhẩy ở phương xa hoài/Như mình có trí có tài/Làm quan cũng phải đoái hoài song thân/May mà mình ở đặng gần/Bạc lương cũng phải chia phần mẹ cha/Rủi mà mình ở phương xa/Thời là phải rước về nhà mà nuôi” [4, tr. 29]. Như vậy, con cháu hiếu kính với ông bà, cha mẹ trước hết phải thể hiện ở lòng thành kính, thể

hiện ra ở những hành động cụ thể, ân cần, chu đáo, thường xuyên: “Điều hòa hạ mát, đông ôn/ Một niềm đĩnh tinh thần hôn chó dờ” [8, tr. 181]. Đây là một tiêu chí quan trọng xác định người con đó có hiếu hay không.

Khi cha mẹ đã khuất, lòng hiếu của con trai thể hiện ở việc lo tang lễ khi cha mẹ qua đời, thờ cúng và giữ gìn mộ phần của tổ tiên. Trong tang lễ, con cháu cần lo chu đáo, đáng quý là ở sự thành tâm chứ không cần phung phí. Các tác giả nhắc nhở các con cần đoàn kết lo việc chung: “Dặn ai giữ lễ thủy chung/Lộ là lắm của, có lòng thì hơn/Giàu làm kếp, khó làm đờn/Thế nào phải, kẻo thế gian chê cười” [8, tr. 181].

Sau tang lễ, thì con trai cần đảm nhiệm việc cúng tế cha mẹ một cách chu đáo, cẩn thận. Lòng hiếu của con thật sự hay không lúc này sẽ thể hiện ở sự kiên trì chăm chút hương khói, giữ gìn mộ phần sạch sẽ, mà nếu không thực tâm, khó mà làm được: “Linh nhi yên chốn tuyền tài/Ba năm thăm viếng như ngày tai sinh” [8, tr. 182].

*Hai là, con trai hiếu phải thực hiện nghĩa vụ lấy vợ, thêm người chăm sóc cha mẹ, cai quản gia đình, sinh con nối dõi hương hỏa tổ tông:* “Trai nên lấy bầy lấy ba/Lấy về hầu hạ nhà ta/Thêm hòe, nầy quế có là con ai” [3, tr. 16]. Như vậy, con trai hiếu lấy vợ trước hết để chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ; sau nữa là sinh con nối dõi, làm cho hương hỏa của gia đình không bao giờ tắt. Con làm được như vậy, cũng là một cách thể hiện đạo Hiếu.

*Ba là, con trai có hiếu cũng là người có ý thức tu thân, lập chí thành người có đức và học hành, làm nên sự nghiệp.* Một số gia huấn coi đây là lẽ sống của người con trai, thậm chí là hướng phấn đấu của mọi người trong gia đình. Người con trai hiếu trước hết thực hiện tu dưỡng đạo đức, làm cho cha mẹ vui lòng. Từ tình cảm hiếu kính, mở rộng ra hài hòa với anh em, thân thiện với xóm giềng,... Tác giả khẳng định, người con hiếu sẽ được hưởng “lộc trời”. “Lộc” không hẳn chỉ là vật chất, mà còn là sự kính trọng, tin cậy của những người xung quanh, từ đó tạo phúc cho gia đình.

Người con hiếu còn chăm chỉ học hành, lập thân lập nghiệp, phấn đấu hiển vinh. Khi còn trẻ thì “Say sưa kinh sử chớ khuây/ Sắt mài ắt hẳn có ngày nên kim” [3, tr. 37]. Chăm chỉ học tập để: “Hay thì chiếm bảng ngôi khoa/ Chẳng hay có chữ rộng ra mọi nghề” [8, tr. 187]. Như vậy, báo Hiếu không chỉ dừng ở làm quan, mà còn là làm một người tự lập, có ích cho xã hội, cho quốc gia. Từ chuẩn mực hiếu trong gia đình, tác giả các gia huấn đã khéo léo mở rộng ra thành trung với quốc gia, có ích với dân chúng.

*Thứ hai, giáo dục Đạo Hiếu cơ bản với con gái*

Người con gái trong xã hội phong kiến không được đi học, cho nên, sự giáo dục chủ yếu diễn ra trong gia đình. Các tác giả gia huấn thời kỳ này phân chia việc giáo dục Đạo Hiếu của người con gái khi còn “tại gia” và khi đã “xuất giá”.

*Một là, người con gái hiếu thuận khi chưa xuất giá* biết học các công việc tề gia để giúp đỡ cha mẹ: “Phận con gái ở cùng cha mẹ/ Lòng phải chăm học khéo, học khôn” [3, tr. 26]. Đồng thời, biết thuận theo cha mẹ: “Khi chưa xuất giá tại đường/Việc nhà xem sóc giữ gìn tùy cha” [8, tr. 191]. Như vậy, khi chưa xuất giá, người con gái đã chăm lo về: đức hạnh, may vá, nội trợ, canh củi, học cách vun vén gia đình, thức khuya dậy sớm,...: “Vui niềm nữ tặc, nữ công/Kiểm cần đôi chữ tấm lòng chớ sai” [8, tr. 191]. Thực chất ở đây là dạy người con gái theo tư tưởng “tam tông”, “tứ đức” của Nho giáo. Mục đích của việc học tập này là để khi “xuất giá hồi môn” có thể gánh vác được giang sơn nhà chồng, không để gia đình chồng chê trách. Việc người con gái thực hiện được điều này, cũng là khẳng định bản thân là con nhà “gia giáo”, làm vui lòng cha mẹ ở nhà.

*Hai là, Đạo Hiếu khi đã về nhà chồng*, tác giả các gia huấn nêu lên tinh thần Hiếu với sợi chỉ đỏ là “phụng dưỡng” và “kính thờ”: “Làm dâu thì chỉ kính mới nên” [3, tr. 27]. Tức là, người con gái đi làm dâu thì phải ngoan hiền, chăm lo chu toàn công việc nhà chồng, làm vui lòng cha mẹ chồng: “Đến ngày nghi thất

nghi gia/Thì càng vẹn chữ nét na chu lành/ Dịu dàng cẩn hậu trịnh thành/Chữ rằng nhi nữ tại bình há chơi/Đi làm con gái nhà người/ Giữ niềm tần tảo sớm mai chuyên cần” [8, tr. 191-192].

Gia huấn Việt Nam thời phong kiến yêu cầu với người phụ nữ đã xuất giá thì phải tâm niệm một niềm “kính tôn hầu hạ song thân nhà chồng” [8, tr. 192]. Khi có công việc thì không được tị nạnh, phân biệt bên nội bên ngoại. Trong đó, ưu tiên công việc nhà chồng nhiều hơn.

Người con gái là phận dâu con, với những nơi thờ tự phải chăm chút sao cho ấm cúng, sạch sẽ, theo đúng nghi thức. Đặc biệt trong các dịp cúng cáo gia tiên, giỗ chạp, ... phận làm dâu phải quán xuyến cho tròn phận sự: “Lại là hiếu với tổ tiên/Những ngày giỗ tết không nên vắng nhà/Đồ cúng cấp, hương trà tinh khiết/Theo lễ nghi, khép nép, khoan thai/ Ăn nhiều, ăn ít cho rồi/Chớ điều ghê lạnh lẽu thôi lại về” [3, tr. 13].

Như vậy, giáo dục Đạo Hiếu với người phụ nữ trong các gia huấn Việt Nam thời phong kiến chủ yếu ở nội dung “kính” và “thuận”. Lòng hiếu thuận chủ yếu thể hiện ở sự vâng lời, phụng dưỡng cha mẹ hai bên, đặc biệt là cha mẹ chồng. Sự tu dưỡng của người phụ nữ chủ yếu để đảm nhận chức năng là người vợ hiền, dâu thảo, gánh vác giang sơn nhà chồng chứ không nhằm phát huy năng lực cá nhân. Đây cũng là hạn chế chung của giáo dục người phụ nữ trong xã hội phong kiến ở các nước chịu ảnh hưởng của Nho giáo.

## 4. Kết luận

Đạo Hiếu là một giá trị đạo đức quý báu của văn hóa Việt Nam từ truyền thống. Từ thế kỷ XV, nó trở thành nội dung xuyên suốt trong các gia huấn Việt Nam. Đạo Hiếu mang nhiều ý nghĩa, nhưng tập trung ở một số nội dung cơ bản như: là tình cảm tự nhiên của con người, biểu hiện tiêu biểu nhất ở sự phụng dưỡng, chăm sóc ông bà, cha mẹ với lòng thành kính, tự hoàn thiện bản thân mình cho cha mẹ vui lòng; là gốc của các giá trị

đạo đức, là thước đo nhân cách và là một giá trị xã hội cao quý của con người. Đạo Hiếu được thể hiện ở nhiều góc độ. Trong các gia huấn, có sự phân biệt việc thực hiện Đạo Hiếu giữa con trai và con gái. Tuy vậy, tinh thần chung là tình cảm biết ơn, báo đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ bằng những hành động cụ thể, lâu dài.

Ngày nay, chúng ta nghiên cứu Đạo Hiếu và thực hiện Đạo Hiếu trong lịch sử, không chỉ là để tìm hiểu, đánh giá, mà còn soi chiếu mình trong chiều dài của sự phát triển. Do vậy, việc nghiên cứu về Đạo Hiếu trong các gia huấn Việt Nam thời phong kiến cũng là cơ hội để gạn lọc các giá trị thường hằng, kế thừa và phát huy trong tiến trình phát triển của cá nhân và phụng sự xã hội.

## CHÚ THÍCH

- (2) Xuân Đình gia huấn là sách giáo dục trong gia đình của dòng họ Lê Hữu. Tác phẩm được viết năm Quý Ty, niên hiệu Thành Thái (năm 1893). Cuốn sách gồm 34 chương, châm và giới (TTH)
- (3) “Xuân Huyền” là từ cổ dùng để chỉ cha mẹ.
- (4) Huỳnh Hương: người thời Đông Hán, 9 tuổi mẹ mất, thương khóc thảm thiết, sớm khuya hầu hạ cha, quạt nồng ấp lạnh, gọi là “phiến chăm ôn khâm” [4, tr. 33].

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đào Duy Anh (2005): *Hán Việt tự điển giản yếu*, Nxb Văn hóa thông tin.
- Mạc Đĩnh Chi: *Giáo tử phú*, <https://www.thivien.net/M%E1%BA%A1c-%C4%90%C4%A9nh-Chi/Gi%C3%A1o-t%E1%BB%AD-ph%C3%BA/poem-97x3h4Wf3kRCztKXV75XBQ>
- Khuyết danh (1952): *Gia huấn ca*, Thi nham Đình Gia Thuyết đỉnh chính và chú thích, SGK Tân Việt.
- Khuyến danh (2005): *Gia huấn điển ca*, Võ Văn Sở dịch Việt ngữ, Nxb Phương Đông.
- Hoàng Phê chủ biên (2004): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- Phạm Côn Sơn (2005): *Gia lễ xưa và nay*, Nxb Thanh niên.
- Nguyễn Thịnh và Phạm Ánh Sao chọn trích và phiên dịch (1990): *Xuân Đình gia huấn*, Tạp chí Xã hội học, số 3 - 1990.
- Tủ sách lịch sử văn hóa (1998): *Danh nhân văn hóa Bùi Huy Bích (1744 - 1818)*, Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, Hà Nội.



# VAI TRÒ CỦA ÂM NHẠC TRONG VIỆC BỒI DƯỠNG LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG VÀ LÒNG YÊU NƯỚC CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS. TS. Nguyễn Thu Nghĩa \*

**Tóm tắt:** Âm nhạc là một loại hình nghệ thuật phổ biến, là món ăn tinh thần vô cùng phong phú cho các thế hệ nói chung và thế hệ trẻ nói riêng. Ngoài vai trò giải trí, âm nhạc còn có vai trò nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ. Trong bài viết này, tác giả trình bày vai trò của âm nhạc đối với việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay; phân tích một số vấn đề đang đặt ra đối với việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ bằng âm nhạc và đề xuất một số giải pháp cơ bản góp phần nâng cao hơn nữa vai trò của âm nhạc trong bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay.



**Từ khóa:** Âm nhạc, nghệ thuật, thế hệ trẻ, lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng.

**Nhận bài:** 25/10/2024; đưa vào quy trình biên tập 25/10/2024; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Mở đầu

Trong các loại hình nghệ thuật, âm nhạc là loại hình nghệ thuật phổ biến, là món ăn tinh thần phong phú được tất cả các thế hệ yêu thích. Âm nhạc xuất hiện trong suốt cuộc đời mỗi người, từ lúc trong nôi nghe tiếng ru ngọt ngào của bà, của mẹ, những bài hát đồng dao thuở thiếu thời đến những bài hát thể hiện tình yêu đôi lứa, những bài ca gắn với các hoạt động sinh hoạt tập thể, kể cả khi nhắm mắt xuôi tay trong các điệu ca buồn, mang theo nhiều tiếc nuối của người ra đi và người ở lại. Âm nhạc không chỉ mang ý nghĩa giải trí, thỏa mãn những nhu cầu thẩm mỹ, tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ mà còn có ý nghĩa trong việc nhận thức, giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người. Những tác phẩm âm nhạc có ý nghĩa nhân văn sâu sắc có tác động

tích cực đến suy nghĩ, lối sống, nhân cách và ngược lại, những tác phẩm âm nhạc có ca từ không phù hợp với thuần phong mỹ tục, sáo rỗng, phản cảm... có thể ảnh hưởng xấu tới suy nghĩ, lối sống, cách ứng xử và hành động của con người.

Nhà mỹ học nổi tiếng người Đức Hegel nhận xét: “âm nhạc đi tới chỗ biểu hiện tất cả những tình cảm riêng biệt, tất cả những sắc thái niềm vui, niềm thanh thản, sự vui vẻ tinh thần và ngẫu hứng, sự hoan hỉ và những gì chuyển tải nó, cũng như đi qua mọi mức độ buồn bã và lo âu. Những mối lo lắng, đau đớn, những khát vọng, sự sùng kính, lời cầu nguyện, tình yêu trở thành lĩnh vực riêng cũng được âm nhạc thể hiện” [1, tr. 137].

## 2. Vai trò của âm nhạc trong bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay

Nghiên cứu vai trò của âm nhạc trong bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, có thể nhận thấy:

*Thứ nhất, vai trò nhận thức*

Khi tình hình biển Đông có những biến động phức tạp, đã có rất nhiều nhà thơ, nhà văn tham gia cuộc thi viết thơ - nhạc với chủ đề “Đáy biển Việt Nam” do báo điện tử Vietnamnet phối hợp cùng Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam và Công ty Cổ phần Truyền thông Quê hương tổ chức. Rất nhiều bài hát trong cuộc thi này đã thấp sáng ngọn lửa yêu quê hương đất nước; khích lệ và cổ vũ tinh thần và ý chí bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Với chất lượng nghệ thuật cao, nội dung phong phú, đa dạng, khi viết về chủ đề biển đảo, rất nhiều tác phẩm thơ, nhạc đã khắc họa sâu sắc niềm tự hào về con người, về thiên nhiên vùng biển đảo Việt Nam. Rất nhiều tác phẩm âm nhạc đã thể hiện được lòng yêu nước, khát vọng hòa bình, hữu nghị của dân tộc Việt Nam.

Những ca khúc viết về biên cương, đảo xa của thế hệ trẻ được sinh sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng với một tình yêu tha thiết, nồng nàn mà giản dị, chân thành. Những lời hát về biển đảo quê hương được thể hiện qua giai điệu hào hùng, sống động, tràn đầy khí thế của người chiến sĩ đang ngày đêm canh gác biển đảo:

*“Biển xanh lấp lánh, hải âu tung cánh*

*Trường Sa nơi ấy có anh*

*Bao nhiêu tình thương bay qua đại dương*

*Gửi người chiến sĩ biên cương trái tim nồng  
cháy yêu thương*

*Cho mỗi tấc đất Mẹ hiền quê hương dấu yêu  
Mãi luôn NGỒI SÁNG!”*

*(Bay qua Biển Đông - Tác giả: Lê Việt Khánh)*

Qua những câu hát, người nghe cảm nhận rất rõ tình thương yêu của những người ở đất liền muốn gửi gắm ra hải đảo xa xôi...

giúp thế hệ trẻ hiểu được sứ mệnh thiêng liêng của những người lính đang ngày đêm làm nhiệm vụ cũng như trách nhiệm của cá nhân đối với quê hương, đất nước.

Trong thời gian vừa qua, có nhiều nhạc sĩ và ca sĩ trẻ trong hoạt động sáng tác và biểu diễn âm nhạc đã tìm về với chất liệu dân tộc. Việc kết hợp giữa âm nhạc hiện đại và âm nhạc dân tộc đã kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần cao đẹp của người Việt và làm cho nhiều ca khúc mang màu sắc tươi mới, hấp dẫn hơn và thu hút được sự chú ý của khán giả trẻ. Những tác phẩm được chất lọc, thăng hoa từ tình yêu của tác giả đối với nghệ thuật dân tộc cùng với sự sáng tạo đã đem lại làn gió mới cho âm nhạc Việt. Có thể kể tên những sáng tác thành công với sự kết hợp giữa âm nhạc dân tộc và âm nhạc hiện đại như bài hát *Ngồi tựa mạn thuyền* của Lê Hoàng Phong do ca sĩ Tùng Dương thể hiện. Bài hát *Ngồi tựa mạn thuyền* giúp thế hệ trẻ có thêm lý do để tìm hiểu về âm nhạc dân tộc, đặc biệt là dân ca Quan họ Bắc Ninh - một di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại. Có những bài hát vượt ra khỏi biên giới và được bạn bè quốc tế đón nhận như bài *Để Mẹ nói cho mà nghe, See tình...* Yêu thích và đam mê âm nhạc dân tộc, nhạc sĩ Lê Cát Trọng Lý có một hành trình khám phá những khúc hát xưa của các dân tộc trên khắp đất nước bằng dự án “*Những khúc ca Việt cổ*”. Lê Cát Trọng Lý đã dày công sưu tầm những lời ru, khúc ca sâu bi, những câu hát yêu thương hay sự vui mừng trước mùa mới, viết lại lời Kinh và sau đó sử dụng nhạc thính phòng phối khí lại. Các ca khúc của Lý luôn mang hơi thở dân gian, giúp thế hệ trẻ hiểu hơn, yêu quý hơn những di sản văn hoá dân gian của các dân tộc trên khắp mọi miền đất nước<sup>(1)</sup>.

Nói đến âm nhạc dân tộc có ảnh hưởng đến thế hệ trẻ không thể không nhắc đến ca sĩ Nguyễn Thị Ngọc Hà, nghệ danh Hà Myo. Tham gia cuộc thi Giọng hát hay Hà

Nội 2020 đạt giải nhì với *Xẩm Hà Nội*. Hà Myo gắn bó với hát Xẩm như *Xẩm thập ân - Công cha ngãi mẹ sinh thành, Ký sự Trường Sa, Xẩm Hà Nội, Trò chơi í a Trời cho, Xẩm Xuân chúc phúc, Xẩm Bốn mùa hoa Hà Nội, Xẩm Xuân xanh*, và các bài hát văn như *Cô đôi thượng ngàn*, dân ca Mường như *Đập Nàng Khọt*,... Âm nhạc mà Hà Myo trình diễn có sự kết hợp giữa lời dân gian với phần phối khí kết hợp giữa xẩm, nhạc điện tử và rap đã tạo nên những tác phẩm hấp dẫn, phù hợp với thị hiếu của giới trẻ.

Với MV ca nhạc *Ký sự Trường Sa*, Hà Myo “mong muốn sản phẩm âm nhạc của mình phần nào thể hiện được bức tranh toàn cảnh về vẻ đẹp của Trường Sa, vẻ đẹp của biển trời quê hương Việt Nam, về con người và ý chí kiên cường của các chiến sĩ nơi hải đảo xa xôi. Cùng với đó, tôi hy vọng các bạn trẻ sẽ hiểu hơn về biển đảo quê hương, những khó khăn nơi đầu sóng ngọn gió của các chiến sĩ nơi đây. Qua đó, tăng thêm tình yêu Tổ quốc và niềm tự hào là những người con của đất Việt”<sup>(2)</sup>.

#### *Thứ hai, vai trò giáo dục*

Vai trò của âm nhạc trong bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay còn thể hiện ở vai trò giáo dục. Nhờ có âm nhạc, tình yêu quê hương đất nước, tự hào về dòng máu con Rồng cháu Tiên còn được nảy sinh từ những lời ca nhẹ nhàng, giàu ý nghĩa.

Trong những năm gần đây, những bài hát thể hiện lòng tự hào dân tộc như *Tự hào hai tiếng Việt Nam, Việt Nam ơi, Hello Việt Nam, Tôi người Việt Nam, Thương ca tiếng Việt, Việt Nam ngày mới*,... được thế hệ trẻ đón nhận vô cùng nồng nhiệt. Các bài hát trở thành chất liệu chính trong các buổi liên hoan văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng của thế hệ trẻ, giáo dục cho thế hệ trẻ dù đi đâu, về đâu, dù ở bất cứ nơi nào đều tự hào mình là người Việt Nam. Một bài hát được vang lên trong rất nhiều dịp lễ quan trọng của Việt Nam là *Một vòng Việt Nam* được thể hiện qua giọng hát truyền cảm hứng của Tùng Dương. Đây là bài hát chủ đề chính thức của chương trình

*Around Việt Nam* do nhạc sĩ Đông Thiên Đức sáng tác. Đúng với sứ mệnh của mình là giới thiệu những thước phim tuyệt vời về đất nước, con người Việt Nam, bài hát thể hiện khí phách hiên ngang, bất khuất của con người Việt Nam theo suốt chiều dài lịch sử đã chạm đến trái tim của hàng triệu người yêu nhạc.

*“Ai đã ghim vào những thân tre bao ký ức  
xót xa hồi mẹ?*

*Ai đã ru ngủ những dòng sông cùng êm ả  
chảy về hướng đông?*

*Con đã vẽ hình hài quê hương qua những  
khúc hát ru của mẹ*

*Còn bao nhiêu lời ru con vẫn chưa được nghe  
Việt Nam quê hương ta đẹp lắm, mặc lửa  
khói giày xéo tháng năm*

*Người Việt Nam da nâu, mắt đen, thảo thơm  
bất khuất như cành sen*

*Việt Nam ơi, quê hương ta ơi, biển lúa chín  
vàng thơm ngát trời*

*Vọng tiếng ai hò vì nhớ con đò à ơi*

*Dậy với tôi nào, dạo với tôi nào*

*Dạo khắp một vòng Việt Nam*

*Nhìn non sông trời vẫn, đất vẫn*

*Cùng với tôi nào, dạo với tôi nào*

*Dạo khắp một vòng Việt Nam*

*Come with me, we'll travel around  
Việt Nam”*<sup>(3)</sup>.

*Thứ ba, vai trò nâng cao giá trị thẩm mỹ*

Vai trò của âm nhạc trong bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ còn thể hiện ở *giá trị thẩm mỹ*, giúp cho họ không bị vướng bận bởi những tính toán vụn vặt, mang tính thực dụng, mà để cảm xúc được thăng hoa, bay bổng hướng tới cái đẹp, cái cao cả, cái anh hùng. Chính âm nhạc đã xóa tan những ưu phiền, mệt mỏi, lo lắng trong cuộc sống cũng như tiếp thêm sức mạnh để con người vươn tới cái đẹp, cái tốt, chiến thắng cái xấu, cái ác. Âm nhạc có vai trò hết sức quan trọng trong việc thanh lọc, loại bỏ các cảm xúc tiêu cực, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, nhân cách đạo đức, nuôi dưỡng tâm hồn, bảo đảm sự phát triển hài hòa, toàn diện của con người.

Nhờ có năng lực thẩm mỹ, trong đó có tình cảm thẩm mỹ, nhu cầu thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lý tưởng thẩm mỹ được bồi đắp nhờ vai trò của âm nhạc mà thế hệ trẻ phát hiện ra cái hay, cái đẹp, cái giá trị thẩm mỹ của thế giới xung quanh mình. Nhờ đó làm tối ưu hóa các quá trình tâm sinh lý, kích thích tính chủ động cho thế hệ trẻ, giúp họ có phản ứng nhanh, nhạy, chính xác trong sáng tạo, thưởng thức, đánh giá thẩm mỹ. Sự kết hợp giữa âm nhạc với lý tưởng thẩm mỹ cao đẹp kích thích tính tích cực, năng động của thế hệ trẻ. Đời sống tinh thần của thế hệ trẻ cũng từ đó trở nên phong phú, đa dạng và phát triển hơn.

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu của các thế hệ đi trước, sáng tạo cho phù hợp với điều kiện mới cũng như hội nhập, giao lưu với âm nhạc quốc tế, âm nhạc Việt Nam đã đem lại cho thế hệ trẻ góc nhìn mới về thẩm mỹ trong âm nhạc, về thời trang, về phong cách làm việc nghiêm túc, hiệu quả, cống hiến hết mình, xây dựng lối sống hướng tới cộng đồng, đề cao cá tính, dân chủ.

Âm nhạc gắn bó mật thiết với thế hệ trẻ và trở thành nhu cầu rất lớn không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Qua việc thưởng thức những tác phẩm âm nhạc giàu tính nhân văn, nhân đạo, thể hiện lòng tự hào về quê hương đất nước mà hình thành nên lý tưởng cách mạng. Không có lý tưởng cách mạng, không có tình yêu và niềm tự hào dân tộc thì thế hệ trẻ không thể vượt qua khó khăn, thử thách, cám dỗ của cuộc sống thường ngày.

Song song với vai trò tích cực của âm nhạc trong bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, trong thực tiễn, không phải sản phẩm âm nhạc nào cũng có vai trò tích cực như vậy mà có rất nhiều tác phẩm âm nhạc đánh vào thị hiếu tầm thường của đám đông, mong muốn thu lợi nhuận mà có những sáng tác chưa thực sự phù hợp với thuần phong mỹ tục, chưa làm được vai trò của âm nhạc trong việc bồi dưỡng tâm hồn, lý tưởng cho thế hệ trẻ. Thế hệ trẻ ham thích những cái mới, lạ, am hiểu về công nghệ, có nhiều thời gian để cập nhật. Ngay cách đặt tiêu đề bài hát

như Bốc bát họ, Thích Ca Mâu Chí, Cypher nhà làm, Ông bà già tao lo hết, Tròn, Quan hệ rộng, Mấy thật mấy, Lái máy bay,... đã gây tò mò cho giới trẻ, và khi tiếp xúc với những ca từ không phù hợp sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến họ.

Có rất nhiều nhà nghiên cứu, nhà phê bình âm nhạc, nhạc sĩ, ca sĩ có tâm với nghề đã lên tiếng về vấn nạn này. Trong bài viết “Nhạc rác, nhạc nhắm trên không gian mạng làm hại giới trẻ”, các tác giả cho rằng: “việc sản xuất các sản phẩm với hình ảnh và ca từ làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, văn hóa của đất nước lại được lan truyền quá dễ dàng trên mạng xã hội hay các trang nhạc trực tuyến đã làm ảnh hưởng tiêu cực tới người nghe, xem - tác động không nhỏ tới nhận thức, hành vi của thanh, thiếu niên khi tiếp nhận những sản phẩm âm nhạc chứa nội dung độc hại đó”<sup>(4)</sup>. Nhạc sĩ, nhà phê bình âm nhạc Nguyễn Quang Long cho rằng, “âm nhạc có tác động rất mạnh đến thẩm mỹ, lối sống của giới trẻ. Dù âm nhạc là sự tự do sáng tạo nhưng cái gì cũng có chuẩn mực và phải hướng đến cái đẹp. Sẽ cực kỳ nguy hiểm nếu như những sản phẩm âm nhạc bậy bạ này được cổ xúy và lan tràn trên các phương tiện nghe, nhìn chính thống”<sup>(5)</sup>.

Đáng phần nộ hơn nữa, có nhiều bài nhạc chế xuyên tạc lịch sử dân tộc trên Tik Tok như đoạn nhạc chế từ bài thơ Lượm của nhà thơ Tố Hữu với hình ảnh “chú bé loắt choắt” quen thuộc<sup>(6)</sup>, hay chế lời bài hát Thương quá Việt Nam, Huyền thoại Mẹ, Tiếng chày trên sóc Bom Bo<sup>(7)</sup>,...

Tham gia vào việc lợi dụng âm nhạc để thực hiện việc tuyên truyền các quan điểm lệch lạc, chống phá thành tựu của Việt Nam qua gần 40 năm đổi mới, cũng như bịa đặt, xuyên tạc, bôi nhọ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta; ca ngợi những kẻ phản động, âm mưu chống phá đất nước, không thể không kể đến trung tâm âm nhạc lớn ở hải ngoại là Asia. Những tác phẩm âm nhạc có nội dung không phù hợp với lý tưởng cách mạng của ta, bị cơ quan quản lý cấm lưu hành thì trung tâm này

cố tình lồng ghép vào các chương trình kỷ niệm, ngay trang dưới chiêu bài nhân danh tự do. Chúng khoác lác “giúp tuổi trẻ đi tìm sự thật quá khứ, tuổi già bù ngùi nhớ lại những ngày tháng cũ, để nhìn lại và hãnh diện; lưu giữ và truyền cho đời sau những sáng tác âm nhạc và nghệ thuật không bao giờ nhạt phai trong lòng dân tộc; lồng trong những tài liệu lịch sử giá trị, xứng đáng để chia sẻ và gìn giữ cho các thế hệ tiếp nối?”<sup>(8)</sup>. Trong danh mục 90 ca khúc, liên khúc chưa được Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp phép phổ biến trên toàn quốc, lại được các trung tâm phản động chuyển sang các dạng hát karaoke và lợi dụng

Youtube để phát tán bài hát này một cách triệt để. Ngoài ra, chúng còn sử dụng những bản nhạc sẵn có, chế thêm lời, phối lại nhạc, gọi là “nhạc chế”. Những bài “nhạc chế” này thường có nội dung bôi nhọ, xuyên tạc, bịa đặt về chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách của Nhà nước ta; hạ bệ các lãnh tụ và anh hùng cách mạng. Đồng thời, chúng lôi kéo một số nhạc sĩ, ca sĩ vào những hoạt động sai trái này bằng nhiều thủ đoạn như dụ dỗ, mua chuộc bằng tiền, đặt viết bài sau đó thuê những ca sĩ biểu diễn những ca khúc đó trên sân khấu, hoặc là thu băng đĩa phát tán trên mạng.

### 3. Một số giải pháp nâng cao vai trò của âm nhạc trong việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay

Để nâng cao vai trò của âm nhạc trong việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay, theo chúng tôi trong thời gian tới cần phải tiến hành một số các giải pháp như sau:

*Một là*, Đảng ta cần đảm bảo được tính định hướng chính trị trong định hướng các giá trị thẩm mỹ. Đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, nền kinh tế thị trường mà Việt Nam xây dựng là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin và truyền thông như hiện nay đang có tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của công chúng nói chung và thế hệ trẻ nói riêng theo hai hướng, cả tích cực và tiêu cực, cả tiến bộ lẫn cái sai trái, phản động.

Nhà nước cần rà soát để bổ sung và xây dựng các chế tài nhằm ngăn chặn sự phát tán, truyền bá các tác phẩm âm nhạc có nội dung, tư tưởng gây ảnh hưởng xấu đến lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước của thế hệ trẻ. Sử dụng có hiệu quả các trung tâm nghệ thuật quốc gia trong việc lan tỏa các giá trị thẩm mỹ thông qua việc giới thiệu nhiều thể loại

âm nhạc của dân tộc nhằm lan tỏa lý tưởng và lòng yêu nước; Quản lý, định hướng các cơ quan báo chí, xuất bản trong việc in ấn, giới thiệu các tác phẩm âm nhạc; lựa chọn các tác phẩm âm nhạc xứng đáng, có giá trị thẩm mỹ cao góp phần nâng cao năng lực thẩm mỹ cho thế hệ trẻ.

Cần phải có định hướng giá trị thẩm mỹ trong âm nhạc một cách rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các sách báo xuất bản, các đài phát thanh, truyền hình, thông tin số, thông tin mạng có kiểm soát, có định hướng chặt chẽ theo định chuẩn tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Cần tăng cường vai trò của công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng để nâng cao ý thức cảnh giác cho thế hệ trẻ trước những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch trên mặt trận văn hoá - tư tưởng; loại bỏ những thông tin xấu, độc trên mạng xã hội, dập tắt những luận điệu xuyên tạc, quan điểm sai trái trên mạng xã hội liên quan đến công tác văn hoá, tư tưởng. Bên cạnh việc loại bỏ những trang mạng có nội dung nhảm nhí, xử phạt những hình ảnh, âm thanh có ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục, cần giới thiệu quảng bá những trang mạng có nội dung lành mạnh, có giá trị định hướng thẩm mỹ tốt cho thế hệ trẻ.

*Hai là*, nâng cao trình độ sáng tác và trình độ lý luận của các nhạc sĩ đặc biệt là nhạc sĩ trẻ bằng cách bồi dưỡng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sáng tác. Nhạc sĩ cần được trang bị đầy đủ các kiến thức về âm nhạc, không chỉ hiểu biết về âm nhạc hiện đại và còn phải am hiểu sâu sắc về nền âm nhạc dân tộc; có năng lực tiếp nhận các thành tựu của các nền âm nhạc tiên tiến trên thế giới để có thể đem đến cho công chúng nhất là thế hệ trẻ những món ăn tinh thần chất lượng, giàu tính thẩm mỹ. Nhạc sĩ cần tích cực, chủ động thâm nhập thực tế, phát huy hết tài năng, trí tuệ để sáng tạo ra nhiều tác phẩm phản ánh toàn diện, sâu sắc đời sống văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Bên cạnh đó, nhạc sĩ cũng cần được bồi dưỡng về tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, truyền tải được ngọn lửa truyền thống đến với công chúng yêu nhạc, cảm hóa, lay động lòng người bằng những sáng tác thấm đậm lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước.

*Ba là*, nâng cao chất lượng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ lý luận phê bình âm nhạc, có kiến thức lý luận và thực tế cuộc sống, hiểu biết về âm nhạc để có thể đưa ra những định hướng cho công chúng trẻ sáng tác, thưởng thức và đánh giá tác phẩm âm nhạc một cách chính xác. Đội ngũ lý luận, phê bình, đánh giá âm nhạc là

truyền bá, giáo dục, định hướng cho thế hệ trẻ nhưng cần thận trọng, tránh áp đặt một cách máy móc và cứng nhắc, cần giúp họ cảm nhận, đánh giá đúng đắn và phân biệt đâu là những tác phẩm âm nhạc có giá trị nghệ thuật, đâu là những sản phẩm âm nhạc phục vụ những thị hiếu, nhu cầu thẩm mỹ tầm thường. Người làm công tác lý luận, phê bình âm nhạc phải luôn trau dồi kiến thức chuyên môn để theo sát đời sống âm nhạc đương đại, đưa ra những nhận định đúng đắn về âm nhạc cũng như dự báo các xu hướng phát triển tiếp theo. Nhà phê bình, đánh giá âm nhạc phải có những đánh giá khách quan đồng thời hướng dẫn, giúp thế hệ trẻ biết cách thưởng thức âm nhạc một cách hiệu quả, góp phần bồi dưỡng cho họ lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước.

*Bốn là*, giáo dục thẩm mỹ cho thế hệ trẻ, giúp họ hiểu được cái hay, cái đẹp của âm nhạc. Cần định hướng giá trị thẩm mỹ con người Việt Nam trong giáo dục trường quy vì đây là một định hướng quan trọng, cơ bản. Cần định hướng có tổ chức, chặt chẽ, có hệ thống từ nhà trẻ, lớp mẫu giáo đến các bậc học cấp một, cấp hai, cấp ba, đại học, thậm chí là cả cao học, nghiên cứu sinh. Chú trọng công tác giáo dục thẩm mỹ trong âm nhạc bằng những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ cao trên thế giới và Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực và trình độ cảm thụ âm nhạc cho thế hệ trẻ.

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Bảo Linh, *Lê Cát Trọng Lý: Hành trình khám phá những ca khúc Việt cổ*: <https://cand.com.vn/doi-song-van-hoa/le-cat-trong-ly-hanh-trinh-kham-pha-nhung-ca-khuc-viet-co-i653521/>

<sup>(2)</sup> Khánh Huyền, *"Ký sự Trường Sa" bằng âm nhạc của ca sĩ Hà MyO*: <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/ky-su-truong-sa-bang-am-nhac-cua-ca-si-ha-myo-723253>

<sup>(3)</sup> <http://www.motvongvietnam.com/>

<sup>(4)</sup> Thanh Thụy - Ngọc Dù, *Nhạc rác, nhạc nhảm trên không gian mạng làm hại giới trẻ*, <https://laodong.vn/van-hoa-giai-tri/nhac-rac-nhac-nham-tren-khong-gian-mang-lam-hai-gioi-tre-1173320.ldo>

<sup>(5)</sup> Hoàng Lâm, *"Sốc" vì những ca khúc "bẩn" lan tràn trên những trang nghe nhạc lớn*, <https://hanoimoi.vn/soc-vi-nhung-ca-khuc-ban-lan-tran-tren-nhung-trang-nghe-nhac-lon-368687.html>

<sup>(6)</sup> Thảo My, *Nhạc chế độc hại trên TikTok xúc phạm văn hóa, lịch sử: Phải xử lý thật nghiêm khắc*, <http://baovanhoa.vn/giai-tri/nhac-che-doc-hai-tren-tiktok-xuc-pham-van-hoa-lich-su-phai-xu-ly-that-nghime-khac-37525.html>

<sup>(7)</sup> Tùng Thanh, *Phẫn nộ với những bài nhạc chế, thơ chế xuyên tạc lịch sử dân tộc trên TikTok*, <https://vtcnews.vn/phan-no-voi-nhung-bai-nhac-che-tho-che-xuyen-tac-lich-su-dan-toc-tren-tiktok-ar771292.html>

<sup>(8)</sup> Minh Tâm, *Asia 65 - Một sản phẩm trở trên của đám phân động lưu vong*, <https://cand.com.vn/hau-truong/Asia-65---Mot-san-pham-tro-tren-cua-dam-phan-dong-luu-vong-i298514/>

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1996): *Mỹ học - Những vấn bản chọn lọc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

# GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG LÀNG CỦA NGƯỜI VIỆT

TS. Trần Thị Hà Giang \*

**Tóm tắt:** Thành hoàng làng (THL) là những người có công với cộng đồng cư dân làng như khai phá lập làng, bảo vệ hoặc giúp đỡ, dạy nghề, ... Tín ngưỡng thờ THL chứa đựng tinh thần nhân văn, đề cao các giá trị đạo đức truyền thống của người Việt như: đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết cộng đồng. Trong bối cảnh hiện nay, khi văn hóa được đặt ngang hàng với kinh tế, văn hóa là nguồn lực cho sự phát triển thì việc nghiên cứu chỉ ra giá trị đạo đức trong văn hóa tín ngưỡng thờ THL ở Việt Nam là cần thiết góp phần bảo tồn phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, niềm tin vững bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc.

**Từ khóa:** giá trị đạo đức, Thành Hoàng làng, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng

**Nhận bài:** 24/4/2025; đưa vào quy trình biên tập 24/4/2025; duyệt đăng 25/7/2025.

## 1. Mở đầu

Tín ngưỡng thờ THL là loại hình tín ngưỡng dân gian của người Việt, là sự niềm tin tưởng, sự ngưỡng mộ, sùng bái vị thần bản mệnh của cộng đồng làng, thông qua hệ thống nghi thức thờ cúng.

Tín ngưỡng thờ THL là một thành tố của văn hóa làng, không chỉ mang giá trị tâm linh mà còn có giá trị đạo đức, có vai trò quan trọng trong việc giáo dục đạo đức cộng đồng. Trong bối cảnh xã hội hiện nay,

hiện tượng suy thoái tư tưởng đạo đức không còn hiếm gặp gây ra sự quan ngại đối với sự phát triển bền vững. Vì vậy, sự cần thiết phải trở lại nghiên cứu và phát huy giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ THL. Bởi giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ THL góp phần khơi dậy và phát triển văn hóa biết ơn, tinh thần đoàn kết cộng đồng, lòng tự hào về quê hương đất nước, khát vọng về một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

## 2. Nội dung

### 2.1 Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng

Tín ngưỡng (belief) là một phương diện, một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của con người, là hiện tượng văn hoá, phản ánh niềm tin, sự ngưỡng mộ, sùng bái, thờ phụng của con người vào đáng siêu nhiên, thể hiện khát vọng của con người về cuộc sống no đủ, hạnh phúc.

Tín ngưỡng “là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên,

thần bí” [6, tr. 634]. “Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng” [11]. Tín ngưỡng không có tổ chức chặt chẽ, không có hệ thống giáo lý, giáo luật điển hình như tôn giáo, nếu có thì mang tính lẻ tẻ, rời rạc.

Niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, huyền bí, vào sự bất tử của linh hồn là nguồn gốc hình thành nên các loại hình tín ngưỡng dân gian khác nhau. Với người Việt từ xưa cho đến nay, tín ngưỡng dân gian tồn tại phổ biến dưới nhiều hình thức như: tín ngưỡng thờ THL, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu. Theo nhà nghiên cứu Võ Thanh Bằng thì “Tín ngưỡng dân gian là một hình thức văn hóa tâm linh và cũng là một mặt của lối sống của con người và cộng đồng người dưới các mức độ khác nhau khá nhạy cảm, có truyền thống lâu đời không chỉ ở nông thôn mà còn thấm thấu khắp thành thị” [5, tr. 11]. Như vậy thì tín ngưỡng dân gian hình thành và tồn tại trong nhân dân, có từ lâu đời, là một thành tố của văn hóa dân gian chứa đựng những giá trị văn hóa đạo đức truyền thống của dân tộc. Tín ngưỡng thờ THL là một hình thức tín ngưỡng dân gian mang đậm dấu ấn làng xã. THL có nguồn gốc nhiên thần hoặc nhân thần là những vị thần có công với cộng đồng làng, được thờ cúng ở các không gian thiêng của làng như: đình, miếu, chùa. Đối tượng thờ cúng trong tín ngưỡng thờ THL khá phong phú, có thể là phúc thần, song cũng có trường hợp là tà thần, là các vị thần là các hiện tượng tự nhiên được nhân hóa như: Sơn thần, Thủy thần, những nhân vật có thật trong lịch sử: Hai Bà Trưng, Lý Bí, Trần Hưng Đạo, ... Những vị thần mang tính hư ảo trong truyền thuyết có công giúp dân trong cuộc đấu tranh chống thiên tai như Tản Viên Sơn thần; hoặc những người có công lập làng, lập ấp, truyền nghề, dạy nhân dân trồng trọt chăn nuôi như các vị Tổ nghề gốm, đúc đồng,...

Theo Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo thì “hoạt động tín ngưỡng là hoạt động tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần thánh, biểu tượng có tính chất truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội” [10, tr. 8].

Như vậy, tín ngưỡng thờ THL là hình thức tín ngưỡng dân gian, thờ cúng thần bản mệnh

của cộng đồng làng. Tín ngưỡng thờ THL có lịch sử hình thành từ rất sớm, tồn tại phổ biến ở làng xã Việt Nam. Các làng xã ở vùng đồng bằng Bắc bộ, hầu hết đều thờ hai loại Thành hoàng. Vị Thành hoàng thứ nhất là biểu tượng cho sức mạnh tự nhiên (Nhiên thần), còn vị Thành hoàng thứ hai là một nhân vật trong lịch sử hoặc người có công với làng xã (Nhân thần). Tuy nhiên, THL không phải ở bất cứ nơi nào của các miền quê đều có. Trong *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam*, Toan Ánh cho biết: “Nhiều làng hoặc vì lý do này, lý do khác không có Thành hoàng. Có những làng trước đây cũng đã có thần, nhưng theo sự tin tưởng, thần này đã được dời đi cai quản nơi khác, hoặc được đem lên dự vào hàng Thiên thần. Lại có nhiều thần bị phế truất, có thể do một đạo sắc của Nhà vua, có thể do một vị Ác thần khác đánh bại đi, rồi sau dân làng cầu khẩn các vị Thượng đẳng thần khác tới trị vị Ác thần, vị Ác thần phải bỏ đi, mà vị thần cũ chưa triệu trở lại được. Cũng có những làng mới lập, nên chưa có thần” [1, tr. 133-134].

Tín ngưỡng thờ THL mang đậm yếu tố tâm linh. Nguyễn Duy Hinh nhận định rằng phần lớn các câu chuyện về Thành Hoàng làng chủ yếu là truyền thuyết. Theo thời gian, những truyền thuyết này được các địa phương hóa và biến thành các văn bản chính thức được Nhà nước công nhận, dẫn đến sự xuất hiện của Thần tích, Thần phủ, và Sắc phong.

Các nghi thức thờ cúng THL được tổ chức trang trọng, kết hợp giữa yếu tố tâm linh và văn hóa truyền thống. Việc thờ cúng Thành Hoàng thường diễn ra vào các dịp sau: lễ Kỳ Yên (lễ Cầu An) diễn ra đầu năm hoặc giữa năm, nhằm cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân làng yên ổn; lễ Tế THL trong ngày giỗ hoặc ngày hóa của Ngài, thường là ngày chính trong hội làng; lễ Tạ ơn được tổ chức vào cuối năm để tri ân thần linh đã phù hộ dân làng trong suốt năm qua; lễ Cầu Đào để cầu mưa, giải hạn khi xảy ra thiên tai, mất mùa, dịch bệnh.

Nghi lễ thờ cúng THL thường tuân theo trình tự: Khâu chuẩn bị gồm lễ vật xôi, gà, rượu, trâu cau, bánh chưng, bánh dày, hương,

hoa và mâm ngũ quả. Một số nơi có thêm lễ mặn như lợn quay, thủ lợn. Trang phục các chức sắc, bô lão trong làng mặc áo dài khăn đóng khi thực hiện nghi lễ. Bước thứ hai *tiến hành nghi lễ gồm*: lễ Mộc Dục (Lễ Tắm tượng) thường diễn ra trước ngày chính lễ, mang ý nghĩa thanh tẩy không gian thờ cúng; lễ Cáo Yết (Lễ Khai lễ) được thực hiện trước lễ chính để báo cáo với thần linh về việc tổ chức tế lễ; lễ Chính Tế đây là phần quan trọng nhất, gồm dâng hương, rượu và đồ cúng, khi đó người chủ tế (thường là vị cao niên đức độ trong làng) đọc văn tế, ca ngợi công đức của Thành Hoàng, cầu nguyện cho dân làng bình an. Các nghi thức múa dâng lễ, đánh trống, chiêng tạo không khí trang nghiêm. *Cuối cùng lễ Tạ* nhằm kết thúc lễ Chính Tế, mang ý nghĩa tạ ơn thần linh. *Về phần hội thường diễn ra sau phần lễ* là phần hội với các trò chơi dân gian, hát chèo, tuồng, múa lân, đấu vật... góp phần tạo nên không khí sôi nổi và gắn kết cộng đồng.

*Nghi thức rước sắc phong - biểu tượng cho sự công nhận của triều đình về công lao của vị thần với đất nước.* Một ví dụ điển hình về lễ hội ở các đình làng mở đầu bằng nghi thức rước sắc phong là lễ hội đình làng Thổ Hà ở Bắc Giang. Lễ hội đình Thổ Hà thường được diễn ra từ ngày 20 đến 22 tháng Giêng âm lịch. Nhân vật được thờ là Đào Trí Tiết, một vị tướng có công giúp vua Lý Nam Đế đánh giặc Lương và được triều đình phong làm THL. Nghi lễ rước sắc phong (tấm văn thư của triều đình ban phong danh hiệu cho THL - được đặt trong khám thờ sơn son thếp vàng, được rước từ nhà vị thủ từ về đình làng trong không khí long trọng) là nghi thức mở đầu lễ hội, thể hiện sự trang trọng và thiêng liêng. Đoàn rước bao gồm đội cờ, đội trống chiêng mở đường; đội múa lân, múa rồng tạo không khí tưng bừng và các bô lão mặc áo dài, đội khăn xếp khiêng khám thờ sắc phong. Người dân làng mặc lễ phục, tay cầm hương hoa theo sau đoàn rước [9]. Ngoài đình Thổ Hà, nhiều đình làng khác như đình So (Hà Nội), đình Làng Mộ Trạch (Hải Dương), đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội) cũng có nghi thức rước sắc phong trang trọng

trong các lễ hội truyền thống. Đây là nghi lễ giàu giá trị văn hóa, minh chứng cho sự ghi nhận của triều đình đối với công lao của vị thần được thờ và đồng thời phản ánh rõ nét về tầm quan trọng của các vị Thành Hoàng trong đời sống văn hóa tâm linh và giáo dục người dân tinh thần yêu nước, khuyến khích họ noi gương trung nghĩa, tận tụy với quê hương, đất nước.

Tín ngưỡng thờ THL mang đậm dấu ấn của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, tồn tại song hành cùng tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, thờ Anh hùng dân tộc, ... góp phần tạo nên bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

## 2.2 Một số giá trị đạo đức cơ bản trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng

Tín ngưỡng thờ THL của người Việt, về thực chất là tín ngưỡng thờ phúc thần, tín ngưỡng thờ người có công, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; tinh thần yêu nước; ý thức đoàn kết cộng đồng.

### 2.2.1 Đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”

*Thờ Thành Hoàng là hình thức gìn giữ kỷ ức lịch sử của cộng đồng, giúp thế hệ sau hiểu được công lao của những người có công với cộng đồng làng, nước.* Qua đó, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” được hun đúc và truyền lại.

Các vị Thành Hoàng thường là những người có công khai hoang lập ấp, mở làng, bảo vệ dân làng trước thiên tai, giặc giã. Việc thờ cúng THL tại đình làng là minh chứng rõ ràng nhất cho tinh thần tri ân công lao của tiền nhân. Nhiều làng quê ở Bắc bộ thờ các vị có công với nước như: Hai Bà Trưng, Lý Bí, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo,... Bà Chúa Kho được thờ tại Bắc Ninh vì có công trông coi kho lương trong cuộc kháng chiến chống Tống. Theo truyền thuyết và tư liệu dân gian, Bà Chúa Kho sống vào thời Lý (thế kỷ XI) là người phụ nữ đảm đang, tháo vát, có công khai hoang lập ấp, tổ chức sản xuất, tích trữ lương thực, giúp triều đình ổn định hậu phương trong thời kỳ chống quân Tống xâm lược (1076). Để tưởng nhớ

công lao to lớn của bà, người dân đã lập đền thờ tôn vinh bà là “Bà Chúa Kho” - được thờ tự ở thành phố Bắc Ninh ngày nay. Dân gian quan niệm Bà Chúa Kho không chỉ là người giữ kho lương thực mà còn là vị thần linh có thể phù hộ việc làm ăn, buôn bán phát đạt. Do đó, người dân, nhất là giới kinh doanh, thương nhân thường đến đền dâng lễ để “vay vốn”, “xin lộc” vào dịp đầu năm, rồi cuối năm sẽ làm lễ “trả nợ” như một cách thể hiện lòng thành kính, biết ơn. Người dân vùng đồng bằng Bắc bộ xưa, không chỉ sản xuất nông nghiệp mà còn làm nghề thủ công. Nghề thủ công tuy chỉ là “nghề phụ” song góp phần làm cho cuộc sống ổn định hơn. Nhiều thợ thủ công chuyển đến vùng thị thành sinh sống, hình thành phường hội thủ công. Họ mang ơn và thờ phụng Tổ nghề. Nhiều Tổ nghề trở thành Thành Hoàng của cư dân làng nghề thủ công ở cả nông thôn và thị thành. Vì thế, hiện tượng thờ Thành Hoàng có nguồn gốc là Tổ nghề khá phổ biến và còn tồn tại đến nay. Cư dân làng Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội thờ Tổ nghề gốm là Hứa Vĩnh Kiều. Trong đình, ngoài vị Tổ chung của cả làng còn có bài vị của chín cụ Tổ của chín họ cũng được phối thờ. Ở thôn Nghi Tàm, quận Tây Hồ ngày nay, Bà Quỳnh Hoa thời vua Lê Thánh Tông, do có tài năng dạy cung nữ các nghề chần tằm dệt vải được dân tôn là Thành Hoàng. Ông Nguyễn Công, có công truyền dạy nghề đúc đồng được tôn làm Thành Hoàng ở làng Đại Bái, huyện Gia Bình, Bắc Ninh. Ở đình phố Lò Rèn, Hà Nội thờ Tổ nghề rèn; đình Bích Lưu ở 18 Thợ Nhuộm thờ Tổ nghề thợ nhuộm; đình làng Đồng Xâm, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thờ Tổ nghề chạm bạc Nguyễn Kim Lâu, ...

*Đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam không chỉ là một trạng thái tâm lý, mà còn là tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Việt Nam. Để tồn tại và phát triển, cư dân làng luôn thể hiện lòng biết ơn đối với vị thần bản mệnh của cộng đồng là Thần Thành Hoàng. Có được cuộc sống bình an, hạnh phúc người dân cho rằng, ngoài sự cố gắng nỗ lực còn là sự chở che, phù giúp của*

THL. Ý thức biết ơn được hình thành và ngày càng phát triển, được nâng lên thành đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”. Đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” được kết tinh từ cách ứng xử văn hóa đạo đức, trở thành triết lý sống của người Việt Nam như một lời nhắc nhở về những giá trị từ quá khứ, là niềm tự hào của dân tộc hướng đến những giá trị nhân văn cao cả. Đây cũng là một giá trị đạo đức được thể hiện rõ nét nhất đã và sẽ tồn tại và phát triển cùng với lịch sử dân tộc; là giá trị vĩnh hằng, cùng với sự trường tồn của dân tộc, là động lực cho sự phát triển trong xã hội hiện đại.

### 2.2.2 Tinh thần yêu nước

*Thành hoàng làng thường là những người có công với cộng đồng làng, với nước. Việc thờ cúng THL góp phần củng cố và phát triển tinh thần yêu nước trong cộng đồng. Tinh thần yêu nước được thể hiện qua việc tôn vinh các vị có công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc.*

Thánh Tản Viên là một trong bốn vị thần trong tín ngưỡng Tứ bất tử của người Việt, là Thần Thành Hoàng của nhiều làng xã vùng trung du và đồng bằng bắc bộ. Ngài được thờ chính tại Đền Hùng, Phú Thọ, đền Và ở Sơn Tây và nhiều đền, đình tại vùng núi Ba Vì, Hà Nội. Ngài là vị thần biểu trưng cho sức mạnh chống thiên tai của con người, có công lao giúp dân trị thủy, ngăn lũ lụt, khai hoang mở rộng đất đai, giúp cuộc sống của cư dân vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ từ thuở khai nước. Theo nghiên cứu của Ban Tôn giáo Chính phủ thì “hiện trên địa bàn huyện Ba Vì có 300 di tích, thì trong đó có trên 100 di tích thờ Đức Thánh Tản Viên với rất nhiều di tích được xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt, di tích Quốc gia và cấp thành phố. Điều đó phần nào khẳng định công trạng to lớn của Ngài đối với nhân dân, đất nước. Ngài không chỉ là Vị Thành hoàng bảo trợ cho làng xã mà còn được nhân dân suy tôn là Đệ Nhất Phúc Thần, Thượng đẳng tối linh thần và là vị Anh hùng dân tộc, anh hùng khai điền trị thủy, anh hùng khai sáng văn hoá của dân tộc ta từ thuở dựng nước. Với giá trị di sản văn hóa to lớn đó, ngày 30/01/2018,

Tục thờ Tản Viên Sơn Thánh đã được Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 266/QĐ-BVHTTDL” [2].

Hai Bà Trưng có công phát cờ khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của nhà Đông Hán giành lại quyền độc lập tự chủ của dân tộc. Hai Bà được tôn làm THL ở nhiều nơi như Mê Linh (nơi Hai Bà phát cờ khởi nghĩa), Hát Môn (nơi Hai Bà chiến đấu và tự vẫn vì không chịu rơi vào tay giặc), ... Trong đền thờ Hai Bà Trưng thường tượng Hai Bà Trưng uy nghi trong bộ giáp trụ, cưỡi voi chiến, khắc họa khí thế hào hùng của cuộc khởi nghĩa. Các bức hoành phi, câu đối đều ca ngợi tinh thần yêu nước, đức hy sinh và tinh thần quật khởi của Hai Bà. Đền thờ Hai Bà Trưng không chỉ là nơi tôn vinh công đức của Hai Bà mà còn là biểu tượng cho tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường và khát vọng độc lập của dân tộc Việt Nam. Nhân dân thờ cúng không chỉ để tri ân công đức Hai Bà mà còn cầu mong quốc thái dân an, gia đình hạnh phúc, mùa màng bội thu đồng thời còn góp phần tôn vinh vai trò quan trọng của người phụ nữ trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Nghi lễ tái hiện công lao Hai Bà Trưng thường được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch. Địa điểm chính diễn ra tại các đền thờ Hai Bà Trưng như: đền Hát Môn (huyện Phúc Thọ, Hà Nội) -Nơi Hai Bà phát cờ khởi nghĩa, đền Đồng Nhân (quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) -Nơi tưởng niệm sự hy sinh của Hai Bà và đền Mê Linh (huyện Mê Linh, Hà Nội) - Quê hương của Hai Bà.

Phần nghi lễ được thực hiện trang trọng với lễ dâng hương, dâng lễ vật gồm trầu cau, rượu, xôi, gà... để bày tỏ lòng biết ơn công đức của Hai Bà. Phần rước kiệu là nghi thức quan trọng nhất, tái hiện hình ảnh Hai Bà Trưng trong trang phục áo giáp đỏ, cưỡi voi chiến, dẫn đầu đoàn quân khởi nghĩa. Đám rước thường dài hàng trăm người với trang phục cổ trang, cờ quạt, lọng vàng rực rỡ. Cuối cùng là nghi thức đọc văn tế, khi đó người chủ tế đọc bài văn tế ca ngợi công lao Hai Bà Trưng, khẳng định

tinh thần quật khởi chống giặc ngoại xâm, bảo vệ giang sơn bờ cõi. Phần hội sôi nổi với các hoạt động tái hiện lại cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, bao gồm diễn xướng lịch sử với các màn múa võ, đánh trận giả tái hiện cảnh Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, kéo quân về giải phóng thành Luy Lâu, tạo không khí hào hùng. Bên cạnh đó còn có các trò chơi dân gian như đấu vật, cờ tướng, kéo co... tạo nên không khí lễ hội vui tươi, sôi nổi. Lễ hội trong tín ngưỡng thờ cúng Hai Bà Trưng góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh kiên cường chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

Một trong những vị anh hùng dân tộc được nhân dân suy tôn thành Thánh Cha của dân tộc là Trần Hưng Đạo. Đền thờ Đức Thánh Trần cùng với gia quyến và tướng lĩnh của ông được nhân dân lập lên ở khắp nơi, thể hiện lòng biết ơn của người dân đối với công lao lãnh đạo quân dân Đại Việt chiến đấu thắng lợi chống quân Nguyên Mông. Đền thờ Ông được lập lên ở nhiều nơi như: đền Kiếp Bạc ở Chí Linh, Hải Dương, đền Cố Trạch (Đền Trần) và Đền Bảo Lộc, ở Thiên Trường, Nam Định, đền Trần ở Hưng Hà, đền A Sào ở Quỳnh Phụ, Thái Bình, đền Trần Thương ở Lý Nhân, Hà Nam, ... Ngày 20/8 âm lịch hàng năm là ngày “giỗ Cha” của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Việc thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng thờ các vị thần được cấp sắc phong làm THL là minh chứng cho sự ghi nhận của Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với công lao của vị thần Thành Hoàng, đồng thời là sự phản ánh rõ nét tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam.

*2.2.3 Đề cao tinh thần đoàn kết cộng đồng Đình làng, nơi thờ các vị Thành Hoàng trở thành trung tâm cố kết cộng đồng.* Đình làng không chỉ là trụ sở hành chính của làng thời phong kiến mà còn là trung tâm văn hóa tín ngưỡng. Hàng năm, lễ hội làng thường được tổ chức ở đình làng. Nghi thức thờ cúng đình làng được diễn ra thu hút đông đảo cư dân làng. Họ đều có điểm tựa tâm linh là THL.

Vừa là chủ thể, vừa là người thụ hưởng sản phẩm tinh thần do mình sáng tạo ra, cư dân làng, khôn gphaan biệt giàu nghèo, giới tính, tuổi tác, thành phần đều đoàn kết, phấn khởi, hồ hởi tham gia Hội làng, mà tín ngưỡng thờ Thành Hoàng là hạt nhân.

Đình Tây Đằng (huyện Ba Vì, Hà Nội) thờ Tản Viên Sơn Thánh, vị thần đứng đầu trong tín ngưỡng Tứ bất tử của người Việt, được người dân tôn là Đệ nhất phúc thần. Lễ hội đình Tây Đằng được tổ chức vào tháng Giêng hằng năm, thu hút đông đảo người dân trong vùng đến cầu phúc, cầu lộc. Đình làng là nơi tổ chức các cuộc họp quan trọng của các bộ lão, chức sắc và dân làng để bàn bạc về các vấn đề như chia ruộng đất, tổ chức sản xuất, xây dựng công trình chung, ... Các điều trong hương ước của làng cũng thường được công bố tại đình, đảm bảo mọi người đều nắm rõ và thực hiện.

Đình Làng Mông Phụ (xã Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội) không chỉ là nơi thờ Thành Hoàng mà còn là nơi họp làng, phân xử các vấn đề tranh chấp, tổ chức các hoạt động cộng đồng. Đình làng là không gian để tổ chức lễ hội, các sự kiện văn hóa - nơi mọi người cùng chung tay chuẩn bị, tham gia các hoạt động tín ngưỡng và vui chơi. Trong lễ hội, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn - mọi người đều đồng lòng hướng về vị thần chung của làng. Như vậy, các hoạt động văn hóa - xã hội tại đình làng góp phần gìn giữ, bồi đắp và phát triển tinh thần đoàn kết cộng đồng làng, nước.

*Tinh thần đoàn kết trong tín ngưỡng thờ THL còn được thể hiện ở sự tham gia, sự phối hợp nhịp nhàng của cả cộng đồng trong lễ hội làng. Để tổ chức Hội làng, toàn thể dân làng đều tham gia, từ việc chuẩn bị lễ vật, trang trí đình làng đến tổ chức các nghi lễ. Lễ hội đình Đại Phùng - Hà Nội được chức vào ngày mùng 8 tháng Giêng âm lịch hằng năm. Đình thờ Đô Hồ Đại Vương Phạm Tu có công lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nghi lễ rước kiệu là điểm nhấn quan trọng nhất của lễ hội, thể hiện tinh thần đoàn kết của cộng đồng. Quá trình chuẩn bị và thực hiện*

*nghi thức rước kiệu được tổ chức công phu với sự tham gia của đông đảo dân làng: các bộ lão trong làng (thường là những người cao tuổi, có uy tín) đảm nhận vai trò chủ tế, dẫn đầu đoàn rước, mặc áo dài truyền thống, đội khăn xếp, cầm gậy lệnh, đi trước kiệu để thực hiện các nghi lễ cúng bái. Thanh niên trai tráng đảm nhiệm vai trò khiêng kiệu. Đội khiêng kiệu gồm các chàng trai khỏe mạnh, được tuyển chọn kỹ càng, mặc đồng phục lễ hội, vừa rước kiệu vừa thực hiện các động tác múa kiệu nhịp nhàng, tạo nên không khí sôi động và trang nghiêm. Phụ nữ trong làng đóng vai trò chuẩn bị lễ vật như trâu cau, rượu, bánh chưng, bánh dày... đảm bảo mọi vật phẩm đều được sắp xếp chu đáo, đẹp mắt. Các em thiếu niên, nhi đồng tham gia đội múa lân, múa rồng hoặc cầm cờ, tạo thành hàng dài dọc theo đoàn rước kiệu, mang lại bầu không khí tưng bừng, rộn ràng. Còn lại toàn bộ người dân trong làng vừa đi theo đoàn rước vừa thắp hương, dâng lễ và cầu nguyện, tạo nên hình ảnh đoàn kết, cùng chung lòng hướng về vị Thành Hoàng của làng. Lễ hội làng là minh chứng sống động cho tinh thần đoàn kết, đồng lòng của cộng đồng làng xã Việt Nam, góp phần duy trì và phát huy giá trị văn hóa truyền thống qua nhiều thế hệ.*

*Tinh thần đoàn kết trong tín ngưỡng thờ THL thể hiện ở sự đóng góp của cư dân làng về vật chất, công sức và tinh thần trong việc tu bổ, gìn giữ, phát huy các giá trị vật thể và phi vật thể của tín ngưỡng thờ THL. Theo Trung tâm VHTTTT&DL thành phố Thanh Hóa thì “UBND xã Hoàng Quang đã huy động được gần 2,5 tỷ đồng từ nhân dân trong và ngoài xã để trùng tu đình làng Vĩnh Trị - Di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh. Thành công này là kinh nghiệm hay để các địa phương khác tham khảo, bảo tồn những ngôi đình cổ” [14]. Sở VH&TT thành phố Hồ Chí Minh tổ chức buổi tọa đàm về bảo tồn và phát huy các giá trị của đình làng tại thành phố Hồ Chí Minh. Buổi tọa đàm khẳng định: “Đề cao vai trò của cộng đồng dân cư và xác định đây là trách nhiệm của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị; công tác bảo tồn không nên là công việc riêng*

của các nhà chuyên môn mà cần có sự tham gia của cộng đồng. Việc tham gia của cộng đồng trong việc bảo tồn và gìn giữ di sản cần được khẳng định là điều kiện tiên quyết. Đưa đình làng hòa nhập vào đời sống văn hóa tinh thần của người dân, ưu tiên tổ chức các hoạt động mang tính cố kết cộng đồng nhằm nâng cao giá trị đình làng vừa góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di tích” [3]. Như vậy, người dân cùng nhau đóng góp vật chất, công sức và

tinh thần để gìn giữ di sản không chỉ thể hiện lòng tôn kính đối với Thành Hoàng mà còn khẳng định tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Qua đó, người dân địa phương đã chung tay gìn giữ ngôi đình không chỉ như một công trình kiến trúc mà còn là biểu tượng của lòng tự hào quê hương và bản sắc văn hóa dân tộc.

### 3. Kết luận

Tín ngưỡng thờ THL hình thành từ lâu đời, tồn tại phổ biến ở các làng xã, là niềm tin tưởng, sự ngưỡng mộ, sùng bái những vị thần có công với cộng đồng làng, nước trong lịch sử dựng và giữ nước, chứa đựng những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, có không ít cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống, quay lưng lại với những giá trị

đạo đức truyền thống. Việc nghiên cứu, chỉ ra những giá trị đạo đức truyền thống cơ bản trong tín ngưỡng thờ THL, góp phần khẳng định lại quan điểm của Đảng có văn hóa ngang hàng với kinh tế, văn hóa là nguồn lực cho sự phát triển bền vững của dân tộc Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển bền vững./.

### ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Toan Ánh (1992): *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam (Quyển Thượng)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.133-134.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ: “*Tín ngưỡng thờ Tân Viên Sơn Thánh ở Ba Vì*”, Số ra ngày 18/05/2021, tại trang <https://btgcp.gov.vn/>.
3. Báo tàng TP Hồ Chí Minh (2021): “*Bảo tồn và phát huy giá trị đình làng ở Thành phố Hồ Chí Minh*”, Tại trang <https://svhtt.hochiminhcity.gov.vn/>, Số ra ngày 24/11/2021.
4. Trần Lâm Bền (2017): *Đình làng Việt*, NXB Hồng Đức, Thanh Hoá.
5. Võ Thanh Bằng (2009): *Tín ngưỡng dân gian ở thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Tr.11.
6. Mai Thanh Hải và các cộng sự (sưu tầm và nghiên cứu (2002): *Từ điển Tôn giáo*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, Tr.634.
7. Nguyễn Duy Hình (1996): *Các Thành hoàng làng Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Hình (1996): *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
9. Việt Hưng (2025): “*Đặc sắc lễ hội Thổ Hà*”, Tại trang <https://baobacgiang.vn/>, Số ra ngày 20/02/2025.
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005): **Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo**, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr.8.
11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016): *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Vũ Thị Mận (2021): “*Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần ở Đền Kiếp Bạc, tỉnh Hải Dương*”, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 479, Tháng 11-2021.
13. Ngữ văn 10: *Tập I*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, Tr.115.
14. Trung Tâm VHTTTT&DL TP Thanh Hóa (2021): “*Kinh nghiệm từ huy động sức dân trong trùng tu, tôn tạo di tích*”, Tại trang <https://tptthanhhoa.thanhhoa.gov.vn/>, Số ra ngày 19/05/2021.

# KHOA HỌC GIÁO DỤC: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

TS. Cao Thị Sính \*

TS. Vi Văn Thảo \*\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích một số vấn đề của khoa học giáo dục như đối tượng và phương pháp nghiên cứu của khoa học giáo dục, vị trí của khoa học giáo dục trong hệ thống phân loại khoa học, các chuyên ngành của khoa học giáo dục, vai trò quan trọng của khoa học giáo dục đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục. Từ đó, bài viết nêu khái quát về thực trạng đóng góp của khoa học giáo dục đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục tại Việt Nam trong mấy năm gần đây. Bài viết cho rằng, kiến thức khoa học giáo dục trên thực tế đã góp phần quan trọng vào việc đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục ở Việt Nam, qua đó đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, các nhà quản lý giáo dục, các giảng viên và các học viên cần quan tâm hơn nữa đến những kiến thức mới của khoa học giáo dục và quan tâm nghiên cứu giảng dạy môn khoa học này cho sinh viên ngành sư phạm.

**Từ khóa:** Khoa học giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, Việt Nam.

**Nhận bài:** ngày 3/4/2025; đưa vào quy trình biên tập 3/4/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của mỗi quốc gia, nhất là về mặt kinh tế - xã hội. Do sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ và những biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động toàn cầu, để đáp ứng nhu cầu của xã hội, các cơ sở giáo dục cần phải đổi mới chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Đổi mới chương trình đào tạo là cần thiết, nhưng đổi mới như thế nào là vấn đề phức tạp. Để có câu trả lời đúng đắn về vấn đề phức tạp này, chúng ta cần phải có kiến thức từ nhiều khoa học, trong đó kiến thức của khoa học giáo dục có ý nghĩa quan trọng. Khoa học giáo dục nghiên cứu quá trình dạy của giảng viên và quá trình học của sinh viên, học viên; trực tiếp cung cấp cho các nhà quản lý giáo dục, giảng viên, sinh viên, học viên những kiến thức cần thiết về giáo dục. Kiến thức của khoa học giáo dục giúp các cơ sở giáo dục xây dựng, cải tiến và triển khai chương trình đào tạo và áp dụng các phương

pháp giảng dạy một cách hiệu quả nhằm đáp ứng những yêu cầu thay đổi của thời đại, nhất là yêu cầu về thị trường lao động với nguồn nhân lực tri thức chất lượng cao. Kiến thức của khoa học giáo dục không chỉ giúp các trường đại học mà còn giúp cho sinh viên, học viên phát triển năng lực tư duy, kỹ năng mềm, kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Phần cốt lõi của khoa học giáo dục là triết học giáo dục. Ở Việt Nam kết quả nghiên cứu và giảng dạy khoa học giáo dục nói chung và triết học giáo dục nói riêng đã tác động tích cực đến việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, cách quản lý giáo dục trong nhiều cơ sở giáo dục. Về điều này có tác giả viết: “Nghiên cứu khoa học giáo dục đã đóng vai trò góp ý, phản biện và định hình chính sách, dự báo xu thế phát triển của giáo dục trong tương lai, giới thiệu và kiểm chứng các mô hình, phương pháp, và lý thuyết mới trong khoa học giáo dục, đồng thời đóng vai trò kết nối hệ thống giáo dục Việt Nam với quốc tế” [22, tr. 1]. Tuy nhiên,

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

\*\* Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

một số vấn đề của khoa học giáo dục còn có những kiến giải khác nhau; khoa học giáo dục nói chung và triết học giáo dục nói riêng vẫn chưa được nhiều nhà quản lý giáo dục, giảng viên, sinh viên, học viên thật sự quan tâm. Bài viết này sẽ góp thêm một số ý kiến về các vấn đề lý luận và thực tiễn của khoa học giáo dục.

## 2. Định nghĩa về khoa học giáo dục

Trên thế giới có nhiều định nghĩa khác nhau về khoa học giáo dục. Một trong những nhà giáo dục học nổi tiếng là John Dewey (1859 - 1952, người Mỹ) đã sử dụng thuật ngữ “Science of education” để chỉ khối kiến thức vừa như một khoa học vừa như một nghệ thuật, đồng thời cho rằng giáo dục cần được nghiên cứu một cách có hệ thống, linh hoạt và sáng tạo trong thực hành.

Trong tiếng Pháp, thuật ngữ “Sciences de l'éducation” bắt đầu được sử dụng rộng rãi trong những thập kỷ gần đây với nghĩa là khoa học về giáo dục. Trong tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha cũng có thuật ngữ tương tự với nghĩa là khoa học về giáo dục. Trong tiếng Đức và Ý, thuật ngữ khoa học giáo dục ít được sử dụng [17, tr. 1].

Ở Việt Nam thuật ngữ khoa học giáo dục hay giáo dục học được sử dụng rộng rãi. Sau đây là một số định nghĩa cơ bản về khoa học giáo dục.

Phạm Minh Hạc (1981) viết: “Khoa học giáo dục là một hệ thống các bộ môn khoa học, có đối tượng nghiên cứu chung là quá trình giáo dục” [9, tr. 55]. Ở luận điểm này tác giả tiếp cận khái niệm khoa học giáo dục từ quá trình giáo dục.

Trần Khánh Đức (2010) viết: “Khoa học giáo dục là một lĩnh vực khoa học chuyên ngành nghiên cứu các sự vật, hiện tượng, các vấn đề, các quá trình giáo dục nhằm tìm hiểu các đặc tính, các mối quan hệ, phát hiện các quy luật của các quá trình, hoạt động giáo dục (trong và ngoài nhà trường)” [6, tr. 17]. Ở luận điểm này tác giả tiếp cận khái niệm khoa học giáo dục từ góc độ hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục.

Võ Thị Ngọc Lan và Nguyễn Văn Tuấn (2012) viết: “Khoa học giáo dục là ngành khoa học xã hội nghiên cứu bản chất và các quan hệ có tính quy luật của quá trình hình thành con người như một nhân cách, một bộ phận của hệ thống các khoa học nghiên cứu về con người, bao gồm: giáo dục học, tâm lý học sư phạm, lý luận dạy học, phương pháp giảng dạy bộ môn” [16, tr. 8-9]. Ở luận điểm này tác giả tiếp cận khái niệm khoa học giáo dục từ góc độ hình thành và phát triển của con người.

Đào Thị Oanh (2017) viết: “Khoa học giáo dục được xem là lĩnh vực các “khoa học mềm” bởi các hiện tượng giáo dục luôn vận động, phát triển và chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau khiến nhà nghiên cứu khó có thể đánh giá một cách tuyệt đối chính xác và khách quan về hiện tượng nghiên cứu thông qua phương pháp định lượng như đối với các hiện tượng tự nhiên” [19, tr. 37]. Ở luận điểm này tác giả tiếp cận khái niệm khoa học giáo dục từ góc độ đánh giá kết quả giáo dục.

Nhóm tác giả Nguyễn Đức Minh cho rằng, khoa học giáo dục nghiên cứu “bản chất, quy luật, khuynh hướng diễn biến của những sự vật, hiện tượng và quan hệ chưa biết hoặc chưa được nhận thức đầy đủ về mặt khoa học trong hiện thực giáo dục và trong đời sống xã hội cũng như sự tương tác của giáo dục với môi trường kinh tế - xã hội” [17, tr. 2]. Ở luận điểm này tác giả tiếp cận khái niệm khoa học giáo dục từ góc độ quan hệ của giáo dục với môi trường kinh tế - xã hội.

Các định nghĩa trên nói về khoa học giáo dục từ những cách tiếp cận khác nhau. Kế thừa yếu tố hợp lý của các định nghĩa ở trên, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa như sau về khoa học giáo dục.

Khoa học giáo dục là một lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động giáo dục nhằm phát hiện các quy luật, mối quan hệ và đặc tính của các quá trình giáo dục, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục.

Theo định nghĩa này, khoa học giáo dục là một ngành khoa học liên ngành, kết hợp

cả lý thuyết và thực tiễn, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm cả yếu tố xã hội, văn hóa và tâm lý, do đó việc nghiên cứu và đánh giá các hiện tượng giáo dục thường phức tạp và khó định lượng chính xác.

### 3. Đối tượng nghiên cứu của khoa học giáo dục

Khoa học giáo dục là khoa học nghiên cứu về giáo dục. Đó là định nghĩa chung mà mọi người đương nhiên đều thừa nhận. Tuy nhiên, chúng ta cần nói cụ thể hơn về đối tượng nghiên cứu của khoa học giáo dục, tức là cần giải thích cụ thể hơn về giáo dục.

Giáo dục là một hiện tượng xã hội xuất hiện từ khi có con người. Một nhiệm vụ của khoa học giáo dục là chỉ ra bản chất của giáo dục. Đã có nhiều ý kiến khác nhau về bản chất của giáo dục, trong đó có các ý kiến như sau:

Trần Đức Khánh (2010) viết: “Giáo dục là một lĩnh vực hoạt động xã hội rộng lớn được hình thành do nhu cầu phát triển, tiếp nối các thế hệ của đời sống xã hội thông qua quá trình truyền thụ, phát triển tri thức và kinh nghiệm xã hội của các thế hệ trước cho các thế hệ sau” [6; tr. 15].

Tác giả của cuốn sách *Từ điển Giáo dục học* viết: “Giáo dục là hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những tri thức và kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích xã hội, chuẩn bị cho đối tượng tham gia sản xuất và đời sống xã hội” [8].

Hà Thị Mai (2013) viết: “Về bản chất, giáo dục là quá trình truyền đạt và tiếp thu những kinh nghiệm lịch sử xã hội của thế hệ loài người” hoặc “về hoạt động, giáo dục là quá trình tác động đến các đối tượng giáo dục để hình thành cho họ những phẩm chất nhân cách” [18; tr. 12].

Các ý kiến trên theo chúng tôi chỉ khác nhau về cách diễn đạt, còn về thực chất có nội dung giống nhau. Theo đó, giáo dục là

quá trình truyền đạt kiến thức từ người giáo dục cho người được giáo dục, tức là từ giảng viên cho học viên, nhờ đó học viên phát triển toàn diện nhân cách của mình nhằm đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống.

### 4. Khoa học giáo dục trong hệ thống phân loại khoa học

Theo John Dewey, xã hội có kinh tế, chính trị, giáo dục, do đó khoa học giáo dục ngang hàng với khoa học kinh tế, khoa học chính trị [23]. Trong tài liệu *Research Review Pedagogics and Education Science*, khoa học bao gồm khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; khoa học giáo dục thuộc khoa học xã hội [20].

Phạm Minh Hạc cho rằng, khoa học giáo dục bao gồm nhiều chuyên ngành như lý luận đại cương về giáo dục, khoa học về kinh tế giáo dục, khoa học về quản lý giáo dục, và một số chuyên ngành khác; tâm lý học vừa là khoa học cơ bản vừa là một chuyên ngành của khoa học giáo dục; các chuyên ngành khoa học thuộc khoa học giáo dục là các khoa học giáo dục [9, tr. 31].

Nguyễn Lộc (2011) cho rằng, khoa học giáo dục gồm triết học giáo dục, tâm lý học giáo dục, xã hội học giáo dục, kinh tế học giáo dục, khoa học về quản lý giáo dục, sư phạm học [15].

Trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ về khoa học giáo dục hiện hành ở Việt Nam, khoa học giáo dục bao gồm nhiều chuyên ngành khác nhau tùy thuộc vào từng cơ sở đào tạo. Một số chuyên ngành phổ biến trong lĩnh vực khoa học giáo dục là: khoa học quản lý giáo dục, giáo dục học (lý luận dạy học và phương pháp dạy học), tâm lý học giáo dục, khoa học về công nghệ giáo dục, khoa học về giáo dục học đặc biệt, khoa học về giáo dục mầm non,... Mỗi chuyên ngành này có những hướng nghiên cứu cụ thể khác nhau.

Qua đó, có thể thấy, đến nay các ý kiến hầu như đã thống nhất về vị trí của khoa học giáo dục trong hệ thống phân loại khoa học và các chuyên ngành của khoa học giáo dục. Vì thế, chúng tôi không thể đồng ý với nhóm tác giả

Nguyễn Đức Minh, khi họ viết: “Trong các phân loại khoa học nói chung, hầu như chưa tìm được vị trí của Educational Science - khoa học giáo dục” [17, tr. 2].

Tuy nhiên, sự phân chia khoa học giáo dục thành các chuyên ngành (như khoa học quản lý giáo dục, tâm lý học giáo dục, khoa học về giáo dục đặc biệt, và một số chuyên ngành khác) không chỉ phản ánh thực tiễn giáo dục mà còn đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo; đồng thời, cho phép các nhà nghiên cứu và giảng viên đóng góp tích cực vào sự tiến bộ của khoa học giáo dục trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

## 5. Phương pháp nghiên cứu của khoa học giáo dục

Phương pháp nghiên cứu của khoa học giáo dục là phương pháp mà các nhà khoa học sử dụng để nghiên cứu giáo dục. Bàn về phương pháp mà các nhà khoa học sử dụng để nghiên cứu giáo dục là phương pháp luận của khoa học giáo dục.

Nhà sư phạm I.A. Ilina viết: “Phương pháp luận của khoa học giáo dục không thể chỉ hạn chế trong các vấn đề logic quá trình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học giáo dục, mà phải thực hiện cả hai chức năng của nó là chức năng thế giới quan (quyết định cách tiếp cận tổng quát các vấn đề hiện thực) và chức năng phương pháp luận theo nghĩa hẹp (hướng vào quá trình hiện thực)” [10].

Như vậy, về thực chất nói đến phương pháp luận của khoa học giáo dục là nói về các phương pháp mà các nhà khoa học sử dụng để nghiên cứu giáo dục, tức là nói về các phương pháp nghiên cứu của khoa học giáo dục.

Để nghiên cứu giáo dục các nhà khoa học thường sử dụng các phương pháp chung của các khoa học xã hội vì khoa học giáo dục là một trong các khoa học xã hội. Đó là các phương pháp như: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, đi từ trừu tượng đến cụ thể, thống nhất lịch sử - logic, thống kê, định tính, định lượng, và các phương pháp khác.

Nói cụ thể hơn, trong thực tế nghiên cứu của các nhà khoa học giáo dục, các nhà khoa học chủ yếu sử dụng 3 nhóm phương pháp nghiên cứu chính là: các phương pháp nghiên cứu lý thuyết, các phương pháp nghiên cứu thực tiễn, các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.

Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết về giáo dục chú trọng phân tích và tổng hợp các lý thuyết khác nhau để xây dựng hoặc củng cố một lý thuyết được thừa nhận. Các phương pháp này thường được sử dụng để tạo nền tảng cho các nghiên cứu ứng dụng.

Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn chú trọng khảo sát và đánh giá các hiện tượng giáo dục trong thực tế thông qua các hoạt động như phỏng vấn, quan sát, khảo sát trực tiếp. Các phương pháp này giúp cho nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về thực trạng giáo dục và các vấn đề đang tồn tại trong hoạt động giáo dục.

Các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm chú trọng kiểm tra giả thuyết, đo lường tác động và so sánh giữa các nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Các phương pháp này rất cần thiết trong việc đánh giá hiệu quả của các chương trình giáo dục, các phương pháp giảng dạy, các công cụ giáo dục mới.

## 6. Vai trò của khoa học giáo dục đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục

Khoa học giáo dục có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục. Sở dĩ như vậy là vì nhiệm vụ của khoa học này là nghiên cứu quá trình giáo dục, từ đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần xây dựng nguồn nhân lực tri thức chất lượng cao cho xã hội.

Kiến thức của khoa học giáo dục không chỉ giúp cho giáo viên hoàn thiện phương pháp giảng dạy, mà còn giúp cho những nhà quản lý giáo dục có định hướng phát triển đúng đắn cho hệ thống giáo dục, định hướng quá trình cải cách và đổi mới phương pháp dạy học ở các cơ sở giáo dục.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ ngày càng thay đổi nhanh chóng, kiến thức

của khoa học giáo dục càng quan trọng vì giúp cho các trường đại học thích nghi và đổi mới liên tục về nội dung và phương pháp giáo dục [21]. Nói cụ thể hơn, sở dĩ khoa học giáo dục có các vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục là vì các lý do như sau:

*Thứ nhất*, kiến thức của khoa học giáo dục giúp cho giảng viên xác định đúng những phương pháp giảng dạy hiệu quả, tối ưu hóa quá trình học tập của sinh viên, học viên, giúp cho người học lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp và phương pháp giáo dục tốt nhất, phát triển tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, những kỹ năng cần thiết để làm việc trong xã hội hiện đại [14]. Ví dụ, ở Đại học Harvard (Mỹ), các công trình nghiên cứu về khoa học giáo dục được áp dụng vào việc phát triển các phương pháp dạy học dựa trên dữ liệu, qua đó giúp cho giảng viên và sinh viên, học viên tương tác hiệu quả hơn; nhiều khóa học trực tuyến về khoa học giáo dục được tổ chức, các khóa học này giúp cho giảng viên và sinh viên, học viên áp dụng các công cụ công nghệ mới vào giảng dạy và học tập, giúp cho hàng triệu người trên thế giới tiếp cận với phương pháp giáo dục mới.

*Thứ hai*, kiến thức của khoa học giáo dục là động lực thúc đẩy sự đổi mới trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Ví dụ, một nội dung các công trình nghiên cứu về khoa học giáo dục là nghiên cứu và thử nghiệm các phương pháp giáo dục mới. Kết quả nghiên cứu của các công trình ấy giúp cho các trường đại học có thể cải tiến mô hình giảng dạy, thiết kế lại chương trình học để phù hợp với nhu cầu thay đổi của xã hội và nền kinh tế. Các mô hình giáo dục mới (như mô hình học trực tuyến, mô hình học kết hợp, mô hình học theo dự án, mô hình lớp học đảo ngược) là những sản phẩm của sự đổi mới giáo dục, những sản phẩm này có được dựa trên thành quả nghiên cứu của khoa học giáo dục [1]. Trong các mô hình ấy, mô hình lớp học đảo ngược đã giúp cho sinh viên, học viên phát triển hiệu quả tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, nâng cao sự tương tác

giữa giảng viên và sinh viên, học viên [4].

*Thứ ba*, kiến thức của khoa học giáo dục giúp cho các cơ sở giáo dục quốc tế hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo. Ví dụ, nhờ có kiến thức của khoa học giáo dục, cho nên nhiều trường đại học trên thế giới đã chú trọng vào các chương trình đào tạo nội địa; hợp tác với các trường đại học khác trên toàn cầu; tạo ra các chương trình học đa văn hóa; mở ra cơ hội học tập cho học viên từ nhiều quốc gia khác nhau [12]. Từ đó, học viên đã phát triển kỹ năng toàn cầu hóa như tư duy hội nhập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa. Những chương trình đào tạo đa văn hóa không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn tạo điều kiện cho học viên tiếp cận với những nền văn hóa và hệ thống giáo dục khác nhau [5].

Hiện nay trên thế giới kiến thức của khoa học giáo dục ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo và qua đó đối với việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tại Việt Nam, kiến thức của khoa học giáo dục cũng đã thể hiện vai trò quan trọng, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nhiều cơ sở giáo dục đã áp dụng tri thức mới của khoa học giáo dục, nhờ đó đã có đổi mới phương pháp giảng dạy. Ví dụ, nhờ áp dụng kiến thức mới của khoa học giáo dục cho nên nhiều trường đại học đã chú trọng trang bị cho sinh viên, học viên khả năng thích nghi và phát triển trong môi trường xã hội và nghề nghiệp luôn thay đổi [3]; áp dụng các mô hình đào tạo tiên tiến như học theo dự án, học thông qua giải quyết vấn đề, các lớp học này đã giúp sinh viên nâng cao tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề; coi trọng việc sử dụng các phương pháp giảng dạy tương tác; coi trọng sự tham gia của người học vào quá trình học tập [7]; áp dụng cách học tập trực tuyến; cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; đẩy mạnh hoạt động thực hành, gắn kết lý luận với thực tiễn; chú trọng phát triển kỹ năng chuyên nghiệp cho sinh viên.

Sự đổi mới phương pháp giảng dạy trên thực tế đã giúp sinh viên phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tư duy.

*Thứ hai*, nhiều cơ sở giáo dục đã áp dụng kiến thức mới của khoa học giáo dục, nhờ đó đã có đổi mới chương trình đào tạo. Ví dụ, nhiều trường đại học đã điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của xã hội [13]. Nhiều trường đại học đã cải tiến chương trình đào tạo theo hướng phát triển cả kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm và năng lực tư duy sáng tạo, giúp sinh viên sẵn sàng đối mặt với thách thức của thị trường lao động hiện đại [11]. Đại học Quốc gia Hà Nội

đã thực hiện chương trình “Cử nhân tài năng” nhằm rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong bối cảnh công nghiệp 4.0 như công nghệ thông tin và kỹ năng giải quyết vấn đề. Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng mô hình học tập trải nghiệm thông qua hợp tác với doanh nghiệp, giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực hành, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo. Đại học Kinh tế Quốc dân đã thực hiện chương trình đào tạo tích hợp các yếu tố công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, nhằm chuẩn bị cho sinh viên đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao trong nền kinh tế số hóa [2].

## 7. Kết luận

Khoa học giáo dục là một ngành khoa học đã và đang góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng trên thế giới và ở Việt Nam. Kiến thức của khoa học giáo dục đã giúp cho các nhà quản lý giáo dục, giảng viên, học viên đưa ra các giải pháp toàn diện và đúng đắn để đổi mới nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục, qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu và giảng dạy khoa học giáo dục tại các trường đại học Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn. Nhiều cơ sở giáo dục chưa cập nhật và áp dụng các lý thuyết giáo dục học tiên tiến. Nhiều giáo viên và sinh viên, học viên chưa quan tâm đến việc tìm hiểu kiến thức mới của khoa học giáo dục nói chung và kiến thức mới của triết học giáo dục nói riêng. Khoa học giáo dục cần được quan tâm hơn nữa trong nghiên cứu và giảng dạy.

## ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Allen, E., Seaman, J., & Garrett, R. (2007): *Blending in: The extent and promise of blended education in the United States*. Sloan Consortium.
- Biggs, J., & Tang, C. (2011): *Teaching for quality learning at university* (4th ed.). Open University Press.
- Barnett, R. (2000): *Realizing the university in an age of supercomplexity* (1st ed.). Open University Press.
- Bishop, J., & Verleger, M. (2013): The flipped classroom: A survey of the research. *Paper presented at the 2013 ASEE Annual Conference & Exposition*. <https://doi.org/10.18260/1-2--22585>.
- de Wit, H., & Deca, L. (2020): Internationalization of higher education: Challenges and opportunities for the next decade. In *European higher education area: Challenges for a new decade* (pp. 3-11). Springer. [https://doi.org/10.1007/978-3-030-56316-5\\_1](https://doi.org/10.1007/978-3-030-56316-5_1).
- Trần Khánh Đức (2010): Giáo dục và khoa học trong giáo dục hiện đại. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 63.
- Gibbs, G. (2010): *Dimensions of quality*. The Higher Education Academy.
- Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tào (2011): *Từ điển Giáo dục học*. Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc (1981): *Phương pháp luận khoa học giáo dục*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Irina, I. A. (1977): Bàn về việc nghiên cứu các vấn đề phương pháp luận của KHGD. *Giáo dục học Xô Viết*, số 6.
- Knight, P. T., & Yorke, M. (2003): Employability and Good Learning in Higher Education. *Teaching in Higher Education*, 8(1), 3-16. <https://doi.org/10.1080/1356251032000052294>.
- Knight, J. (2004): Internationalization Remodeled: Definition, Approaches, and Rationales. *Journal of Studies in International Education*, 8(1), 5-31. <https://doi.org/10.1177/1028315303260832>.
- Knight, J. (2013): The changing landscape of higher education internationalisation - for better or worse? *Perspectives: Policy and practice in higher education*, 17(3), 84-90. <https://doi.org/10.1080/13603108.2012.753957>.

14. Laurillard, D. (2002): *Rethinking University Teaching: A Conversational Framework for the Effective Use of Learning Technologies* (2nd ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315012940>.
15. Nguyễn Lộc (2011): *Khái niệm, cấu phần và xu thế nghiên cứu của khoa học giáo dục trong khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Võ Thị Ngọc Lan & Nguyễn Văn Tuấn (2012): *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Lê Văn Dung, Nguyễn Thị Thanh Thùy, Phạm Thị Bích Đào (2023): Khoa học giáo dục Việt Nam - Thực tiễn đặt ra và xu hướng nghiên cứu giai đoạn 2023 - 2030. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, Tập 19, số 03.
18. Hà Thị Mai (2013): *Giáo trình Giáo dục học đại cương* (Lưu hành nội bộ). Trường Đại học Đà Lạt.
19. Đào Thị Oanh (2017): Vài nét về phương pháp siêu phân tích trong nghiên cứu Tâm lý học Giáo dục và các

- linh vực khác của Khoa học giáo dục. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2(215), tháng 2.
20. Quality Assurance Netherlands Universities (QANU), (2013): *Research Review Pedagogics and Education Science*, The Netherlands.
21. Schleicher, A. (2018): *World class: How to build a 21st-century school system: Strong performers and successful reformers in education* (Illustrated ed.). OECD Publishing.
22. Nguyễn Tiến Trung, Đinh Đức Tài, Phạm Hùng Hiệp, Lương Đình Hải, Phạm Thị Oanh (2024): Nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam trên cơ sở dữ liệu Scopus trong 10 năm thực hiện nghị quyết 29-NQ/TW: Xu hướng và hợp tác quốc tế, *Tạp chí Giáo dục*, Số 24.
23. UNESCO (1991): *Strengthening Educational Research in Developing Countries*. International Institute for Educational Planning.
24. Vygotsky, L. S. (1978): *Mind in society: Development of higher psychological processes* (M. Cole, Ed. & Trans.). Harvard University Press.



# THỰC HÀNH LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai \*

**Tóm tắt:** Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 là bước tiến bộ lớn về dân chủ nói chung và dân chủ ở cơ sở nói riêng ở nước ta. Sau hơn 2 năm thực hành Luật, đã đạt được nhiều kết quả, nhưng vẫn còn những hạn chế và vấn đề mới đặt ra. Do vậy, việc xác định các giải pháp (về nhận thức, thể chế, nguồn lực và tổ chức thực hiện) nhằm thực hành có hiệu quả Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở nước ta hiện nay có ý nghĩa quan trọng và cần thiết.

**Từ khóa:** thực hành luật, thực hiện dân chủ, thực hiện dân chủ ở cơ sở, luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở nước ta

**Nhận bài:** 23/2/2025; đưa vào quy trình biên tập 1/3/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở - nền tảng pháp lý của việc thực hành dân chủ ở cơ sở ở nước ta

So với những quy định pháp luật trước đây về dân chủ cơ sở, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, có hiệu lực từ 1/7/2023 (sau đây gọi là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở), đã có bước tiến bộ lớn thể hiện ở các khía cạnh sau:

**Thứ nhất,** Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã mở rộng phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở đối với công dân (với cả tư cách người dân ở nơi cư trú và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở cơ quan, đơn vị công tác). Lấy việc tôn trọng ý kiến của nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của nhân dân như là nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong thực hành dân chủ ở cơ sở. Xác định việc nâng cao nhận thức, năng lực thực hành dân chủ của tổ chức, cán bộ, công chức và cộng đồng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở làm căn cứ đánh giá tổ chức và cán bộ trong thực hiện nhiệm vụ; khen thưởng và kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số vào thực hành dân chủ... là những biện pháp vừa cấp bách vừa lâu dài cho viện thực hành dân chủ ở cơ sở.

**Thứ hai,** Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã mở rộng quyền, nghĩa vụ công dân về công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin; đề xuất ý kiến, bàn và quyết định đối với nội dung thực hành dân chủ; kiểm tra, giám sát và kiến nghị đối với các quyết định; tôn trọng, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng; tham gia ý kiến về nội dung lấy ý kiến; chấp hành quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị và cộng đồng về dân chủ; phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật; tôn trọng, bảo đảm trật tự - an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**Thứ ba,** Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã xác định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm pháp luật về thực hành dân chủ ở cơ sở như các hành vi mất dân chủ và lợi dụng dân chủ, gây khó khăn, thiếu trách nhiệm trong giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân và tiết lộ thông tin về người tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi vi phạm dân chủ.

*Thứ tư*, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã khắc phục cơ bản những bất cập, hạn chế khi thực hiện các quy định của pháp luật trước đây về dân chủ ở cơ sở như: tính hình thức trong các quy định về nội dung và hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở; sự hạn chế về giá trị pháp lý, tính đồng bộ, toàn diện về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; việc thiếu cụ thể và chế tài xử lý đối với trách nhiệm bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; sự chưa rõ ràng của việc tham gia, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với việc thực hành dân chủ ở cơ sở; thiếu tôn trọng sáng kiến của nhân dân trong thực hiện dân chủ.

*Thứ năm*, để thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 346/QĐ-TTg ngày 6/4/2023 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (trong đó xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có

liên quan trong việc triển khai thi hành Luật này, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả) [2]; Chính phủ ban hành Nghị định 59 về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (trong đó quy định chi tiết việc tổ chức họp, lấy ý kiến nhân dân, quy trình bầu và cho thôi trường thôn, tổ trưởng dân phố; tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã phường, thị trấn, của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước...) [3].

Có thể nói, cùng với hiến pháp năm 2013, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, Quyết định 346/QĐ-TTg và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP... đã tạo ra hành lang pháp lý cho chính quyền và nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” và là nền tảng pháp lý của sự phát triển dân chủ ở cơ sở ở nước ta.

## **2. Thực hành Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở nước ta hiện nay - một số kết quả, hạn chế, vấn đề đặt ra và nguyên nhân**

### **2.1. Kết quả sau gần 2 năm thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở**

*Một là*, công tác quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân về thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã từng bước được triển khai. Đến nay, nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị đã tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến, giáo dục và tập huấn về Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật, nhất là những quy định về trách nhiệm của chính quyền đối với việc thực thi Luật cho cán bộ, công chức, người làm công tác tham mưu, quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nhiều cơ quan báo chí, truyền thông ở Trung ương và địa phương đã tổ chức tuyên truyền Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

*Hai là*, nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch, biện pháp thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Theo đó,

cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị đã có ý thức trách nhiệm, chủ động triển khai và vận động nhân dân thực hiện Luật một cách thiết thực. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã phối hợp, giám sát, tư vấn, phản biện, nắm bắt việc thực hiện và có những đề xuất, kiến nghị để việc triển khai Luật đảm bảo hiệu quả. Dân chủ ở cơ sở từng bước trở thành nội dung quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, ở nhiều địa phương đã cụ thể hóa Luật Thực hành dân chủ ở cơ sở thành quy định, quy chế của cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức và người lao động đã được tiến hành. Việc đánh giá thực hiện dân chủ ở cơ sở đã trở thành nội dung quan trọng trong đánh giá thực hiện nhiệm vụ chính trị

(từ thảo luận phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhiệm vụ, công khai tài chính... đến trao đổi, giải đáp và tiếp thu ý kiến, cải tiến lề lối làm việc giữa chính quyền và người dân, giữa người lãnh đạo, quản lý với cán bộ, công chức, viên chức và giữa người quản lý, sử dụng lao động với người lao động...). Trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các nội dung công khai, bàn bạc và quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát của cán bộ, công chức và người lao động đã được nâng cao.

*Ba là*, dân chủ ở cơ sở đã được thực hiện trong công tác đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ công chức, viên chức và tuyển dụng hợp đồng lao động. Chế độ chính sách đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động, thực hiện các quyền lợi về chế độ chính sách cho người lao động; phòng chống tham nhũng, lãng phí (thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập...); tinh thần trách nhiệm, công tâm, chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, công vụ; thực hiện những việc cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cần biết (tham gia ý kiến, giám sát, kiểm tra, góp ý nội quy, quy chế làm việc, phát huy trí tuệ tập thể, tính năng động, sáng tạo, đổi mới lề lối, tác phong làm việc...) đã có những chuyển biến tích cực.

*Bốn là*, dân chủ ở cơ sở được thực hiện trong sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Việc công khai, minh bạch trong hành chính công, dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tăng lên. Công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có hiệu quả hơn. Tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận, giám sát hoạt động của chính quyền được bảo đảm hơn. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự nỗ lực người dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được tăng cường. Lề lối làm việc của cán bộ, công chức được cải tiến một bước theo hướng dân chủ, tiến bộ.

*Năm là*, việc thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh và đời sống (từ bồi thường, hỗ trợ tái định cư, hiến đất xây dựng công trình, dồn điền, đổi thửa, vệ sinh môi trường, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đến cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động...), bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tạo sự đồng thuận trong xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân và cải thiện đời sống nhân dân.

Có thể nói, Dân chủ ở cơ sở ngày càng trở thành phương thức quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị và cách sống của người dân. Cán bộ, công chức và nhân dân ngày càng cảm nhận rõ ràng và thụ hưởng thực tế những giá trị của dân chủ do việc thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở - theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”, mang lại.

## 2.2. Một số hạn chế

*Một là*, công tác phổ biến, giáo dục Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị còn chậm, chưa kịp thời, chưa thường xuyên, chưa sâu rộng và chưa hiệu quả. Việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quyền làm chủ của nhân dân chưa kịp thời. Vai trò của chính quyền nói riêng và hệ thống chính trị nói chung trong công tác phổ biến, giáo dục Luật còn bất cập. Vẫn có tình trạng một bộ phận người dân lợi dụng dân chủ để đòi hỏi không chính đáng, không đúng pháp luật, coi thường quy định của pháp luật về dân chủ.

*Hai là*, việc cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện và kế hoạch thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị còn chậm; việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng, giải quyết những vấn đề bức xúc trong nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời; kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở ở các loại hình cơ sở chưa đồng bộ; nhiều doanh nghiệp khu vực

ngoài nhà nước chưa xây dựng quy chế dân chủ; chậm sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế của doanh nghiệp. Vai trò của người đứng đầu chưa phát huy hết trách nhiệm, chưa quan tâm đúng mức việc thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Vai trò của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát cộng đồng cơ sở chưa phát huy hết hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hành Luật.

*Ba là*, một số địa phương, cơ sở vẫn chưa nắm vững các quy định về thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, chưa xác định rõ trách nhiệm đối với thực hiện dân chủ. Vẫn còn quan niệm cho rằng, trách nhiệm triển khai thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở là của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, trong khi đây là trách nhiệm của chính quyền (nhất là trách nhiệm công khai và giải trình của chính quyền với nhân dân). Mặt trận Tổ quốc chỉ là cơ quan phối hợp và các tổ chức chính trị - xã hội hỗ trợ và giám sát, phản biện các nội dung liên quan và theo dõi việc thực hiện của cấp ủy, chính quyền với những kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội.

*Bốn là*, chưa thực hiện tốt việc xét, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật về dân chủ ở cơ sở đối với cấp ủy, chính quyền, tổ chức, cơ quan, đơn vị, nhiều nơi thực hiện còn mang tính hình thức, đối phó. Việc công khai các nội dung liên quan theo quy định ở nhiều địa phương, cơ sở còn chưa đầy đủ, chưa tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin. Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân tham gia bàn và quyết định các vấn đề của địa phương, giám sát, góp ý ở một số nơi còn hạn chế. Vẫn còn tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, nhưng giải quyết chưa triệt để, nhất là trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai, đền bù, tái định cư khi thu hồi đất.

Nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu là do nhận thức về Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở dân chủ chưa đầy đủ, một số cấp ủy, chính quyền chưa tập trung chỉ đạo, thiếu kiểm tra, đôn đốc; chưa cụ thể hóa các quy chế, quy định, quy trình công khai, dân chủ ở cơ sở; chưa coi trọng việc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy ước sát với thực tiễn của từng loại hình

cơ sở; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của chính quyền trong việc triển khai thực hành Luật. Việc thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở còn mới mẻ, chưa thành nề nếp trong đời sống xã hội; chưa được sơ kết, tổng kết, chưa có các điển hình về thực hành Luật.

### **2.3. Một số vấn đề nảy sinh trong thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện nay**

*Một là*, việc triển khai thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện nay còn có những khó khăn, lúng túng, khó khăn trong việc tập hợp người dân dự họp theo quy định; không phải nội dung nào người dân cũng quan tâm mà chỉ chú trọng vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi thiết thực của mình; vai trò chủ thể của người dân trong thực hành dân chủ còn hạn chế; văn bản hướng dẫn từ một số bộ, ngành chậm, việc triển khai thực hiện ở cơ sở còn chậm và lúng túng; việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong các doanh nghiệp còn khó khăn.

*Hai là*, tỷ lệ người dân tham gia họp thôn, tổ dân phố... thấp, chất lượng các cuộc họp thôn còn hạn chế; việc thảo luận, tham gia ý kiến còn hình thức, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự lãnh đạo, hỗ trợ của cấp trên; việc ứng dụng công nghệ số và việc thực hành dân chủ ở cơ sở còn khó khăn, mới mẻ.

*Ba là*, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kết thúc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bãi bỏ các quy định về trách nhiệm của công đoàn tại các cơ quan, đơn vị không tổ chức công đoàn cơ sở, kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức<sup>(2)</sup>...

## **3. Một số giải pháp nhằm thực hành có hiệu quả Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở nước ta hiện nay**

*Thứ nhất, đẩy mạnh việc phổ biến, giáo dục và tập huấn nội dung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong cán bộ, công chức và nhân dân*

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần đẩy mạnh việc phổ biến,

giáo dục và tập huấn nội dung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Nhất là, trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của nhân dân; nâng cao nhận thức cộng đồng, củng cố niềm tin của nhân dân vào Luật để nhân dân chủ động, tự giác thực hành Luật.

Đẩy mạnh phương thức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và tập huấn nội dung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến, trên các phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng mạng xã hội. Tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong phổ biến, giáo dục Luật thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật và các buổi sinh hoạt ở khu dân cư.

Đổi mới phương thức triển khai pháp luật đối với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Thực hiện nghiêm việc tổ chức sinh hoạt “Ngày Pháp luật” trong cơ quan, đơn vị và nhân dân. Tăng cường giáo dục về Luật Thực hành dân chủ ở cơ sở trong nhà trường và thông qua thực tế pháp lý. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc thực hiện Luật, phát hiện và xử lý nghiêm tổ chức và cá nhân vi phạm.

*Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, kế hoạch thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*

Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, hết hiệu lực thi hành hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thi hành Luật với cơ quan chủ trì, các cơ quan phối hợp theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Đẩy mạnh kiểm soát và giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một

cửa liên thông, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Sớm hướng dẫn cụ thể một số nội dung để Luật, quy định rõ hơn các chế tài, trách nhiệm của cơ quan nhà nước các cấp trong thực hiện. Ban hành quy định chi tiết Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị.

Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc giám sát, kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ; trong đó tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, việc công khai minh bạch tài chính về quản lý và sử dụng ngân sách, quy hoạch, bổ nhiệm, sắp xếp tinh giản đầu mối, thi đua, khen thưởng, công tác phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị.

*Thứ ba, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của chính quyền, Mặt trận và đoàn thể trong thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*

Các cấp chính quyền cần thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, nhất là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức để nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư; Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cần tạo điều kiện hơn nữa cho việc bảo đảm dân chủ trong phạm vi và thẩm quyền quản lý một cách phù hợp với khả năng và tình hình thực tế về thực hiện dân chủ ở cơ sở [xem 1]... Các cấp chính quyền cần chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tiếp tục phổ biến, giáo dục, tập huấn chuyên sâu về Luật và các quy định pháp luật liên quan cho cán bộ, công chức; Bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Quy định các nguồn kinh phí, xây dựng văn bản hướng dẫn lập dự toán, thanh quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác triển khai Luật theo quy định.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phối hợp thực hiện Luật thông qua việc tuyên truyền, vận động, tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn, tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của nhân dân, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của nhân dân (đề xuất, phối hợp tổ chức đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với người dân, thực hiện các trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong thực hiện dân chủ ở cơ sở...).

*Thứ tư, phát huy vai trò chủ động, tự giác của người dân trong thực hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*

Phát huy vai trò chủ động, tự giác của người dân trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và quyền thụ hưởng của về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật. Tăng cường năng lực và điều kiện tiếp cận thông tin để người dân có các thông tin, nâng cao nhận thức, tính chủ động, tích cực thực hiện Luật. Thực hành dân chủ theo pháp luật trở thành hành vi hợp pháp trong đời sống, người dân chủ động chủ động sử dụng những quy định của Luật để thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình.

Tăng cường lấy ý kiến nhân dân, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của người dân; phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và Tổ Hòa giải cơ sở... trong việc thực hiện Luật, đặc biệt là những nội dung dân bản, dân quyết định - trách nhiệm, quyền lợi của nhân dân.

Hỗ trợ, khuyến khích và hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích công nghệ vào việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong điều kiện xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số. Phát huy ưu thế của mạng nội bộ, các trang, cổng thông tin điện tử; hòm thư điện tử, mạng xã hội để thông báo, đồng thời tiếp nhận ý kiến phản ánh, đóng góp của người dân trong thực hành dân chủ ở cơ sở.

*Thứ năm, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Lãnh đạo, chỉ đạo đưa việc thực hành Luật thành nội dung và nề nếp lãnh đạo, làm cho việc thực hành Luật thành nội dung và phương thức thực hiện nhiệm vụ chính trị của các tổ chức, địa phương, cơ quan và đơn vị. Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện Luật.

## 4. Kết luận

Để thực hành Luật Thực hiện dân chủ cơ sở một cách thực chất và có kết quả, cần thường xuyên đánh giá chất lượng và hiệu quả việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hoàn thiện các tiêu chí đánh giá việc thực hành Luật, trong đó lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở làm tiêu chí đánh giá, xếp loại đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân. Đề cao trách nhiệm, ý thức và hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật, gắn thực hiện Luật với xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

### ■ CHÚ THÍCH

- <sup>(1)</sup> Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 10/11/2022 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.
- <sup>(2)</sup> Nghị quyết Hội nghị Trung ương 11 (Khóa XIII) số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025, về xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án và báo cáo của Bộ Chính trị.

### ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2022): *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Quyết định 346/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.*
- Nghị định 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
- Nguyễn Thị Tuyết Mai (Chủ biên) (2023): *Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật của người dân vùng Tây Nam Bộ hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

# SỰ PHÊ PHÁN CÁC ĐỊNH KIẾN XÃ HỘI VỀ GIỚI NỮ TRONG TÁC PHẨM *A VINDICATION OF THE RIGHTS OF WOMAN* CỦA MARY WOLLSTONECRAFT\*

TS. Lê Thị Vinh \*\*

TS. Phan Thành Nhâm \*\*\*

**Tóm tắt:** Mary Wollstonecraft (1759 - 1797) là nhà triết học và nhà hoạt động nữ quyền tiên phong của thế kỷ XVIII. Trong tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman* (1792), Wollstonecraft không chỉ phê phán hệ thống giáo dục và xã hội đương thời đã bó hẹp phụ nữ vào những vai trò giới hạn, mà còn nhấn mạnh sự bất công trong cách mà xã hội phân biệt giới tính, coi phụ nữ chỉ là những “đồ trang trí” trong cuộc sống của đàn ông. Các phê phán của bà về những định kiến xã hội đối với giới nữ đã ảnh hưởng sâu sắc đến các phong trào đấu tranh bình đẳng giới, đặt nền móng cho phong trào nữ quyền hiện đại và những cải cách trong giáo dục dành cho phụ nữ. Bà đã thách thức các quan điểm mang tính định kiến giới và khẳng định rằng phụ nữ cũng có khả năng lý trí, cũng có khả năng đóng góp cho xã hội nếu được tiếp cận giáo dục công bằng. Trong bài viết này, trên cơ sở khảo cứu tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman*, các tác giả tập trung phân tích cách Mary Wollstonecraft phê phán mạnh mẽ các định kiến xã hội về giới nữ, đặc biệt là việc phê phán các định kiến xã hội về tính cách của giới nữ và cách giáo dục phụ nữ.

**Từ khóa:** Mary Wollstonecraft, giới, phụ nữ.

**Nhận bài:** 23/3/2025; đưa vào quy trình biên tập 23/4/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Mở đầu

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, vấn đề quyền của phụ nữ luôn là đề tài gây tranh cãi và là đối tượng của nhiều phong trào đấu tranh xã hội. Một trong những tiếng nói tiên phong đấu tranh cho quyền của phụ nữ là Mary Wollstonecraft (1759 - 1797), nhà triết học và nhà hoạt động nữ quyền người Anh. Bà được biết đến như một trong những nhà tư tưởng đầu tiên công khai thách thức những quan niệm truyền thống về vai trò của phụ nữ trong xã hội. Tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman* (1792) của Mary Wollstonecraft được xem là một trong những nền tảng lý luận quan trọng của phong trào nữ quyền hiện đại và đã khơi dậy nhiều cuộc thảo luận sâu sắc về

quyền con người, bình đẳng giới và giáo dục.

Ở thời đại của Wollstonecraft, tư tưởng phụ quyền thống trị xã hội và định kiến về giới nữ tồn tại trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Phụ nữ thường được xem như những thực thể yếu đuối, lệ thuộc vào nam giới và bị tước đoạt quyền tham gia vào các hoạt động xã hội. Thực trạng này không chỉ giới hạn quyền của phụ nữ, mà còn tác động sâu sắc đến nhận thức về bản chất con người, về nhân phẩm và khả năng phát triển cá nhân. Trong tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman*, Wollstonecraft đã trực tiếp đối đầu với các quan điểm truyền thống, lên tiếng bảo vệ quyền được học hành và phát triển trí tuệ của

\*\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

\*\*\* Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

phụ nữ, khẳng định rằng phụ nữ không phải là những sinh vật thụ động mà là những con người có khả năng suy nghĩ, sáng tạo và đóng góp tích cực cho xã hội. Dù những tư tưởng của Mary Wollstonecraft trong *A Vindication of the Rights of Woman* không lập tức tạo ra sự thay đổi sâu rộng trong xã hội đương thời, nhưng nó đã đặt nền móng cho phong trào nữ quyền sau này. Tác phẩm của bà đã mở ra một hướng đi mới trong tư duy về vai trò và quyền của phụ nữ, thách thức các định kiến xã hội và khẳng định vị thế của phụ nữ trong hành trình tìm kiếm tự do và công bằng. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích những khía cạnh mà Wollstonecraft đã phê phán đối với định kiến xã hội về giới nữ. Đồng thời, bài viết cũng sẽ đặt những phê phán của Wollstonecraft trong bối cảnh lịch sử và xã hội của thời kỳ bà sống, nhằm hiểu rõ hơn tại sao những tư tưởng này lại có sức ảnh hưởng lâu dài đến như vậy.

## 2. Mary Wollstonecraft phê phán các định kiến xã hội về tính cách của giới nữ

Trong tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman*, Wollstonecraft đã đề cập đến sự bất bình đẳng giới, nhưng với một cách tiếp cận cẩn trọng và lý trí. Wollstonecraft đã đưa ra những phê phán sâu sắc đối với các định kiến xã hội về tính cách phụ nữ. Bà chỉ trích cách mà xã hội đã định hình phụ nữ như những sinh vật yếu đuối, phụ thuộc và thiếu năng lực. Bà cho rằng những định kiến này không chỉ làm suy yếu phụ nữ mà còn gây hại cho toàn xã hội. Wollstonecraft viết: “Phụ nữ, cũng giống như nam giới, trở nên yếu đuối và ham mê hưởng thụ bởi những thú vui nhàn nhã mà sự giàu có mang lại; nhưng ngoài điều này, họ còn bị biến thành nô lệ cho thân thể mình, buộc phải trở nên quyến rũ để nam giới có thể cho họ mượn lý trí nhằm dẫn dắt những bước chân chập chững của họ đi đúng hướng. Hoặc nếu họ có tham vọng, họ phải cai trị những kẻ bạo chúa của mình bằng những mánh khéo mờ ám, bởi vì khi không có quyền, thì cũng không thể có bất kỳ nghĩa vụ nào được đặt ra” [8, tr. 174]. Phụ nữ được khuyến khích

làm cho cơ thể của mình trở nên yếu đuối và bản tính trở nên nhu mì để đàn ông có thể bảo vệ họ như những đứa trẻ phụ thuộc. Đổi lại, phụ nữ trở thành “nô lệ” của đàn ông trong việc tái sản xuất văn hóa về sự đúng mực nữ tính. Wollstonecraft cho rằng việc xã hội coi vẻ đẹp và sự ngoan ngoãn của phụ nữ là những yếu tố chính để nhận được sự bảo vệ và thành công trong cuộc sống, đã khiến phụ nữ không cần phải phấn đấu học hỏi, phát triển tri thức và họ tin rằng sự quyến rũ bề ngoài là đủ để đảm bảo vị trí của mình trong xã hội.

Wollstonecraft đã công kích quan điểm cho rằng các đức tính giới tính, như sự khiêm tốn, là những phẩm hạnh riêng biệt của phụ nữ. Bà lập luận rằng chân lý và đức hạnh phải là những giá trị đồng nhất cho cả nam và nữ, không bị ảnh hưởng bởi giới tính. Theo bà, việc đàn ông tạo ra các tiêu chuẩn đức hạnh không công bằng và áp đặt chúng lên phụ nữ, khiến cho đức hạnh và sự chân thành mất đi giá trị tuyệt đối, trở thành những khái niệm tương đối và không công bằng. Wollstonecraft viết: “Đối với nam giới và nữ giới, chân lý, nếu tôi hiểu đúng ý nghĩa của từ này, phải là một; nhưng cái gọi là nhân cách nữ giới đầy tưởng tượng, được các nhà thơ và tiểu thuyết gia vẽ nên một cách xinh đẹp, yêu cầu sự hy sinh của chân lý và sự chân thành, khiến đức hạnh trở thành một khái niệm tương đối, không có nền tảng nào khác ngoài sự hữu ích, và sự hữu ích đó do nam giới tùy tiện đánh giá, định hình nó theo sự thuận tiện của riêng họ” [8, tr. 77].

Wollstonecraft cho rằng các quan niệm đương thời về tính cách giới tính (“sexual character”) là sai lệch và có hại. Tính cách giới tính ám chỉ những đặc điểm hoặc phẩm chất được gán cho nam giới và nữ giới một cách bất biến, chẳng hạn như sự mềm yếu, nhạy cảm thường được liên kết với nữ giới và sức mạnh, lý trí với nam giới. Bà lập luận rằng những quan niệm này không chỉ phản ánh một sự phân biệt giới tính thiếu cơ sở mà còn phá hoại đạo đức. Việc gán ghép các đặc điểm đạo đức theo giới tính dẫn đến việc xem nhẹ những giá trị phổ quát như lý trí, đức hạnh và nhân tính. Wollstonecraft viết: “Tôi đã đưa ra nhiều lập luận, mà theo tôi

là thuyết phục, để chứng minh rằng quan niệm phổ biến về tính cách theo giới tính đang làm suy yếu đạo đức, và tôi đã lập luận rằng, để cơ thể và tâm trí con người trở nên hoàn thiện hơn, đức tính trinh tiết phải được phổ biến rộng rãi hơn. Đồng thời, đức tính này sẽ không bao giờ được tôn trọng trong thế giới của nam giới cho đến khi cơ thể của người phụ nữ không còn bị thần thánh hóa, như thể nó là một đối tượng thờ phụng, khi nó không được tô điểm bằng những dấu ấn vĩ đại của vẻ đẹp tinh thần hay sự giản đơn đầy cuốn hút của tình cảm” [8, tr. 22]. Wollstonecraft không chỉ phê phán sự thần tượng hóa phụ nữ một cách sai lầm mà còn kêu gọi sự thay đổi cơ bản trong cách nhìn nhận và đối xử với phụ nữ. Bà lập luận rằng chỉ khi nào phụ nữ được công nhận vì trí tuệ và đức hạnh của họ, thay vì chỉ ngoại hình, thì xã hội mới có thể đạt được một nền tảng đạo đức thực sự và hoàn thiện con người cả về thể chất lẫn tinh thần.

Wollstonecraft phản đối sự phân biệt giới tính trong việc đánh giá phẩm hạnh của phụ nữ so với nam giới. Bà lập luận rằng nếu phẩm hạnh của phụ nữ và nam giới đều phải dựa trên cùng một nguyên tắc và có cùng mục tiêu, thì hành vi của phụ nữ cũng nên được đánh giá theo những tiêu chuẩn tương tự như nam giới. Điều này nhấn mạnh sự bình đẳng trong việc đánh giá phẩm hạnh và hành vi của các giới tính, đồng thời chỉ ra sự cần thiết phải có các nguyên tắc và tiêu chuẩn chung để đánh giá phẩm hạnh. Wollstonecraft viết: “Nếu phụ nữ vốn dĩ kém cỏi hơn nam giới, thì đức hạnh của họ cũng phải giống nhau về chất lượng, dù không giống về mức độ, nếu không thì đức hạnh chỉ là một khái niệm tương đối; do đó, hành vi của họ cần được định hướng bởi cùng những nguyên tắc và hướng đến cùng mục tiêu” [8, tr. 25].

Wollstonecraft phê phán việc phụ nữ bị cô lập và bị “tước đoạt những đức hạnh tự nhiên cần thiết của nhân loại, thay vào đó họ được tô điểm bởi những vẻ đẹp nhân tạo, chỉ nhằm mục đích duy trì một quyền lực tạm thời, yếu ớt” [8, tr. 62]. Bà nhấn mạnh rằng nếu phụ nữ bị giam giữ trong tình trạng nô lệ, không được hưởng tự do, thì họ sẽ không thể phát triển đầy đủ khả năng

của mình. Tự do là cần thiết để phụ nữ có thể phát triển phẩm hạnh và trí tuệ, thay vì chỉ dựa vào những phẩm hạnh nhân tạo và ngắn hạn. Wollstonecraft viết: “Tự do là mẹ của đức hạnh, và nếu phụ nữ, theo bản chất của họ, là những nô lệ và không được phép hít thở bầu không khí tự do trong lành, họ sẽ luôn héo mòn như những loài cây ngoại lai, và bị coi là những khiếm khuyết đẹp đẽ trong tự nhiên” [8, tr. 62]. Phụ nữ cần được trao cơ hội để phát triển các đức tính và trí tuệ, để có thể trở thành những cá nhân có giá trị thực sự, không phải chỉ là những “khuyết điểm đẹp” trong tự nhiên. Wollstonecraft kêu gọi việc trao quyền tự do cho phụ nữ để họ có thể phát triển đầy đủ phẩm hạnh và trí tuệ của mình và không bị đánh giá chỉ dựa trên vẻ đẹp và khả năng kích thích cảm xúc.

Wollstonecraft nhấn mạnh rằng việc duy trì các định kiến xã hội về tính cách phụ nữ không chỉ gây hại cho phụ nữ mà còn làm suy yếu toàn bộ xã hội. Bà lập luận rằng khi phụ nữ bị kìm hãm bởi các định kiến này, họ không thể đóng góp đầy đủ vào sự phát triển của xã hội và dẫn đến sự suy đồi đạo đức và thiếu công bằng trong xã hội. Wollstonecraft viết: “Quyền thiêng liêng của người chồng, giống như quyền thiêng liêng của các vị vua, có thể, hy vọng rằng trong thời đại khai sáng này, bị thách thức mà không gặp nguy hiểm. Và dù sự thuyết phục có thể không làm im lặng được nhiều người tranh luận ồn ào, nhưng khi bất kỳ định kiến nào đang chi phối bị tấn công, những người khôn ngoan sẽ suy xét, và để mặc những kẻ hẹp hòi la hét một cách thiếu suy nghĩ trước sự đổi mới” [8, tr. 67]. Wollstonecraft đã so sánh quyền lực “thiên bẩm” của chồng trong hôn nhân với quyền lực “thiên bẩm” của vua, cho rằng cả hai đều cần bị thách thức và xem xét lại. Bà khẳng định rằng nếu thành kiến đang thống trị bị thách thức, những người khôn ngoan sẽ xem xét liệu nó có công bằng hay không. Bà cảnh báo rằng nếu một sai lầm được phát hiện trong nền tảng của bất kỳ hệ thống nào, toàn bộ hệ thống đó sẽ lung lay. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc phê phán và loại bỏ các định kiến xã hội để xây dựng một xã hội công bằng và phát triển.

### 3. Phê phán những định kiến xã hội về việc giáo dục phụ nữ

Wollstonecraft đã phê phán gay gắt những định kiến giới mà xã hội đã áp đặt lên phụ nữ, đặc biệt là trong việc giáo dục. Bà nhấn mạnh rằng sự thiếu hụt giáo dục không chỉ giới hạn phụ nữ về mặt kinh tế, mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của họ, khiến họ dễ bị tổn thương khi đối mặt với những thất bại trong cuộc sống. Bằng cách nhấn mạnh rằng phụ nữ cần một nền giáo dục đầy đủ để thoát khỏi sự lệ thuộc vào hôn nhân và các công việc thấp kém, Wollstonecraft không chỉ đề cao giá trị của phụ nữ như những cá nhân có khả năng tự lập, mà còn đặt ra câu hỏi về việc xã hội định giá phụ nữ dựa trên những vai trò mà họ bị buộc phải đảm nhận. Wollstonecraft viết: “Nếu phụ nữ được giáo dục một cách có hệ thống hơn, họ có thể theo đuổi nhiều loại hình công việc khác nhau, giúp họ tránh rơi vào tình trạng mại dâm hợp pháp hay phổ biến. Họ sẽ không phải kết hôn chỉ để tìm sự hỗ trợ tài chính, giống như cách đàn ông nhận vị trí trong chính phủ mà không thực hiện các trách nhiệm đi kèm. Thay vào đó, họ có thể kiếm sống một cách đáng tôn vinh mà không bị hạ thấp đến mức gần như ngang hàng với những người phụ nữ sa ngã sống bằng con đường mại dâm” [8, tr. 177].

Wollstonecraft đã chỉ trích cách giáo dục mà phụ nữ nhận được ngay từ khi còn nhỏ. Wollstonecraft viết: “Từ khi còn nhỏ phụ nữ đã được răn dạy, và học hỏi từ tấm gương của các bà mẹ, rằng chỉ cần một chút am hiểu về sự yếu đuối của lòng người, hay nói đúng hơn là sự khôn khéo, sự mềm mỏng trong tính cách, sự vâng lời bề ngoài, và sự tuân thủ chuẩn mực, sẽ giúp họ có được sự bảo vệ của nam giới; và nếu họ xinh đẹp, thì tất cả những yếu tố khác đều trở nên không cần thiết, ít nhất là trong hai mươi năm đầu đời của họ” [8, tr. 45]. Cách giáo dục này không chỉ làm suy yếu tiềm năng của phụ nữ mà còn bó hẹp họ trong vai trò lệ thuộc. Nét “khôn khéo” và “mềm mỏng” mà phụ nữ được dạy dỗ chỉ là một cách để họ “chiến đấu” trong một xã hội do nam giới kiểm soát, nơi họ không được đánh giá dựa trên trí tuệ hay khả năng độc lập.

Trong bối cảnh lịch sử thế kỷ XVIII ở nước Anh và nhiều nước khác, khi định kiến giới đang giam hãm người phụ nữ trong gia đình mà không có quyền giáo dục và các quyền khác, Wollstonecraft đã nhiều lần khẳng định: “phụ nữ không thể bị ép buộc, bằng vũ lực, vào những công việc nội trợ; bởi lẽ, dù có thiếu tri thức đến đâu, họ vẫn sẽ can thiệp vào những vấn đề quan trọng hơn, bỏ quên bổn phận cá nhân chỉ để, bằng những mánh khéo khéo léo, làm xáo trộn trật tự lý tính của những kế hoạch vượt quá tầm hiểu biết của họ” [8, tr. 23]. Với Wollstonecraft, việc cố gắng giới hạn phụ nữ trong các trách nhiệm gia đình là một nỗ lực vô ích, dẫn đến phụ nữ có xu hướng sử dụng những mánh khéo xảo quyệt (“cunning tricks”) thay vì dựa trên lý trí và sự hiểu biết sâu sắc. Bà cho rằng nếu phụ nữ được giáo dục và trao quyền, họ sẽ có khả năng tham gia vào các vấn đề xã hội một cách có lý trí và hiệu quả hơn, thay vì phải dựa vào những phương pháp xảo quyệt và thiếu minh bạch.

Wollstonecraft đã lên án mạnh mẽ việc phụ nữ “bị giam giữ trong sự ngu dốt dưới cái tên nghe có vẻ vô hại là “sự ngây thơ”” [8, tr. 45]. Điều này là nguyên nhân dẫn đến những hành vi không đúng mực và sự kém cỏi trong ứng xử của phụ nữ. Bà cho rằng, nếu phụ nữ không phải là những sinh vật hời hợt, thì việc họ bị giữ trong tình trạng thiếu hiểu biết là điều vô lý. Sự thiếu hiểu biết, theo Wollstonecraft, không chỉ làm cho tâm trí trở nên bất ổn mà còn dẫn đến những hành vi tiêu cực do thiếu nền tảng vững chắc. Bà công kích những kỳ vọng sai lầm về phụ nữ, đặc biệt là việc phụ nữ được dạy từ nhỏ rằng sự “ngây thơ” và “hiền dịu” là những phẩm chất đủ để nhận được sự bảo vệ của đàn ông. Những phẩm chất này không phải là dấu hiệu của trí tuệ và khả năng, mà là những yếu tố bề ngoài giúp duy trì vai trò phụ thuộc của phụ nữ trong xã hội [Xem 8, tr. 45].

Wollstonecraft cho rằng phụ nữ khi rèn luyện thể chất và trí tuệ, đồng thời quản lý gia đình và thực hành các đức tính khác, họ sẽ trở thành bạn đồng hành thực sự, chứ không còn là người phụ thuộc vào chồng. Bà nhấn mạnh rằng khi một người phụ nữ có những phẩm chất thực

sự đáng quý, họ không cần phải che giấu tình cảm hay giả vờ lạnh lùng để kích thích đam mê của chồng. Bà chỉ ra rằng, thực tế trong lịch sử, “những người phụ nữ đã tạo được dấu ấn không phải là những người đẹp nhất hay dịu dàng nhất trong giới nữ” [8, tr. 55]. Điều này cho thấy giá trị thực sự của phụ nữ không nằm ở vẻ bề ngoài hay sự yếu đuối mà ở những phẩm chất nội tại và sự cống hiến của họ cho gia đình và xã hội. Vì vậy, bà chỉ trích những tiêu chuẩn xã hội buộc phụ nữ phải sử dụng vẻ đẹp hay sự dịu dàng để thu hút sự chú ý và tình cảm từ nam giới. Bà khuyến khích phụ nữ phát triển trí tuệ và phẩm hạnh của mình một cách độc lập, không bị ràng buộc bởi những yếu tố như tính cách của người chồng mà họ có thể kết hôn. Bà cho rằng nếu phụ nữ chỉ dựa vào việc kết hôn để đạt được sự hài lòng, thì họ sẽ chỉ đạt được một “vương miện nhỏ nhoi” (paltry crown) [8, tr. 58] và không phát triển được tiềm năng trí tuệ và phẩm hạnh của mình. Sự phát triển cá nhân và phẩm hạnh của phụ nữ sẽ giúp họ duy trì bình an nội tâm ngay cả khi người chồng có những tính cách mà họ không thích. Do đó, việc giữ vững phẩm hạnh và trí tuệ thông qua giáo dục là quan trọng hơn việc thích ứng với những yếu kém của người chồng.

Mặc dù Wollstonecraft công nhận sức mạnh cơ thể có thể mang lại cho nam giới một sự vượt trội tự nhiên so với phụ nữ, nhưng theo bà, đây chỉ là cơ sở duy nhất để xây dựng sự vượt trội của nam giới và không thể được dùng để chứng minh sự vượt trội về đạo đức hay tri thức. Bà khẳng định rằng đức hạnh và tri thức của cả hai giới phải tương đương về bản chất và phụ nữ không nên bị coi là kém cỏi về đạo đức hoặc tri thức chỉ vì sự khác biệt về cơ thể. Bà chỉ trích cách giáo dục phụ nữ đương thời, mà bà cho là chỉ tạo ra những sinh vật nửa vời, không đầy đủ về mặt tri thức và đạo đức. Bà nhấn mạnh rằng phụ nữ nên được giáo dục để đạt được những đức hạnh và sự hoàn thiện nhân loại bằng cách tương tự như nam giới, chứ không phải dựa vào những giả thuyết không thực tế như trong lý thuyết của Rousseau [Xem 8, tr. 65]. Wollstonecraft kêu gọi một cách tiếp cận thực tiễn hơn trong việc giáo dục và phát triển phụ nữ.

Với Wollstonecraft, việc phụ nữ trong xã hội từ nhỏ đã được dạy rằng sắc đẹp là quyền lực của họ, đã làm cho trí óc của họ chỉ tập trung vào cơ thể và tìm cách trang điểm cho “nhà tù” của họ. Trong khi nam giới có nhiều công việc và hoạt động giúp họ mở rộng tầm nhìn và phát triển trí tuệ, phụ nữ lại bị gò bó trong một vai trò hạn chế và chỉ chú trọng đến những phần không quan trọng của bản thân. Wollstonecraft tin rằng nếu trí tuệ của phụ nữ được giải phóng khỏi sự lệ thuộc vào sự kiêu ngạo và dục vọng của nam giới, họ có thể phát triển một cách tự do và toàn diện hơn [Xem 8, tr. 70-71]. Bà kêu gọi “đã đến lúc thực hiện một cuộc cách mạng trong cách hành xử của phụ nữ - đã đến lúc khôi phục phẩm giá đã mất của họ và khiến họ, như một phần của loài người, nỗ lực cải thiện bản thân để cải thiện thế giới” [8, tr. 71]. Nhìn chung, bà đã có khát vọng mạnh mẽ đối với việc thay đổi cách giáo dục, để phụ nữ không chỉ dựa vào những phẩm chất bề ngoài mà có thể tự phát triển bản thân, độc lập với sự kiểm soát của đàn ông.

#### 4. Các nhận xét và bình luận

Tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman* của Mary Wollstonecraft đã được biết đến rộng rãi tại Anh, châu Âu lục địa, Hoa Kỳ trong những năm 1790 và tiếp tục có ảnh hưởng sâu rộng đối với các diễn ngôn và phong trào đấu tranh vì quyền của phụ nữ trên toàn thế giới. Trong thế kỷ XIX, các tiểu thuyết gia, nhà báo, nhà hoạt động bãi nô, thành viên phong trào Hiến chương, tổ chức công đoàn, nhà vận động quyền bầu cử cho phụ nữ, nhà xã hội chủ nghĩa, nhà truyền giáo và nhiều nhà hoạt động nữ quyền khác đã tìm thấy trong tác phẩm này một nguồn tư liệu phong phú để củng cố lập luận và thúc đẩy các hoạt động đấu tranh cho công bằng xã hội đối với phụ nữ [2, tr. 503 - 527; 4, tr. 246 - 269; 7, tr. 248]. Những phê phán của Mary Wollstonecraft về các định kiến xã hội trong tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman* đã đặt nền móng cho phong trào nữ quyền sau này. Có thể thấy, tác phẩm không chỉ là một công trình học thuật mà còn là một

tuyên ngôn chính trị mạnh mẽ, kêu gọi cải cách triệt để về giáo dục, hôn nhân và quyền của phụ nữ. Mặc dù những thay đổi mà bà kêu gọi không được thực hiện ngay lập tức, nhưng tư tưởng của Wollstonecraft đã có ảnh hưởng lớn đến các nhà nữ quyền thế kỷ XIX và XX, như Elizabeth Cady Stanton, Susan B. Anthony [3] và ở mức độ nhất định có cả Simone de Beauvoir.

Beauvoir nhấn mạnh rằng phong trào nữ quyền ban đầu do Condorcet khởi xướng ở Pháp và Mary Wollstonecraft ở Anh đã không thành công vì thiếu một nền tảng cụ thể [1, tr. 172]. Trong tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman*, Wollstonecraft đã đòi hỏi quyền bình đẳng giáo dục và các cơ hội xã hội cho phụ nữ. Tuy nhiên, Beauvoir cho rằng những yêu cầu đó chưa đủ thuyết phục vì thiếu sự hỗ trợ thực tiễn, như một cơ sở kinh tế hoặc chính trị mạnh mẽ. Trong tác phẩm *The Second Sex* (Giới tính thứ hai), Beauvoir nhấn mạnh rằng giải phóng phụ nữ chỉ có thể xảy ra khi họ được công nhận và có vai trò độc lập trong xã hội. Phong trào nữ quyền không được chỉ dừng lại ở việc kêu gọi sự bình đẳng về lý thuyết, mà còn phải đấu tranh cho những thay đổi cơ cấu trong xã hội, bao gồm quyền kinh tế và chính trị, mới có thể mang lại sự giải phóng thực sự cho phụ nữ.

Trước Wollstonecraft, các nhà nữ quyền như Condorcet và Olympe de Gouges đã ra quan điểm và bảo vệ quyền bình đẳng giới, nhưng tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman* (1792) của Wollstonecraft đã đi sâu vào lý giải triết học, đưa ra mô hình hùng biện về vấn đề này và có ảnh hưởng rộng lớn trên phạm vi quốc tế. Câu hỏi mà Mary Robinson đưa ra trong *Letter to the Women of England* (1799): “Phải chăng phụ nữ không phải là một con người?” [6, tr. 2] đã phản ánh rõ sự áp dụng trực tiếp những lập luận của Wollstonecraft trong việc xác định quyền con người cho phụ nữ. Điều này khẳng định mối liên hệ bền vững giữa nhân quyền và nữ quyền, các phong trào nữ quyền không chỉ là một cuộc đấu tranh đơn lẻ mà còn là một phong trào có tầm ảnh hưởng lâu dài.

Vào năm 1901, nhà sử học Elvira Lopez của Argentina đã công nhận *A Vindication of the Rights of Woman* là văn bản nền tảng thúc đẩy quá trình quốc tế hóa của phong trào nữ quyền hiện đại [5, tr. 168]. Điều này cho thấy những tư tưởng của Wollstonecraft không chỉ có ảnh hưởng tại Anh mà còn lan rộng ra toàn thế giới, tạo tiền đề cho các phong trào đấu tranh nữ quyền quốc tế sau này. Những phê phán của Wollstonecraft về các định kiến giới đã tạo ra một sự thay đổi lớn trong cách xã hội nhìn nhận về vai trò của phụ nữ. Trước đó, phụ nữ thường bị coi là những sinh vật yếu đuối, cần được bảo vệ và không có khả năng tự lập. Tuy nhiên, qua các lập luận của Wollstonecraft, bà đã thách thức quan niệm này và khẳng định rằng phụ nữ cũng có khả năng lý trí, cũng có khả năng đóng góp cho xã hội nếu được tiếp cận giáo dục công bằng.

Tư tưởng của Wollstonecraft về giáo dục bình đẳng cho phụ nữ đã trở thành nền tảng cho nhiều phong trào giáo dục nữ quyền sau này. Các trường học nữ quyền và chương trình giáo dục dành riêng cho phụ nữ được thành lập trong thế kỷ XIX và XX (Trường Mount Holyoke College thành lập năm 1837 tại Hoa Kỳ và Bedford College thành lập năm 1849 tại Anh) chính là kết quả trực tiếp từ những phê phán và đề xuất của bà. Những cơ sở giáo dục này không chỉ tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận tri thức mà còn thúc đẩy sự bình đẳng giới trong giáo dục, theo đúng tinh thần của Wollstonecraft về việc phụ nữ xứng đáng được giáo dục toàn diện để phát triển cả về trí tuệ lẫn nhân cách.

Wollstonecraft không chỉ phê phán sự bất công về mặt xã hội mà còn kêu gọi một cuộc cách mạng trong cách phụ nữ nhìn nhận về chính mình. Bà khuyến khích phụ nữ hãy tự tìm kiếm sự tự do và độc lập thông qua việc phát triển tri thức và rèn luyện lý trí. Quan điểm này đã tạo cảm hứng cho nhiều phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng trong thế kỷ XX và XXI, đặc biệt là quyền tự chủ của phụ nữ trong các lĩnh vực như giáo dục, công việc và đời sống cá nhân. Tư tưởng của Wollstonecraft không chỉ ảnh hưởng đến

phong trào nữ quyền, còn góp phần quan trọng vào việc phát triển các lý thuyết triết học về quyền con người. Bà là một trong những người đầu tiên liên kết quyền phụ nữ với quyền con người, khẳng định rằng phụ nữ không thể

bị loại trừ khỏi các quyền cơ bản chỉ vì giới tính. Điều này đã giúp mở rộng phạm vi của các phong trào nhân quyền và tạo tiền đề cho những cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng giới tính trong các hiệp ước quốc tế sau này.

## 5. Kết luận

Tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman* của Mary Wollstonecraft là một bước ngoặt trong lịch sử nữ quyền, không chỉ bởi những tư tưởng tiến bộ về quyền của phụ nữ mà còn vì cách bà phê phán sâu sắc những định kiến xã hội về giới nữ trong thời kỳ đó. Wollstonecraft đã chỉ ra rằng, việc phụ nữ bị xem nhẹ trong giáo dục và bị ràng buộc bởi những kỳ vọng xã hội đã cản trở sự phát triển toàn diện của họ. Đối với bà, những định kiến xã hội không chỉ là sự áp đặt từ phía nam giới mà còn là hệ quả của một hệ thống giáo dục và văn hóa thiếu công bằng. Wollstonecraft đã kêu gọi một sự thay đổi trong cách giáo dục phụ nữ, từ việc chỉ dạy họ trở thành những người “trang trí” cho cuộc sống của nam giới sang việc trang bị cho họ kiến thức và kỹ năng để trở thành những công dân có ích cho xã hội. Bà lập luận rằng, nếu phụ nữ được giáo dục đúng cách, họ không chỉ trở thành những người vợ, người mẹ tốt hơn mà còn đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội nói chung. Wollstonecraft đã mở ra con đường cho việc đòi hỏi quyền bình đẳng giới trong giáo dục, công việc, và quyền công dân. Mặc dù tác phẩm của bà không mang lại những thay đổi ngay lập tức trong xã hội, nhưng nó đã đặt nền tảng cho phong trào nữ quyền thế kỷ XIX - XX và truyền cảm hứng

cho nhiều nhà hoạt động nữ quyền sau này, từ Elizabeth Cady Stanton cho đến Simone de Beauvoir và tiếp tục ảnh hưởng đến các phong trào đấu tranh vì quyền phụ nữ toàn cầu. Tác phẩm của bà là một lời kêu gọi mạnh mẽ về quyền tự do, bình đẳng và tự chủ của phụ nữ, thách thức mọi hình thức áp bức và định kiến giới trong xã hội.

Di sản của Mary Wollstonecraft không chỉ dừng lại ở những tư tưởng mà bà đưa ra mà còn ở sự dũng cảm của bà trong việc lên tiếng chống lại những bất công xã hội, mở ra con đường cho sự tiến bộ và phát triển của nữ quyền hiện đại. Những phê phán của bà về định kiến xã hội đối với phụ nữ đã tạo ra nền tảng lý luận cho việc xem xét lại vị trí và vai trò của phụ nữ trong xã hội, thúc đẩy quá trình thay đổi quan niệm về giới tính và bình đẳng giới trong nhiều thế kỷ sau. Với tác phẩm *A Vindication of the Rights of Woman*, Wollstonecraft đã chứng minh rằng sự thay đổi về vị thế của phụ nữ không chỉ là một vấn đề cá nhân hay gia đình, mà là một vấn đề xã hội rộng lớn, đòi hỏi sự cải cách từ giáo dục, chính trị cho đến kinh tế. Những tư tưởng và quan điểm của bà đã vượt qua thời gian, tiếp tục ảnh hưởng đến các cuộc tranh luận về quyền con người, quyền phụ nữ và bình đẳng giới cho đến ngày nay./.

### CHÚ THÍCH

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mã số CS.2025.08 (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

## ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Simone de Beauvoir (2011): *The Second Sex*, Vintage Books, New York.
2. Eileen Hunt Botting (2013): "Wollstonecraft in Europe, 1792-1904: A Revisionist Reception History," *History of European Ideas*, Vol. 39, No.4 (May), pp. 503-527.
3. Encyclop-dia Britannica, inc. (2024b, August 1): *Mary Wollstonecraft*. Encyclop-dia Britannica, Nguồn: <https://www.britannica.com/biography/Mary-Wollstonecraft>. Truy cập ngày 05 tháng 9 năm 2024.
4. Cora Kaplan (2002): "Mary Wollstonecraft's Reception and Legacies," in *The Cambridge Companion to Mary Wollstonecraft*, ed. Claudia L. Johnson, Cambridge University Press, pp. 246 -269.
5. Elvira Lopez (1901): *El Movimiento Feminista*, Universidad de Buenos Aires, Buenos Aires
6. Mary Robinson (1799): *A Letter to the Women of England, on the Injustice of Mental Subordination*. Longman, London.
7. Barbara Taylor (2003): *Mary Wollstonecraft and the Feminist Imagination*, Cambridge University Press.
8. Mary Wollstonecraft (2014): *A Vindication of the Rights of Woman*, edited and with an Introduction by Eileen Hunt Botting, Yale University Press.



# MỐI LIÊN HỆ GIỮA KINH DỊCH VÀ Y HỌC CỔ TRUYỀN: TỪ KINH ĐIỂN TRUNG HOA ĐẾN Y TÔNG VIỆT NAM

THS. BS. Đỗ Anh Tuấn \*

**Tóm tắt:** *Nền tảng triết học của Y học cổ truyền (YHCT) Á Đông, có nguồn gốc sâu xa từ các hệ thống tư tưởng triết học phương Đông, trong đó có Kinh Dịch với tư tưởng về Âm-Dương, Ngũ Hành, Bát Quái, cùng các nguyên lý về Biến Dịch, Chính thể và Thiên Nhân Tương ứng, ... đã định hình nên thế giới quan và phương pháp luận của YHCT. Sự thấm thấu và vận dụng các tư tưởng triết học này trong việc kiến tạo hệ thống lý luận y học, như được phản ánh qua các y văn kinh điển (Hoàng Đế Nội Kinh, Thương Hàn Luận) và các tài liệu YHCT hiện hành. Sự tiếp biến và phát triển các tư tưởng này trong các bối cảnh cụ thể, như trường hợp của Hải Thượng Lãn Ông tại Việt Nam, cũng được xem xét như một minh chứng cho tính năng động của truyền thống y học-triết học này... Bài viết góp phần làm sáng tỏ bản chất triết học của YHCT, xem xét nó như một hệ hình tri thức độc đáo, đồng thời gợi mở những suy tư về tính đa dạng của tri thức y khoa, vai trò của triết học trong y học và ý nghĩa của việc đối thoại giữa các hệ hình y khoa khác biệt trong bối cảnh đương đại.*

**Từ khóa:** Triết học, Kinh Dịch, Y học, Y học cổ truyền, Y học hiện đại, Hải Thượng Lãn Ông.

**Nhận bài:** 5/4/2025; đưa vào quy trình biên tập 5/4/2025; duyệt đăng 25/6/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy của lịch sử tư tưởng nhân loại, mối quan hệ giữa triết học và y học luôn mật thiết và đa chiều. Mỗi hệ thống y học, dù cổ xưa hay hiện đại, đều vận hành trong một khung nhận thức luận và dựa trên những giả định bản thể luận nhất định về thế giới, con người và mối quan hệ giữa chúng. Y học hiện đại (YHHĐ) phương Tây, với nền tảng khoa học thực chứng và phương pháp luận phân tích, đã đạt được những thành tựu vượt bậc. Tuy nhiên, hệ hình này cũng có những giới hạn nhất định trong việc tiếp cận các khía cạnh tổng thể và tính cá thể hóa. Y học cổ truyền (YHCT) Á Đông, một hệ thống y học có lịch sử lâu đời và vẫn duy trì sức sống, lại được định hình bởi một vũ trụ quan và nhân sinh quan khác biệt, bắt nguồn sâu xa từ các hệ thống triết học bản địa [2, tr. 7; 8, tr. 17-20].

Việc tìm hiểu YHCT, do đó, đòi hỏi một sự tiếp cận liên ngành, đặc biệt là từ góc độ triết học, để có thể lý giải được nền tảng tư tưởng và logic nội tại của nó. Từ việc tiếp cận các văn bản và lý thuyết YHCT thường đặt ra những thách thức về mặt nhận thức luận. Các khái niệm trung tâm như Âm-Dương, Ngũ Hành, Thiên nhân hợp nhất, Khí [2, tr. 12-25; 8, tr. 27-94]... vận hành theo một logic khác biệt so với các khái niệm sinh hóa hay giải phẫu của YHHĐ.

Kinh Dịch (易經) [6] thường được xem là một trong những khởi nguồn triết học quan trọng nhất, có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lĩnh vực, bao gồm cả y học [4, tr. 9]. Kinh Dịch không chỉ cung cấp các khái niệm mà còn đề xuất một phương pháp tư duy dựa trên các mô hình biểu tượng, tư duy biện chứng và quan điểm về

sự vận động, biến hóa không ngừng của vũ trụ [3, tr. 10-11]. Các diễn giải hiện đại về Kinh Dịch cũng giúp làm rõ hơn các khái niệm phức tạp và mối liên hệ tiềm tàng của chúng với các lĩnh vực ứng dụng.

Ảnh hưởng của hệ hình tư duy và các phạm trù triết học Kinh Dịch có thể được nhận thấy rõ nét trong các y văn kinh điển đặt nền móng cho YHCT như Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn [7], nơi các nguyên lý Âm-Dương, Ngũ Hành được trình bày như những quy luật phổ quát chi phối sự sống [7, tr. 49], hay Thương Hàn Luận [12], một tác phẩm thể hiện sâu sắc phương pháp luận biện chứng dựa trên sự quan sát diễn biến bệnh tật [12, tr. 4]. Hệ thống lý luận được xây dựng từ nền tảng triết học này tiếp tục được các thế hệ y gia kế thừa, phát triển và hệ thống hóa trong các tài liệu YHCT cho đến ngày nay [2, 8, 9, 10].

## 2. Nội dung

### 2.1. Các phạm trù Triết học trong Kinh Dịch và sự thâm thấu vào Y học cổ truyền

Phạm trù triết học trong Kinh Dịch như Âm-Dương, Ngũ hành, khí, ... đã cung cấp một bộ công cụ khái niệm và phương pháp luận độc đáo để nhận thức và diễn giải thế giới. Các phạm trù này đã được YHCT hấp thụ và trở thành nền tảng cho hệ thống lý luận của mình, định hình nên cách tiếp cận đặc thù về cơ thể và bệnh tật. Việc phân tích sâu các phạm trù này là chìa khóa để hiểu được logic nội tại của hệ hình YHCT.

*Một là, bản thể luận nhị nguyên và tư duy biện chứng Âm-Dương*

Mô hình Âm-Dương [6, tr. 22-23], [3, tr. 11-13] là hạt nhân vũ trụ quan của Kinh Dịch và triết học phương Đông nói chung. Nó không chỉ đơn thuần là sự phân chia thế giới thành hai cực đối lập (như sáng/tối, nóng/lạnh, động/tĩnh...) mà còn là một bản thể luận biện chứng phức tạp. Theo thuyết Âm-Dương, thực tại được cấu thành từ sự tương tác không ngừng của hai nguyên lý đối lập nhưng lại cùng là gốc rễ của nhau (hỗ căn), phụ thuộc

lẫn nhau trong vận động tăng trưởng hay suy giảm (tiêu trưởng), duy trì một trạng thái cân bằng động tương đối (bình hành), và có khả năng chuyển hóa sang mặt đối lập trong những điều kiện nhất định (chuyển hóa) [2, tr. 13-14], [8, tr. 30-31]. Thế giới không tĩnh tại, nhị phân cứng nhắc, mà là quá trình sinh thành, vận động liên tục, các mặt đối lập vừa đấu tranh vừa thống nhất, thúc đẩy sự phát triển. Sự tương tác Âm - Dương còn thể hiện ở chỗ: trong Âm có Dương và trong Dương có Âm (Âm trung hữu Dương, Dương trung hữu Âm), cho phép diễn giải những trạng thái trung gian và đa chiều của thực tại.

YHCT đã tiếp nhận mô hình này như một nguyên lý bản thể luận và phương pháp luận cơ bản để giải thích mọi hiện tượng sinh học [2, tr. 12]. Hoàng Đế Nội Kinh [7, tr. 49] đã khái quát vai trò nền tảng của nó: "Âm dương giả, thiên địa chi đạo dã, vạn vật chi kỷ cương, biến hóa chi phụ mẫu, sinh sát chi bản thủy, thần minh chi phủ dã" (Âm dương là đạo của trời đất, là giường mối của muôn vật, là cha mẹ của sự biến hóa, là gốc ngọn của sự sinh sát, là cái kho chứa mọi sự thần minh). Âm-Dương được xem là nguyên lý phổ quát, chi phối mọi sự biến đổi, sinh trưởng và hủy diệt.

YHCT đã vận dụng thuyết Âm-Dương một cách hệ thống để: (1) Phân loại cấu trúc cơ thể (Tạng/Phủ, Khí/Huyết, Biểu/Lý, ...); (2) Giải thích chức năng sinh lý (hoạt động sống là sự cân bằng Âm - Dương [7, tr. 32]); (3) Lý giải cơ chế bệnh sinh (bệnh tật là do Âm-Dương mất cân bằng: thiên thắng, thiên suy [7, tr. 51]); (4) Làm cơ sở cho chẩn đoán (Bát cương lấy Âm-Dương làm tổng cương [10, tr. 19]); và (5) Định hướng cho mọi nguyên tắc điều trị (mục tiêu là tái lập cân bằng Âm-Dương [5, 9, 11]).

*Hai là, mô hình Hệ thống và Tương quan Ngũ Hành:*

Nếu Âm-Dương cung cấp cái nhìn biện chứng về cấu trúc nhị nguyên của thực tại, thì Ngũ Hành (Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy) [2, tr. 16-18], [3, tr. 28-32], có nguồn gốc liên quan đến các sơ đồ triết học cổ như Hà Đồ, Lạc Thư [3, tr. 24-28], lại đưa ra một mô hình

hệ thống để mô tả các mối quan hệ tương tác phức tạp và các chu trình vận động trong vũ trụ và cơ thể con người. Ngũ Hành không chỉ là năm yếu tố vật chất mà là năm phạm trù triết học biểu thị các trạng thái vận động (Mộc tượng trưng cho sự sinh sôi, phát triển; Hỏa cho sự ấm nóng, hướng thượng; Thổ cho sự nuôi dưỡng, trung hòa; Kim cho sự thu liễm, trong sạch; Thủy cho sự lạnh lẽo, tiềm tàng, đi xuống) và các mối quan hệ tương tác cơ bản.

Các quy luật tương sinh (thúc đẩy), tương khắc (chế ước), cùng với các trạng thái bệnh lý tương thừa (khắc quá mức) và tương vũ (khắc ngược lại) [2, tr. 17-19; 8, tr. 35-40] tạo thành một hệ thống động, có tính chu kỳ (sinh) và có cơ chế tự điều chỉnh, kiểm soát (khắc) để duy trì sự cân bằng. Điều này cho thấy mô hình Ngũ Hành có khả năng giải thích cả trật tự (sinh, khắc) và sự rối loạn (thừa, vũ) trong cùng một khung mẫu logic.

YHCT đã vận dụng mô hình này như một hệ thống phân loại và liên kết cực kỳ rộng rãi, quy nạp các cơ quan (tạng Phủ), mô (ngũ thể), giác quan (ngũ quan), cảm xúc (ngũ chí), âm thanh (ngũ thanh), màu sắc (ngũ sắc), vị (ngũ vị), mùa tiết, ... vào một mạng lưới tương quan hữu cơ [8, tr. 41-42]. Ví dụ, tạng can được quy vào hành mộc, có chức năng sơ tiết, tàng huyết, chủ về gân, khai khiếu ra mắt, tương ứng với mùa xuân, màu xanh, vị chua, tình chí giận [8, tr. 48-49]. Sự quy nạp này dựa trên phép loại suy (analogy) và quan sát hiện tượng hơn là thực nghiệm giải phẫu - sinh lý theo kiểu YHHĐ, cung cấp một công cụ tư duy hệ thống mạnh mẽ cho YHCT, giúp liên kết các biểu hiện tương như rời rạc của cơ thể, lý giải các mối liên hệ chức năng phức tạp (ví dụ can mộc khắc tỳ thổ giải thích ảnh hưởng của stress đến tiêu hóa) và dự đoán sự lan truyền bệnh lý giữa các tạng phủ [8, tr. 39].

*Ba là, hệ thống biểu tượng và tư duy tượng số Bát quái*

Kinh Dịch được xây dựng trên một hệ thống biểu tượng độc đáo, khởi đầu từ hai vạch Âm (--) và Dương (+), tổ hợp thành Tứ tượng,

rồi thành Bát Quái (tám quẻ đơn: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài) [6, tr. 17-19; 3, tr. 14-16], và cuối cùng là 64 quẻ kép. Quá trình này, từ Thái Cực (nguyên sơ) sinh Lưỡng Nghi (Âm-Dương), Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, có thể được xem là một mô hình vũ trụ luận mô tả quá trình hình thành và phân hóa của thế giới từ cái đơn nhất đến cái đa dạng.

Bản thân Bát quái [6, tr. 19-21; 3, tr. 16-24] là những biểu tượng trừu tượng, mỗi quẻ tượng trưng cho một hình ảnh (thiên, địa, thủy, hỏa, sơn, trạch, lôi, phong), một thuộc tính, một trạng thái vận động hoặc một phương vị trong không gian. Hệ thống này thể hiện một lối tư duy tượng số (sử dụng hình ảnh, biểu tượng và các mối liên hệ tương ứng để nắm bắt quy luật) đặc trưng của triết học cổ phương Đông. Đây là một phương pháp luận nhận thức khác biệt với tư duy logic-ngôn ngữ hay tư duy thực nghiệm của phương Tây.

Mặc dù việc ứng dụng trực tiếp Bát quái vào lý luận YHCT đại cương trong các giáo trình hiện đại [2, 8] không rõ ràng và hệ thống bằng Âm-Dương hay Ngũ Hành, nền tảng tư duy này vẫn có ảnh hưởng tiềm ẩn. Nó có thể đóng vai trò nhất định trong việc cấu trúc hóa tư duy về các mối quan hệ phức tạp trong cơ thể hoặc được vận dụng trong các lĩnh vực chuyên biệt như chẩn đoán Dịch lý, lý giải sâu về Tạng Phủ theo tượng quẻ (ví dụ: Tâm thuộc Ly Hỏa, Thận thuộc Khảm Thủy), hoặc các phương pháp châm cứu theo thời gian và không gian (thời châm, bát pháp giao hội huyết...) [4, tr. 52-68; 3, tr. 117-118]. Việc nghiên cứu Bát quái giúp hiểu thêm về phương pháp nhận thức biểu tượng trong văn hóa phương Đông và nỗ lực của cổ nhân trong việc xây dựng các mô hình trừu tượng để khái quát hóa thực tại.

*Bốn là, triết lý về biến dịch và thời*

Nguyên lý trung tâm và có lẽ là độc đáo nhất của Kinh dịch là sự "biến dịch" [6, tr. 39-40; 3, tr. 10-11]. Chữ "Dịch" (易) mang trong nó sự phức tạp về ngữ nghĩa, thường được giải thích qua ba khía cạnh chính: (1) Biến dịch: Mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ không

bao giờ đứng yên mà luôn luôn vận động, thay đổi, biến hóa không ngừng. (2) Giao dịch: Sự biến đổi không diễn ra một cách cô lập mà là kết quả của sự tương tác, trao đổi, giao cảm giữa các yếu tố, các mặt đối lập. (3) Bất dịch: Ẩn sau sự biến đổi không ngừng đó là những quy luật phổ quát, những nguyên lý căn bản không thay đổi, chi phối sự vận động của vũ trụ (như quy luật Âm-Dương, Ngũ Hành).

Triết lý về biến dịch hàm chứa một cái nhìn sâu sắc về bản chất động và tương tác của thực tại, đồng thời thừa nhận cả tính quy luật trong sự thay đổi. Nó cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của "Thời" - thời gian, thời cơ, thời thế - trong việc hiểu và ứng phó với sự biến đổi. Nhận thức và hành động phải phù hợp với "thời", thuận theo quy luật biến hóa mới có thể thành công và tránh được tai họa.

Triết lý này đã định hình nên một nhận thức luận về sự biến đổi trong YHCT. Cơ thể con người và bệnh tật không được xem là những thực thể tĩnh tại, cố định, mà là những quá trình động, luôn trong trạng thái vận động, chuyển hóa và tương tác với môi trường [2, tr. 9]. *Thương Hàn Luận* [12] của Trương Trọng Cảnh là một kiệt tác thể hiện rõ nét phương pháp luận dựa trên nguyên lý Biến Dịch. Hệ thống Lục kinh biện chứng (Thái dương -> Dương minh -> Thiếu dương -> Thái âm -> Thiếu âm -> Quyết âm) [12, tr. 4] mô tả chi tiết sự truyền kinh, tức là sự biến đổi, tiến triển của bệnh tà trong cơ thể theo thời gian và theo sự tương tác giữa chính khí và tà khí. Việc xác định bệnh đang ở giai đoạn nào (kinh nào) và xu hướng diễn biến (truyền kinh hay không) là cơ sở để lựa chọn phương pháp điều trị phù hợp. Quan điểm về tính động này cũng là nền tảng cho nguyên tắc điều trị cốt lõi của YHCT là "biện chứng luận trị" - phải xem xét một cách toàn diện, cụ thể tình trạng bệnh nhân ở từng thời điểm để đưa ra pháp điều trị linh hoạt, chứ không áp dụng một công thức cố định cho mọi trường hợp ("đồng bệnh dị trị, dị bệnh đồng trị") [8, tr. 124; 11; 12]. Tinh thần "Trị vị bệnh" (chữa bệnh khi chưa phát) [7, tr. 23] cũng phản ánh triết lý này - can thiệp sớm

dựa trên việc nhận biết các dấu hiệu biến đổi ban đầu.

*Năm là, quan niệm chỉnh thể và Thiên nhân tương ứng*

Trái ngược với khuynh hướng phân tích, chia tách đối tượng thành các bộ phận riêng lẻ để nghiên cứu trong khoa học phương Tây truyền thống, triết học phương Đông, trong đó có Kinh dịch, thường nhấn mạnh quan niệm chỉnh thể (holism) [6, (khái niệm); 4, tr. 14-15]. Vũ trụ được xem là một thể hữu cơ thống nhất, nơi mọi bộ phận đều liên kết, tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau. Con người, theo đó, cũng được nhìn nhận như một tiểu vũ trụ, một chỉnh thể toàn vẹn và không thể phân chia [2, tr. 9; 8, tr. 28]. Các bộ phận cơ thể (tạng Phủ, kinh lạc, khí huyết...) không tồn tại biệt lập mà liên hệ mật thiết, tạo thành một mạng lưới chức năng phức tạp. Tương tự, thể chất và tinh thần (hình và thần) cũng là một thể thống nhất, ảnh hưởng qua lại sâu sắc [7, tr. 32].

Quan niệm chỉnh thể này tiếp tục được mở rộng ra mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên thông qua nguyên lý Thiên nhân hợp Nhất hay Thiên nhân tương ứng [7, tr. 120; 4, tr. 15-17]. Con người không tách biệt khỏi tự nhiên mà là một bộ phận của nó, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên và có sự tương ứng về cấu trúc, chức năng với vũ trụ (ví dụ: sự tương ứng giữa ngũ tạng với ngũ hành, ngũ phương; sự ảnh hưởng của bốn mùa, ngày đêm đến hoạt động sinh lý, ...). Sức khỏe, theo đó là trạng thái hài hòa cả bên trong cơ thể (Âm-Dương, Ngũ hành cân bằng) và hài hòa giữa cơ thể với môi trường tự nhiên. Bệnh tật có thể phát sinh do sự mất cân bằng nội tại hoặc do sự không thích ứng, mất hài hòa với các yếu tố môi trường (như Lục khí: phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa khi trở thành tác nhân gây bệnh - Lục dâm) [8, tr. 70-73]. Quan niệm Thiên Nhân Tương ứng là cơ sở triết học cho việc YHCT rất coi trọng yếu tố thời tiết, khí hậu, mùa tiết trong chẩn đoán và điều trị, cũng như đề cao các phương pháp dưỡng sinh nhằm mục đích sống hòa hợp, thuận theo tự nhiên để bảo vệ sức khỏe [7, tr. 13, 21-27].

## 2.2. Tư tưởng Y học - Triết học của Hải Thượng Lãn Ông: sự tiếp biến và phát triển ở Việt Nam

"Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh" [5] của Hải Thượng lãn ông - Lê Hữu Trác là một di sản đồ sộ, cho thấy sự tiếp nhận sâu sắc các nền tảng triết học và y lý cổ điển, đồng thời thể hiện một tư duy độc lập, phê phán và sáng tạo trong bối cảnh Việt Nam thế kỷ XVIII. Công trình của ông là minh chứng cho quá trình tiếp biến văn hóa và sự phát triển của tư tưởng y học - triết học tại Việt Nam.

*Một là, sự vận dụng nhuần nhuyễn và thực tiễn các phạm trù triết học*

Hải Thượng Lãn Ông không dừng lại ở việc trích dẫn kinh điển mà thực sự vận dụng các nguyên lý triết học vào thực hành y khoa một cách linh hoạt và sâu sắc. Ông xem việc "thẩm xét âm dương" là bước đầu tiên và cốt yếu trong chẩn đoán [5, tr. 71, Y Hải Cầu Nguyên], coi cân bằng Âm-Dương là mục tiêu điều trị nền tảng [5, tr. 62, Vệ Sinh Yếu Quyết]. Ông vận dụng Ngũ Hành để lý giải quan hệ Tạng Phủ nhưng luôn nhấn mạnh phải "biết quyền biến", không máy móc, căn cứ vào tình hình cụ thể của người bệnh và đề cao vai trò điều hòa trung tâm của Tỳ Vị (Thổ) [5, tr. 108, Huyền Tấn Phát Vi]. Nguyên lý Biến dịch được ông quán triệt qua việc đề cao sự linh hoạt, "tùy bệnh mà cho thuốc" [5, tr. 74, Y Án], xem xét kỹ lưỡng sự thay đổi của mạch và triệu chứng trong quá trình điều trị, đồng thời phê phán gay gắt sự cứng nhắc, rập khuôn, "bảo thủ phương cũ" của một số thầy thuốc [5, tr. 55, Y Huấn Cách Ngôn]. Quan niệm Chính thể được quán triệt qua chủ trương "trị bệnh phải tìm gốc" [5, tr. 56], xem xét toàn diện người bệnh. Nguyên lý Thiên Nhân Tương ứng được ông cụ thể hóa và "Việt Nam hóa" một cách xuất sắc qua việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm và đề cao việc sử dụng thuốc Nam cho người Nam, xây dựng các lý luận về dược tính và ứng dụng của cây cỏ bản địa cho phù hợp với khí hậu và thể chất người Việt [5, tr. 137-139, Châu Ngọc Cách Ngôn]. Ông cũng biên soạn các phương pháp dưỡng sinh chi tiết, từ ăn uống, nghỉ ngơi đến điều nhiếp

tinh thần, để giúp người dân sống hòa hợp với tự nhiên, phòng tránh bệnh tật [5, tr. 61-70, Vệ Sinh Yếu Quyết].

*Hai là, tư duy biện chứng, thực tiễn và tinh thần phê phán*

Điểm nổi bật trong tư tưởng của Hải Thượng Lãn Ông là sự kết hợp hài hòa giữa lý luận uyên bác và kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Ông không chỉ thuộc lòng kinh điển mà còn liên tục đối chiếu, suy ngẫm và kiểm nghiệm qua thực tế chữa bệnh. Ông thể hiện một tư duy biện chứng sắc sảo, kế thừa có chọn lọc, không ngần ngại đưa ra những kiến giải riêng, bổ sung hoặc phê phán những điểm còn thiếu sót hay chưa phù hợp trong các sách vở xưa hoặc những sai lầm của các thầy thuốc đương thời [5, (rải rác trong các lời bàn, bình chú)]. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc "mắt thấy tai nghe" và kinh nghiệm bản thân ("biến học mênh mông, phải chăm thực hành") bên cạnh việc đọc sách thánh hiền.

*Ba là, nhận thức luận dựa trên Quan sát tổng hợp và Kinh nghiệm*

Phương pháp luận của Hải Thượng Lãn Ông là sự kết hợp giữa việc nắm vững lý luận nền tảng (lý) và khả năng quan sát tinh tế (quan), tổng hợp thông tin từ Tứ chẩn (đặc biệt là xem mạch, ông viết cả sách riêng về mạch học [5, Quyển Mạch Chẩn]) và kinh nghiệm lâm sàng dày dặn (nghiệm). Việc ông dành cả một quyển lớn để ghi lại và phân tích các ca bệnh điển hình (Y Án) [5, Quyển Y Án] cho thấy ông coi trọng việc đúc kết kinh nghiệm thực tế như một phương pháp học hỏi, kiểm chứng lý luận và truyền đạt kiến thức. Đây là một hình thức sơ khai của phương pháp nghiên cứu tình huống (case study).

*Bốn là, triết lý Y đức như nền tảng đạo đức hành nghề*

Một trong những di sản tư tưởng quan trọng và có giá trị phổ quát nhất của Hải Thượng Lãn Ông là hệ thống quan điểm về Y đức, được trình bày tâm huyết và hệ thống trong Y huấn cách ngôn [5, tr. 51-58]. Ông quan niệm nghề y là "nhân thuật" [5, tr. 51] - thuật cứu người, đòi hỏi người thầy thuốc phải có một nền tảng đạo đức vững chắc. Ông nêu lên 8 phẩm chất cần

có ("Bát Tâm Pháp": Nhân, Minh, Đức, Trí, Lượng, Thành, Khiêm, Cần) và 8 điều nên tránh ("Bát Tà": Lười, Keo, Tham, Dối, Dốt, Ác, Hẹp hòi, Thất đức). Ông nhấn mạnh lòng thương yêu người bệnh ("phải thương người như chính bản thân mình"), sự cẩn trọng trong từng bước khám chữa, đức khiêm tốn ("không được tự cao tự đại"), tinh thần học hỏi không ngừng ("phải học suốt đời") và sự liêm chính, không màng danh lợi ("không nên cầu lợi kể công"). Đối với Lãn Ông, Y đức không chỉ là quy tắc ứng xử bề ngoài mà là biểu hiện của một triết lý nhân sinh sâu sắc, gắn liền trách nhiệm xã hội và lương tâm của người trí thức trong một nghề nghiệp đặc biệt liên quan đến sinh mệnh con người.

### 2.3. Ý nghĩa triết học và đối thoại giữa các hệ hình tri thức Y khoa

Việc khảo sát nền tảng triết học của YHCT, đặc biệt qua sự phát triển tại Việt Nam với Hải Thượng Lãn Ông, mang lại nhiều ý nghĩa trong bối cảnh triết học y khoa và đối thoại liên văn hóa hiện nay.

*Một là, tính đa dạng của nhận thức luận Y khoa và vai trò của mô hình khái niệm*

Nghiên cứu này cho thấy rõ sự tồn tại của những hệ hình nhận thức luận y khoa khác biệt, với những cách thức xây dựng và kiểm chứng tri thức khác nhau. YHCT, với nền tảng triết học là Kinh dịch, sử dụng các mô hình khái niệm như Âm-Dương, Ngũ Hành, khí làm công cụ chính để cấu trúc hóa kinh nghiệm, diễn giải hiện tượng và xây dựng lý thuyết. Vai trò của các mô hình mang tính tiên nghiệm, loại suy và hệ thống này khác biệt căn bản với phương pháp luận dựa trên thực nghiệm, kiểm chứng bằng chứng và định lượng của YHHĐ. Điều này đặt ra những câu hỏi triết học quan trọng về bản chất của tri thức y khoa: Tri thức y khoa được kiến tạo như thế nào? Đây là vai trò và giới hạn của các mô hình lý thuyết so với dữ liệu thực nghiệm? Liệu có thể tồn tại song song nhiều hệ hình nhận thức luận hợp lý trong cùng một lĩnh vực thực hành như y học? Việc thừa nhận tính đa dạng này giúp tránh được chủ nghĩa duy khoa học (scientism) và mở ra khả năng học hỏi từ các hệ thống tư duy khác.

*Hai là, đối thoại giữa Chính thể và Quy giản, Động và Tĩnh*

Quan điểm chính thể (holism) và sự nhấn mạnh tính động, biến đổi (dynamism) của YHCT, được Hải Thượng Lãn Ông thể hiện rõ, tạo ra một sự đối thoại, thậm chí là một sự bổ sung cần thiết cho xu hướng quy giản (reductionism) và đôi khi là cái nhìn tĩnh tại trong YHHĐ (dù YHHĐ hiện đại cũng đang phát triển mạnh mẽ các hướng tiếp cận hệ thống và y học cá thể hóa). Việc YHCT xem xét con người trong tổng hòa các mối quan hệ nội tại (tạng phủ, khí huyết, tinh thần) và ngoại tại (môi trường, xã hội, lối sống), đồng thời coi bệnh tật là một quá trình mất cân bằng động, có thể cung cấp những góc nhìn và phương pháp tiếp cận giá trị cho YHHĐ, đặc biệt trong việc quản lý các bệnh mãn tính phức tạp, các rối loạn chức năng chưa rõ nguyên nhân thực thể, và trong lĩnh vực y học dự phòng, nâng cao sức khỏe. Sự kết hợp YHHĐ và YHCT trong điều trị một số bệnh [1, 11] có thể được xem như một thực tiễn của cuộc đối thoại này, nơi can thiệp đặc hiệu của YHHĐ được bổ sung bằng các biện pháp điều hòa tổng thể của YHCT. Tuy nhiên, cuộc đối thoại này cũng đối mặt với những thách thức trong việc "phiên dịch" các khái niệm và đánh giá hiệu quả theo những tiêu chuẩn chung, đòi hỏi sự cẩn trọng và hiểu biết sâu sắc về cả hai hệ thống.

*Ba là, bối cảnh Văn hóa, Lịch sử và Tính phổ quát/đặc thù của Tri thức Y khoa:*

Sự phát triển của YHCT tại Việt Nam qua đóng góp của Hải Thượng Lãn Ông là một minh chứng sống động cho thấy tri thức y khoa không phải là một hệ thống trừu tượng, phổ quát hoàn toàn, mà luôn được nhào nặn và biểu hiện trong một bối cảnh văn hóa, lịch sử và điều kiện tự nhiên cụ thể. Việc Lãn Ông kế thừa y lý Trung Hoa nhưng lại dày công nghiên cứu, hệ thống hóa và đề cao việc sử dụng thuốc Nam [5, tr. 137-139] cho thấy sự tương tác năng động giữa tri thức ngoại lai và nội sinh, giữa lý thuyết phổ quát và thực tiễn địa phương. Điều này gợi mở những suy nghĩ về mối quan hệ phức tạp giữa tính phổ quát

và tính đặc thù trong khoa học nói chung và y học nói riêng, và tầm quan trọng của việc nghiên cứu y học trong bối cảnh văn hóa - xã hội của nó.

*Bốn là, Y đức như một vấn đề Triết học Y khoa phổ quát và cấp thiết*

Sự nhấn mạnh đặc biệt của Hải Thượng Lãn Ông về Y đức [5, tr. 51-58], coi đó là nền tảng không thể thiếu của người thầy thuốc, vượt ra khỏi khuôn khổ YHCT để chạm đến những vấn đề triết học y khoa mang tính phổ quát và cấp thiết. Trong bối cảnh YHHĐ ngày càng phát triển như một ngành công nghiệp dịch vụ, đối mặt với áp lực thương mại hóa và nguy cơ suy giảm mối quan hệ nhân văn giữa thầy thuốc và bệnh nhân, triết lý về trách nhiệm, lòng trắc ẩn, sự liêm chính và mục đích phục vụ con người mà Lãn Ông đề cao càng trở nên có ý nghĩa. Nó đặt ra câu hỏi về mục đích tối hậu của y học: Liệu y học chỉ là kỹ thuật chữa trị cơ thể hay còn là một thực hành đạo đức nhằm xoa dịu nỗi đau và nâng đỡ con người một cách toàn diện? Việc các trường y khoa trên thế giới ngày càng chú trọng giảng dạy về y đức và nhân văn y học cho thấy sự thừa nhận tầm quan trọng của chiều kích triết học - đạo đức này.

### 3. Kết luận

Mối liên hệ giữa triết học Kinh dịch và hệ thống lý luận Y học cổ truyền là sâu sắc và mang tính cấu trúc, không chỉ dừng lại ở sự tương đồng bề mặt hay vay mượn thuật ngữ. Các phạm trù triết học nền tảng như Âm - Dương, Ngũ Hành, khí, biến dịch, chính thể, Thiên nhân tương ứng,... đã cung cấp bộ khung khái niệm và logic nội tại để YHCT kiến tạo nên một hệ hình tri thức độc đáo về con người, sức khỏe và bệnh tật.

Dòng chảy tư tưởng này, khởi nguồn từ triết học cổ đại, đã được các y gia lỗi lạc qua nhiều thế hệ phát triển và hệ thống hóa trong các y văn kinh điển như *Hoàng Đế Nội Kinh* và *Thương Hàn Luận*, và đạt đến một đỉnh cao của sự tiếp biến và sáng tạo tại Việt Nam qua sự nghiệp y học - triết học của Hải Thượng

Lãn Ông - Lê Hữu Trác. Hải Thượng Lãn Ông tiêu biểu cho sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kế thừa tri thức cổ điển và tư duy thực tiễn, sáng tạo, đặt nền móng cho một nền y học Việt Nam vừa hòa nhập với dòng chảy chung của khu vực, vừa mang đậm bản sắc dân tộc, đặc biệt là sự đề cao triết lý Y đức. Ông không chỉ là một y gia lỗi lạc mà còn là một nhà tư tưởng y học có đóng góp quan trọng vào lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Nghiên cứu tư tưởng của các danh y như Hải Thượng Lãn Ông còn góp phần làm sáng tỏ những giá trị triết học và văn hóa độc đáo trong di sản trí tuệ dân tộc, khẳng định sự cần thiết của việc tiếp cận y học trong sự thống nhất biện chứng giữa khoa học, triết học và đạo đức, một bài học quý giá cho y học trong mọi thời đại.

### ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Y tế (Nguyễn Thị Bay chủ biên) (2007): *Bệnh Học Và Điều Trị Nội Khoa (Kết Hợp Đông - Tây Y)*. Nxb. Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (Ngô Anh Dũng chủ biên) (2008): *Y Lý Y Học Cổ Truyền*. Nxb. Y học, Hà Nội.
3. Kiều Xuân Dũng (2006): *Kinh Dịch Diễn Giảng*, Nxb. Y học, Hà Nội.
4. Kiều Xuân Dũng (2010): *Ứng Dụng Của Kinh Dịch Trong Đời Sống Và Lý Luận Y Học Cổ Truyền*, Nxb. Y học, Hà Nội.
5. Lê Hữu Trác (Hải Thượng Lãn Ông) (2005): *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*. Nxb. Y học, Hà Nội.
6. Nguyễn Hiến Lê (2005): *Kinh Dịch - Đạo của người quân tử*. Nxb. Văn Học, Hà Nội.
7. Nguyễn Tử Siêu (dịch) (2009): *Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn*. Nxb. Lao Động & Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
8. Trường Đại học Y Hà Nội (Trần Thuý, Phạm Duy Nhạc, Hoàng Bảo Châu) (2005): *Bài Giảng Y Học Cổ Truyền*, Tập I, Nxb. Y học, Hà Nội.
9. Trường Đại học Y Hà Nội (Trần Thuý, Phạm Duy Nhạc, Hoàng Bảo Châu) (2005): *Bài Giảng Y Học Cổ Truyền*, Tập II, Nxb. Y học, Hà Nội.
10. Trường Đại học Y Hà Nội (Trần Thuý, Vũ Nam) (2006): *Chẩn Đoán Học Y Học Cổ Truyền*. Nxb. Y học, Hà Nội.
11. Trường Đại học Y Hà Nội (Trần Thuý chủ biên) (2006): *Điều Trị Học Kết Hợp Y Học Hiện Đại Và Y Học Cổ Truyền*. Nxb. Y học, Hà Nội.
12. Trương Trọng Cảnh (Trương Chứng dịch) (1996): *Thương Hàn Luận*. Nxb. Đồng Nai.

# DOANH NHÂN THANH HÓA MUỐN ĐƯA SẢN PHẨM QUÊ HƯƠNG VƯƠN XA CÙNG "VỀ QUÊ LÀM GIÀU"

Phương Thảo

*Thông qua chương trình "Về quê làm giàu", doanh nhân tại Thanh Hóa mong muốn những sản phẩm nông nghiệp địa phương sẽ vươn xa, được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.*

Thanh Hóa là mảnh đất với nhiều sản phẩm nông nghiệp, đặc sản nổi tiếng. Tại đây có nhiều làng nghề truyền thống được gìn giữ và phát triển theo thời đại, đưa sản vật vươn ra khắp mọi địa phương trên cả nước, thậm chí ra nước ngoài.

Chương trình "Về quê làm giàu" với tinh thần lan tỏa hình ảnh kinh tế nông thôn, đặc biệt là sản phẩm địa phương tâm đắc với những đặc sản tại xứ Thanh. Trong 2 lần đến với Thanh Hóa, chương trình đã phối hợp cùng các doanh nghiệp, hộ kinh doanh quảng bá nhiều đặc sản tới tay người tiêu dùng.

Sự kiện Phiên chợ quê của "Về quê làm giàu" thu hút đông đảo người dân quan tâm.

Trong sự kiện Phiên chợ quê của "Về quê làm giàu" diễn ra tại Quảng Xương (Thanh Hóa), chương trình có dịp kết nối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh để lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của họ trong phát triển nông sản địa phương.



*Doanh nhân Trần Văn Tân muốn cùng "Về quê làm giàu" đưa nông sản Thanh Hóa vươn xa hơn nữa.*

Ông Trần Văn Tân - Giám đốc Công ty Cổ phần và Thương mại Phong Cách Mới tại Thanh Hóa đánh giá cao ý nghĩa thực tiễn của Phiên chợ quê, đem lại những giá trị thiết thực cho người nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

"Trong Phiên chợ quê, những sản phẩm nông nghiệp của địa phương Thanh Hóa nói riêng và Việt Nam nói chung được quảng bá rộng rãi. Thông qua sức ảnh hưởng của các nghệ sĩ và chương trình đã mang lại ý nghĩa cho những người nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã như chúng tôi" - Ông Tân cho biết.

Ông Tân bày tỏ hy vọng sẽ cùng "Về quê làm giàu", đưa các sản phẩm nông nghiệp của Thanh Hóa vươn xa hơn nữa.

"Chúng tôi hy vọng rằng, thông qua chương trình, những sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa và Việt Nam sẽ vươn xa,





được xuất khẩu ở nhiều nước hơn nữa trên thế giới.

Trong chương trình có những người trước nay tôi chỉ được thấy trên màn ảnh nhỏ, như MC Quyền Linh, ca sĩ Hari Won, hoa hậu Bùi Quỳnh Hoa hay diễn viên Long Vũ, ca sĩ Jack - J97, nhưng nay có cơ hội được trực tiếp gặp gỡ.

Rất cảm ơn chương trình "Về quê làm giàu" đã tạo cho Thanh Hóa, cho Quảng Xương, cho các doanh nghiệp và bà con có cơ hội để đưa những sản phẩm nông sản của tỉnh vươn xa, bay xa hơn nữa" - Ông Tân chia sẻ.

Chương trình "Về quê làm giàu" không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu sản vật hay giao lưu nghệ sĩ, mà còn đóng vai trò như một cầu nối bền vững giữa người dân, doanh nghiệp và cộng đồng.

Những Phiên chợ quê như tại Quảng Xương cho thấy tiềm năng lớn của nông nghiệp

Thanh Hóa khi được tiếp sức bằng truyền thông hiện đại và tinh thần khởi nghiệp.

Hành trình tại xứ Thanh sẽ không chỉ dừng ở một sự kiện, mà là dấu ấn cho thấy khát vọng vươn xa của nông sản địa phương, từ bàn tay người nông dân đến thị trường trong và ngoài nước.

Không chỉ tại Thanh Hóa, hành trình của "Về quê làm giàu" đã đi qua 8 tỉnh, thành trên khắp cả nước (theo đơn vị hành chính cũ): Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh, Quảng Nam, Huế, Đà Nẵng, Hà Tĩnh.

Hoạt động livestream quảng bá sản vật, Phiên chợ quê của chương trình có gần 100 doanh nghiệp địa phương tham gia. Từ đó góp phần lan tỏa hình ảnh nông thôn Việt Nam với những cơ hội để làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương.



# HALOTIMES MONG MUỐN HỢP TÁC CÁC TRÍ THỨC TRẺ TOÀN CẦU ĐỂ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

Chí Phú

*Halotimes - đối tác truyền thông chính thức của Diễn đàn Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ VI - 2025, kêu gọi trí thức trẻ toàn cầu cùng hợp tác trong các dự án công nghệ, lan tỏa văn hóa truyền thống Việt Nam ra thế giới.*

Tại Diễn đàn Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ VI - 2025, diễn ra từ ngày 19/7 tại Đại học VinUni, Hà Nội, Tập đoàn truyền thông Halotimes (Halotimes) đã đưa ra lời mời gọi đầy cảm hứng đến trí thức trẻ toàn cầu.

Ông Lê Văn Thương, CEO Halotimes, đã trình bày tham luận và kêu gọi hợp tác để đưa văn hóa Việt Nam vươn xa. Với tầm nhìn “Hồn xưa - Tinh thần mới”, Halotimes mong muốn cùng trí thức trẻ biến di sản Việt thành sức mạnh mềm quốc tế.

Tại phiên thảo luận nhóm về "Phát triển nền tảng văn hóa, giáo dục trong kỷ nguyên mới" trong khuôn khổ diễn đàn, ông Thương nhấn mạnh rằng: “Chúng ta hãy đưa văn hóa, đưa cái hồn cốt của dân tộc này lan tỏa ra thế giới bằng khoa học công nghệ, bằng chuyến đi Việt Nam”. Theo ông, giáo dục không nên chỉ chạy theo công nghệ mà cần khơi dậy tinh thần con người, nhất là tinh thần Việt. Từ đó, văn hóa truyền thống sẽ không chỉ là thứ để gìn giữ, mà cần được biến thành tài sản, thành ngành công nghiệp nội dung, tạo ra giá trị kinh tế và ảnh hưởng đến toàn cầu.

CEO Thương cũng bày tỏ quan điểm về việc đưa văn hóa thành ngành công nghiệp giống như cách Hàn Quốc từng phát triển công nghiệp văn hóa để kéo theo cả nền kinh tế. “Chúng ta ai cũng muốn giữ nghề truyền thống, nhưng nếu không biến nó thành thu nhập thì nó sẽ mất đi. Nếu nghề ấy tạo ra



Ông Lê Văn Thương, CEO Tập đoàn Truyền thông Halotimes, đơn vị bảo trợ truyền thông cho Diễn đàn Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ VI - 2025.

lợi nhuận, thế hệ sau sẽ tự động tiếp nối”, CEO Halotimes chia sẻ. Ông cho rằng, văn hóa là thứ được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đó mới hình thành nên một bản sắc bền vững.

Đặc biệt, ông Thương cảnh báo về sự “xâm chiếm văn hóa” và những đứt gãy trong giao tiếp gia đình hiện nay do ảnh hưởng từ công nghệ. Ông nói: “Những đứa trẻ 5 tuổi, 10 tuổi suốt ngày cúi xuống điện thoại. Lễ nghĩa, giao tiếp, những văn hóa truyền thống đơn giản đang dần mất đi”. Từ đó, ông nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong việc khơi gợi trí tưởng tượng, phát triển tư duy cảm xúc, những điều thuộc về não phải, đang dần bị bỏ quên trong kỷ nguyên công nghệ.

Bằng câu hỏi: “Làm sao để văn hóa Việt Nam trở thành nhịp cầu kết nối thế giới?”,

CEO Lê Văn Thương thôi thúc trí thức trẻ toàn cầu hãy cùng tham gia các dự án nhân văn của Halotimes.

Với mạng lưới quốc tế và sự nhạy bén công nghệ, các bạn trẻ có thể đưa áo dài, dân ca

hay nghi lễ Việt Nam đến khán giả toàn cầu. Halotimes cam kết cung cấp nền tảng, tài nguyên và hỗ trợ để hiện thực hóa những ý tưởng sáng tạo này.



*Từ loạt chương trình truyền hình thực tế đến nền tảng năm 2025 cho thấy nỗ lực bền bỉ trong hành trình kết nối giá trị Việt với thế giới.*

Văn hóa Việt Nam, từ ẩm thực tinh tế, nghệ thuật dân tộc đến nghi lễ tâm linh, là kho tàng quý giá sẵn sàng chinh phục thế giới. Trí thức trẻ toàn cầu, với hiểu biết về thị trường quốc tế, là lực lượng then chốt để biến di sản thành sản phẩm giáo dục và kinh tế. Halotimes mời gọi các bạn hợp tác, sử dụng công nghệ hiện đại để vượt qua rào cản ngôn ngữ và địa lý, đưa văn hóa Việt đến mọi góc thế giới.

Cộng đồng Việt kiều tại Mỹ, Nhật Bản hay châu Âu vẫn gìn giữ bản sắc qua Tết cổ truyền, áo dài và dân ca. Nhưng để những giá trị này vươn xa, cần các dự án sáng tạo kết nối cộng đồng quốc tế. Halotimes đề xuất hợp tác với trí thức trẻ để xây dựng các nền tảng số, tổ chức festival và hội chợ, biến văn hóa Việt thành cầu nối văn minh toàn cầu.



Chương trình “Về quê làm giàu”, do Halotimes sản xuất, là một minh chứng cho sức mạnh của hợp tác. Chương trình kết nối trí thức trẻ với làng nghề như nước mắm Ba Làng, Thanh Hóa, sử dụng livestream và thương hiệu số để quảng bá. Halotimes mời trí thức trẻ toàn cầu cùng tham gia, đưa các sản phẩm truyền thống như mây tre đan hay lụa Vạn Phúc đến hội chợ quốc tế.

Một dự án khác, “Châu văn remix”, do Halotimes phối hợp với người trẻ, lan tỏa đạo Mẫu qua âm nhạc hiện đại. Trí thức trẻ toàn cầu có thể hợp tác với Halotimes để mang châu văn hay nhã nhạc đến các festival âm nhạc quốc tế, từ Tokyo đến New York, khơi dậy sự tò mò về văn hóa Việt.

“Trạm Phát sóng +84”, gameshow do Halotimes sản xuất, khuyến khích sáng tạo từ trò chơi dân gian như ô ăn quan hay rồng rắn lên mây. Halotimes kêu gọi trí thức trẻ toàn cầu tham gia, đưa format này ra cộng đồng Việt kiều qua livestream quốc tế, giới thiệu văn hóa Việt đến khán giả thế giới.

“Olympic Triết học Việt Nam”, do Halotimes tổ chức, mang tư tưởng Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi đến giới trẻ qua hình thức nhập vai. Cuộc thi này là cơ hội để trí thức trẻ toàn cầu quảng bá triết lý Việt Nam tại các trường đại học quốc tế. Halotimes mời các bạn hợp tác, phát triển nội dung số để đưa cuộc thi lên các nền tảng như YouTube, truyền cảm hứng về cội nguồn văn hóa.

Để hiện thực hóa lời mời gọi, Halotimes đề xuất bốn nhóm giải pháp hợp tác với trí thức trẻ toàn cầu, bao gồm:

**1. Giáo dục trải nghiệm:** Đưa văn hóa Việt Nam đến cộng đồng quốc tế qua workshop áo

dài tại các trường đại học ở Mỹ hay châu Âu, lớp học dân ca Quan họ trên Zoom, và trải nghiệm nghi lễ Chùa Hương bằng công nghệ VR. Halotimes hỗ trợ nền tảng livestream và nội dung số để các dự án này lan tỏa rộng rãi.

**2. Khuyến khích sáng tạo:** Thông qua cuộc thi phim ngắn “Việt Nam trong tôi”, mời trí thức trẻ sản xuất phim về ẩm thực, làng nghề hay lễ hội, được Halotimes phân phối trên YouTube, TikTok. Các bạn cũng có thể tham gia dự án remix dân ca hay phát triển game mobile về trò chơi dân gian, với sự tài trợ sản xuất từ Halotimes, nhằm chinh phục khán giả quốc tế.

**3. Chuyển đổi số văn hóa:** Bằng cách xây dựng thư viện số về di sản Việt Nam, từ làng gốm Bát Tràng đến nhã nhạc cung đình. Trí thức trẻ toàn cầu có thể dùng dữ liệu này để tạo nội dung TikTok, tổ chức livestream làng nghề tại hội chợ quốc tế, hoặc phát triển ứng dụng AR tái hiện Hoàng thành Thăng Long. Halotimes cung cấp công nghệ và nền tảng để đảm bảo tiếp cận khán giả toàn cầu.

**4. Liên kết cộng đồng toàn cầu:** Bằng cách tổ chức festival “Việt Nam toàn cầu” tại New York, Tokyo hay Paris, trình diễn áo dài, ẩm thực và dân ca. Halotimes kêu gọi trí thức trẻ tham gia hội chợ sản phẩm truyền thống như mây tre đan Phú Vinh, hoặc gia nhập mạng lưới trí thức trẻ văn hóa để chia sẻ ý tưởng. Halotimes hỗ trợ tài trợ và logistics để biến ý tưởng thành hiện thực.

Halotimes tin rằng trí thức trẻ toàn cầu là ngọn lửa thắp sáng hồn xưa Việt Nam. Văn hóa là nhịp cầu kết nối thế giới, là mầm xanh cho tương lai. “Văn hóa là câu trả lời lâu dài để đưa Việt Nam ra thế giới và trí thức trẻ là người cầm ngọn đuốc”, CEO Lê Văn Thương khẳng định. Halotimes cam kết đồng hành, mang đến công nghệ và tài nguyên để cùng các bạn trẻ hiện thực hóa giấc mơ văn hóa.

Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu, hãy cùng Halotimes đưa áo dài, dân ca và di sản Việt Nam chạm đến trái tim thế giới. Hãy tham gia ngay các dự án của Halotimes để cùng viết nên một câu chuyện Việt Nam đầy tính nhân văn trong kỷ nguyên hội nhập mới này!

# ANAXAGORAS (ANAXAGO)

(khoảng 500 - 428 TCN)

PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn

Anaxagoras (anaxago), nhà triết học Hy Lạp cổ đại sinh tại Klazomen (khoảng 500 - 428 TCN). Ông sống gần 30 năm ở Athen và trên thực tế là người sáng lập trường phái triết học Athen. Các quan điểm của A được hình thành dưới tác động của trường phái Milê (trước đó là của Anaximen) và học thuyết về tồn tại của Parmenid. Anaxago phát biểu học thuyết của mình như một giả thuyết vũ trụ luận, theo đó thế giới lúc mới sinh ra là một hỗn hợp bất động, vô định hình được tạo thành từ vô hạn các hạt nhỏ nhất không thể cảm nhận được bằng các giác quan. Vào một thời điểm và ở một địa điểm bất định trong không gian, hỗn hợp này chuyển động xoáy cực nhanh nhờ một tác nhân bên ngoài nó - là Nus (trí tuệ). Quan điểm quy mọi thứ về trí tuệ có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tiếp theo của tư tưởng triết học (Chẳng hạn, tư tưởng về “động cơ vĩnh cửu” ở Aristot, tư tưởng về “cú hích đầu tiên” trong triết học Cận đại), và là một đối trọng mạnh với quan điểm cho rằng nguồn gốc của vận động nằm ở vật chất xơ cứng, trì trệ. Anaxago khoác cho trí tuệ những đặc trưng rất mâu thuẫn, khi một mặt, mô tả nó như vật nhẹ nhất so với mọi vật khác nên không thể lẫn vào đâu được, mặt khác, lại khẳng định nó “bao chứa trí thức đầy đủ về tất cả và có sức mạnh vô biên”. Theo Anaxago, toàn bộ tiến trình thế giới tiến hóa từ sự hỗn loạn khởi thủy đến chỗ có tổ chức ngày càng cao, đều là hệ quả của sự xoáy tròn đầu tiên do trí tuệ gây ra.

Theo Anaxago, cơn lốc xoáy vũ trụ dần chậm lại, tiếp theo vòm trời cũng xoáy tròn. Dưới tác động của vận tốc quay mà không khí mở tối, lạnh và ẩm ướt dần tách ra để tập hợp vào tâm điểm của lốc xoáy, còn không khí sáng, nóng và khô dần tản mát ra ngoại biên.



Các hạt vận động hướng đến sự kết hợp với những hạt giống mình, từ đó tạo thành các chất khá đồng nhất, tuy nhiên các chất đó không thể phân tách hoàn toàn, bởi “trong tất cả đều có phần nào của tất cả”, còn mỗi sự vật đều là cái mà trong nó có. Trong tiến trình những cải biến đó, số lượng chung của bất kỳ loại chất nào cũng đều không đổi, bởi “không có sự vật nào xuất hiện hay bị mất đi, mà chúng chỉ kết hợp với nhau từ các sự vật đã tồn tại và chia tách”.

Đây là những nguyên tắc không chỉ ở các hạt của một chất đồng nhất, mà còn của cả các mặt đối lập nóng - lạnh, sáng - tối, khô - ẩm... Anaxago có quan điểm phủ nhận sự trống không, thừa nhận tính bị phân chia đến vô tận của chất, khẳng định tính tương đối của đại lượng lớn - bé, tư tưởng về các đại lượng vật lý nhỏ vô cùng.

Anaxago là người đầu tiên giải thích đúng các hiện tượng nhật thực và nguyệt thực.

## ■ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình triết học* (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành Triết học), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.
3. Новая философская энциклопедия. В 4 томах. Изд. Мысль, Москва, 2001.

# HỘI TRIẾT HỌC VIỆT NAM THAM DỰ HỘI THẢO QUỐC TẾ, TRAO ĐỔI KHOA HỌC, KÍ KẾT BẢN GHI NHỚ TẠI ĐẠI HỌC QUẢNG TÂY & ĐẠI HỌC SƠN ĐÔNG – TRUNG QUỐC (6 – 11/6/2025)

TS. Trần Thị Hà Giang

Nhận lời mời của GS.TS Từ Tần Pháp, Ủy viên Đảng ủy Đại học Quảng Tây, Trợ lý Hiệu trưởng, Viện trưởng Học viện Chủ nghĩa Marx, ngày 6/6/2025 đoàn công tác đại diện Hội Triết học Việt Nam có mặt tại Đại học Quảng Tây bắt đầu chuyến thăm quan, làm việc, nghiên cứu trao đổi và tham dự Hội thảo Quốc tế do Đại học Quảng Tây tổ chức. Đoàn công tác do GS.TS Phạm Văn Đức - Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, Nguyên Giám đốc Học viện Khoa học Xã hội, Thành viên Hội đồng Lý luận Trung Ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch thường trực Hội Triết học Việt Nam làm trưởng đoàn, các thành viên khác trong đoàn bao gồm: PGS.TS Trần Đăng Sinh - Chi hội trưởng Chi hội Triết học cơ sở Trường Đại học Sư phạm, PGS.TS Lê Thanh Thập - Phó trưởng Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Triết học, PGS.TS Nguyễn Trọng Tuấn - Học viện Kỹ thuật Quân sự, TS Trần Thị Hà Giang - Chánh Văn phòng Hội Triết học Việt Nam - ĐHSP Hà Nội.

Chiều 6/6/2025 tiếp đón đoàn có GS.TS Lý Quốc Chung - Bí thư Đảng ủy Đại học Quảng Tây. GS.TS Lý Quốc Chung đã có những trao đổi, bày tỏ mong muốn mối quan hệ hợp tác giữa Học viện Chủ nghĩa Marx - Đại học Quảng Tây và Hội Triết học Việt Nam ngày càng phát triển, cùng nhau chia sẻ trao đổi nghiên cứu lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, trao đổi sinh viên, học viên, giảng viên giữa hai bên. GS.TS Phạm Văn Đức thay mặt Đoàn công tác chân thành

cảm ơn sự đón tiếp nồng hậu và khẳng định tiếp tục phát triển mối quan hệ hợp tác lên tầm cao mới cùng chung vận mệnh cùng chia sẻ tương lai.



Tối 6/6/2025, tại buổi lễ long trọng, GS.TS Lý Quốc Chung - Bí thư Đảng ủy Đại học Quảng Tây trao quyết định bổ nhiệm GS.TS Phạm Văn Đức - Phó Chủ tịch thường trực Hội Triết học Việt Nam, PGS.TS Trần Đăng Sinh - Chi hội trưởng cơ sở ĐHSPHN, TS. Trần Thị Hà Giang - Chánh văn phòng Hội Triết học Việt Nam giữ chức vụ giáo sư danh dự (giáo sư thỉnh giảng) tại Học viện Chủ nghĩa Marx - ĐHQGT. GS.TS Lý Quốc Chung đề cao sự đóng góp của GS.TS Phạm Văn Đức, các nhà khoa học, chuyên gia, học giả Việt Nam trong thời gian qua và mong muốn với vai trò nhiệm vụ mới thì sự đóng góp ngày càng lớn mạnh hơn nữa cho Học viện Chủ nghĩa Marx nói riêng và ĐHQGT nói chung.



Ngày 7/6/2025, GS.TS Phạm Văn Đức có buổi chia sẻ trao đổi khoa học với toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh ĐH Quảng Tây chủ đề: “Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc xây dựng Đảng toàn diện, nghiêm khắc: Những bài học kinh nghiệm”. Theo GS thì những bài học rút ra từ ĐCSTQ và ĐCSVN về xây dựng Đảng toàn diện và nghiêm khắc không chỉ giúp Đảng

duy trì sự lãnh đạo mạnh mẽ trong bối cảnh hiện đại mà còn khẳng định vai trò quan trọng của sự kiên định, giám sát chặt chẽ, đổi mới công tác cán bộ, đoàn kết và sáng tạo. Những bài học này cần được xem là cẩm nang cho bất kỳ Đảng nào muốn thực sự vững mạnh và giữ vững sự lãnh đạo trong tương lai.

GS Phạm Văn Đức nhấn mạnh ngoài 5 bài học cơ bản và sâu sắc mà chúng ta đã phân tích về công tác xây dựng Đảng toàn diện và nghiêm khắc từ ĐCSTQ và ĐCSVN, còn một số bài học khác có thể bổ sung để làm phong phú thêm công tác xây dựng Đảng. Những bài học này sẽ tập trung vào các yếu tố khác cũng quan trọng không kém trong việc duy trì và phát triển sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 8/6/2025, Đoàn công tác tham dự Hội thảo Quốc tế do ĐH Quảng Tây tổ chức tại thành phố Bắc Hải - Quảng Tây với chủ đề: “Xây dựng tác phong kỷ luật của chính Đảng Marxist”.



Mở đầu khai mạc, GS.TS Từ Tần Pháp nhấn mạnh trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang có nhiều biến động phức tạp, công tác xây dựng Đảng càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của mỗi quốc gia. Xây dựng tác phong, kỷ luật Đảng nghiêm túc, toàn diện không chỉ là yêu cầu nội tại để nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, mà còn là yếu tố then chốt bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của

đất nước, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

GS.TS Phạm Văn Đức đại diện phía Việt Nam khẳng định chúng tôi vô cùng vinh dự được đến tham dự Hội thảo quốc tế với chủ đề hết sức quan trọng và thời sự. Chủ đề của hội thảo lần này phản ánh đúng tầm nhìn chiến lược của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong việc không ngừng tự đổi mới,

tự chỉnh đốn, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực lãnh đạo trong mọi lĩnh vực. Hội thảo quốc tế lần này là diễn đàn quý báu để các nhà nghiên cứu, các chuyên gia của ba nước cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, phân tích sâu sắc những thành tựu đạt được, đồng thời thẳng thắn nhìn nhận những thách thức, khó khăn trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Tôi tin tưởng rằng, với tinh thần khoa học, khách quan và xây dựng, chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận, đóng góp những ý tưởng mới, những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng ở cả hai quốc gia.

Tham luận tại Hội thảo Quốc tế có các báo cáo đến từ các học giả Việt Nam như báo cáo của PGS.TS Lê Thanh Thập - ĐH Luật Hà Nội với chủ đề “Xây dựng Đảng cầm quyền theo quan điểm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng qua tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh””. Ông cũng nhấn mạnh Công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, tổ chức và con người là nhân tố then chốt bảo đảm sự tồn tại của Đảng, của chế độ và phát huy vai trò lãnh đạo chính trị, đội quân tiên phong chiến đấu; đồng thời đó cũng là phương thức tự nâng mình lên ngang tầm nhiệm vụ.

Tiếp theo là báo cáo của PGS.TS Trần Đăng Sinh - Chi Hội trưởng Hội Triết học Việt Nam cơ sở ĐHSP Hà Nội với chủ đề: “Công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ Đổi mới”. Tác giả nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ Đổi mới là yếu tố nền tảng, quyết định trực tiếp đến sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác xây dựng Đảng đã có những bước tiến quan trọng, đặc biệt trong đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực tổ chức, tăng cường công tác cán bộ và đấu tranh chống suy thoái, tham nhũng.

PGS.TS Nguyễn Trọng Tuấn - Học viện KTQS báo cáo chủ đề: “Một số bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành

công tác quản lý đảng viên ở Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025”. Ông khẳng định từ những kết quả cũng như những hạn chế trong công tác quản lý đảng viên ở Việt Nam trong 5 năm qua, có thể rút ra 8 bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình nghiên cứu về việc quản lý đảng viên ở Việt Nam trong những năm vừa qua. Những kinh nghiệm đó có vấn đề được làm tốt, có kết quả cần được tiếp tục phát huy, thực hiện; đồng thời cũng có vấn đề còn khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, sáng tạo và hoàn thiện thêm trong thời gian tới.

TS Trần Thị Hà Giang - Chánh VP Hội TH Việt Nam - ĐHSP Hà Nội trình bày báo cáo tham luận chia sẻ một số thành tựu về năng lực lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới. Trong bối cảnh bước vào kỷ nguyên mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo trên một số lĩnh vực cụ thể từ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội tất cả nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, hùng cường vững bước trên con đường XHCN.

Các nhà khoa học, các chuyên gia thảo luận sôi nổi, nghiêm túc, hiệu quả đã góp phần làm phong phú thêm lý luận và thực tiễn về xây dựng Đảng, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển của mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa Trung Quốc, Việt Nam và Lào trong tương lai.

Ngày 9/6/2025 đoàn công tác di chuyển đến Đại học Sơn Đông.

Ngày 10/6/2025 nhận lời mời của trường Đại học Sơn Đông, đoàn công tác Hội Triết học Việt Nam đến thăm Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Xã hội đương đại và tham dự buổi tọa đàm giữa Đại học Sơn Đông và Hội Triết học Việt Nam. Tham dự buổi tọa đàm có: GS.TS Hình Chiếm Quân, Trợ lý hiệu trưởng, Bí thư Ủy ban Đảng ủy Đại học Sơn Đông cơ sở Thanh Đảo, GS.TS Mã Bân Trưởng khoa Khoa học Chính trị và Hành chính công Đại học Sơn Đông; GS.TS Phương Lôi Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Xã hội Đương đại, GS.TS Tưởng Duệ - Phó viện

trưởng Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Xã hội Đương đại - ĐH Sơn Đông và các cán bộ liên quan của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Xã hội Đương đại.

GS.TS Hình Chiếm Quân phát biểu tại buổi tọa đàm bày tỏ mong muốn hai bên tăng cường giao lưu và hợp tác học thuật, thúc đẩy mối quan hệ học thuật và nhân văn chặt chẽ hơn giữa Trung Quốc và Việt Nam, cùng nhau thúc đẩy sự phát triển mới của triết học và khoa học xã hội ở cả hai nước.

GS.TS Phạm Văn Đức đã giới thiệu về Hội Triết học Việt Nam và Tạp chí Nghiên cứu Triết học, bày tỏ hy vọng trong tương lai hai bên sẽ tiếp tục tăng cường giao lưu và hợp tác thực chất trong các lĩnh vực nghiên cứu lý luận triết học Marxist và chủ nghĩa xã hội khoa học.

GS.TS Mã Bân đã giới thiệu về quá trình cải cách lịch sử, xây dựng ngành học, đội ngũ giảng viên, đào tạo nhân tài, phát triển sinh viên, giáo dục MPA và hợp tác - trao đổi quốc tế của Học viện Hành chính Công, hy vọng thông qua hợp tác học thuật và giao lưu sẽ thúc đẩy hai bên phát triển đổi mới lý luận và thực tiễn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học xã hội xã hội chủ nghĩa.

GS.TS Phương Lôi giới thiệu về Viện Nghiên cứu và Tạp chí Vấn đề chủ nghĩa xã hội đương đại thế giới, hy vọng chuyến thăm lần này sẽ trở thành nền tảng tốt đẹp để hai bên thúc đẩy hợp tác học thuật và giao lưu, thúc đẩy đổi mới và phát triển lý luận cũng như thực tiễn của chủ nghĩa xã hội.

TS. Trần Thị Hà Giang - Chánh văn phòng cho biết, nhân kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt - Trung, việc tổ chức tọa đàm lần này có ý nghĩa quan trọng, mong rằng hai bên sẽ tăng cường hợp tác trong việc tổ chức các hội nghị học thuật và các hoạt động giao lưu, từ đó tăng cường sự hiểu biết chung về lý luận chủ nghĩa xã hội và xây dựng cộng đồng vận mệnh chung Trung - Việt.

Nhằm tăng cường hơn nữa hợp tác nghiên cứu, trao đổi, Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Xã hội Đương đại đã bổ nhiệm GS.TS Phạm Văn Đức và TS. Trần Thị Hà Giang giữ chức



vụ nghiên cứu viên kiêm nhiệm, GS.TS Hình Chiếm Quân trao quyết định bổ nhiệm.

Hai bên đã đạt được thỏa thuận hợp tác. GS.TS Phương Lôi và GS.TS Phạm Văn Đức đã đại diện hai phía Trung Quốc và Việt Nam ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác.

Chiều 10/6 GS.TS Phạm Văn Đức có buổi chia sẻ khoa học với toàn thể cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Viện CNXH đương đại - Đại học Sơn Đông với chủ đề: “Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc xây dựng Đảng toàn diện, nghiêm khắc: Những điểm tương đồng”. GS nhấn mạnh Công tác xây dựng Đảng và kiểm soát kỷ luật Đảng tại Việt Nam và Trung Quốc đều được các Đảng coi là công cụ quan trọng để bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của Đảng. Việc xử lý các vụ án tham nhũng lớn ở cả hai quốc gia cho thấy quyết tâm của ĐCSVN và ĐCSTQ trong việc ngăn ngừa tham nhũng và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm.

Bên cạnh đó GS.TS Phạm Văn Đức còn khẳng định sự tương đồng trong các phương thức xây dựng Đảng giữa ĐCSTQ và ĐCSVN cho thấy một sự tương tác chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, giữa công tác tổ chức Đảng và yêu cầu của sự phát triển đất nước.

Đoàn công tác kết thúc chuyến thăm, làm việc, trao đổi khoa học, hợp tác với các Trường, Viện nghiên cứu ở Trung Quốc vào ngày 11/06/2025. Chuyến công tác mở ra nhiều triển vọng cho hai nước trong hợp tác nghiên cứu và trao đổi lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội./.

# ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH

## THE DEVELOPMENT OF HUMAN RESOURCES IN THE CONTEXT OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

**Prof. Dr. Nguyen Trong Chuan**

**Abstract:** Mankind is witnessing incredible inventions that are profoundly changing many aspects of life. A crucial task facing Vietnam today is to educate the spirit of patriotism for everyone, especially the younger generation. We must successfully transfer the spirit of patriotism and nationalism, which has long been a valuable and traditional asset of our nation, along with modern scientific and technological knowledge brought about by the Fourth Industrial Revolution, into practical power. This power is essential for achieving the goals set by the Party, the State, and the people. Facing the high demands of this new revolutionary stage, it is imperative that each person, especially leaders and managers, has the determination to strive for improvement. If one's education is too limited, lacking scientific, technical, and modern technological knowledge, practical skills, and creativity, even if one claims to possess strong patriotism, it will certainly be difficult to make a significant contribution to the country's rapid development in the national renaissance era.

**Keywords:** The human factor in Marxism, human resources in the economic-social development strategy, human resources, the scientific and technological revolution.

## POLITICAL AWARENESS OF LECTURERS IN SOCIAL SCIENCE AND HUMANITIES AT MILITARY ACADEMIES AND SCHOOLS IN PROTECTING THE IDEOLOGICAL FOUNDATION OF THE PARTY TODAY

**M.A. Nguyen Viet Tien**

**Abstract:** Currently, the ideological and theoretical struggles in Vietnam are more intense, determined, and complex than ever. To firmly protect the ideological foundation of the Party, it requires all parties to implement various measures synchronously and systematically; among them, the political awareness of lecturers in social sciences and humanities in the military in defending the Party's ideological foundation is a very important and practical issue. This article analyzes and clarifies the current status of political awareness of lecturers in social sciences and humanities in military academies in the task of defending the Party's ideological foundation, and proposes several basic solutions to enhance the effectiveness of this work in the new situation.

**Keywords:** Political awareness, lecturers in social sciences and humanities, ideological foundation of the Party.

## **BUILDING THE LEADERSHIP STYLE OF KEY OFFICIALS AT THE PROVINCIAL LEVEL IN KHANH HOA IN THE NEW DEVELOPMENT ERA OF THE VIETNAMESE NATION**

**M.A. Nguyen Huu Anh**

**Abstract:** In the new development era of the nation, strongly innovating the work of cadres is one of the three strategic breakthroughs identified by our Party, and it emphasizes focusing on improving the quality of cadres at all levels, including building the leadership style of key officials at the provincial level. Based on analyzing the theoretical issues of building leadership style and assessing the current situation of leadership style at the provincial level, the author proposes several solutions to build the leadership style of key officials at the provincial level in line with the characteristics of the locality, associated with the management and socio-economic development of Khanh Hoa province.

**Keywords:** Key provincial officials, leadership style, leadership style of key provincial officials, new development era.

## **THE POLITICAL BELIEF OF THE PEOPLE - A BARRIER AGAINST FAKE NEWS AND MALICIOUS NEWS**

**Ph.D. Tran Quang Huy**

**Abstract:** The spread and propagation of fake news and malicious news aimed at undermining the political belief of the people towards the Party, the State, and the socialist regime is a tactic currently being implemented by hostile forces and political opportunists. If their malicious intent succeeds, the Party's policies and the State's directions will be difficult to implement in real life, and it will also create opportunities for them to exploit, sow division, cause internal conflicts, and lower the prestige and role of the Party and the State in the eyes of the people. This article contributes to clarifying the power of the people's political belief and proposes several solutions to strengthen and consolidate this belief to prevent and eliminate fake and malicious news.

**Keywords:** Political belief; ideological foundation; fake news, malicious news.

## **PROMOTING THE ROLE OF INTELLECTUALS IN HO CHI MINH CITY IN THE NEW DEVELOPMENT ERA OF THE VIETNAMESE NATION**

**Ph.D. Do Duy Tu**

**Abstract:** This article emphasizes the important role of intellectuals in Ho Chi Minh City in promoting sustainable development, especially as the country is strongly advancing in the era of renewal and international integration. As the largest economic center in the country, the intellectual workforce in the city is a key force in building strategies for innovation, creativity, and high-tech application, training human resources, social monitoring, cultural development, and fostering international integration. In the face of challenges from the Fourth Industrial Revolution, such as digital transformation, artificial intelligence, and globalization, the article proposes solutions to further promote the role and potential of intellectuals in the development of Ho Chi Minh City today. Through this, it affirms the city's position as the national center of innovation, contributing to the realization of the goal "Prosperous people, strong country, democracy, fairness, civilization" in the new era of the nation's advancement.

**Keywords:** Role of intellectuals, Ho Chi Minh City, new era.

## **FILIAL PIETY IN VIETNAMESE FAMILY EDUCATION IN THE FEUDAL PERIOD**

**Ph.D. Than Thi Hanh**

**Abstract:** In the history of Vietnamese thought, the education of filial piety has always been emphasized and regarded as a central task in family education. Since the 15th century, along with the establishment of Confucianism's new position, the education of filial piety has been further emphasized and expressed through texts known as "family teachings." In this article, the author focuses on clarifying traditional views on filial piety and the content of filial piety education for sons and daughters in the family, as presented in several Vietnamese "family teachings" works.

**Keywords:** Filial piety, family teachings, Vietnamese feudal thought.

## **THE ROLE OF MUSIC IN PROMOTING REVOLUTIONARY IDEOLOGY AND PATRIOTISM AMONG THE YOUTH IN VIETNAM TODAY**

**Assoc. Prof., Dr. Nguyen Thu Nghia**

**Abstract:** Music, as a popular art form, is an important spiritual food for all generations, especially the youth. Beyond its entertainment role, music also plays a role in awareness, education, and aesthetics. This article discusses some of the roles of music in promoting revolutionary ideals and patriotism among the youth in Vietnam today; analyzes some of the issues related to educating revolutionary ideals and patriotism through music, and proposes several basic solutions to enhance the role of music in nurturing these values for the younger generation in Vietnam.

**Keywords:** Music, art, youth, patriotism, revolutionary ideals.

## **MORAL VALUES IN THE WORSHIP OF VILLAGE TUTELARY GODS OF THE VIETNAMESE PEOPLE**

**Dr. Tran Thi Ha Giang**

**Abstract:** Village Tutelary Gods (Thành hoàng làng) are individuals who contributed to the village community, such as founding the village, protecting or helping, teaching trades, etc. The worship belief of Village Tutelary Gods embodies a humanistic spirit, upholding traditional moral values of the Vietnamese people such as: the principle of "drinking water, remembering its source," patriotism, and community solidarity. In the current context, where culture is placed on par with economics, and culture is a resource for development, researching and identifying moral values in the worship belief of Village Tutelary Gods in Vietnam is necessary to preserve and promote traditional moral values, awaken national pride, and steadfastly move into the new era of the nation.

**Keywords:** Value, Ethics, Moral values, Belief, Worship belief of Village Tutelary Gods.

## EDUCATIONAL SCIENCE: SOME ISSUES TO CONSIDER

Ph.D. Cao Thi Sinh & Ph.D. Vi Van Thao

**Abstract:** This article analyzes several issues related to educational science, such as its objects and research methods, its position within the science classification system, its branches, and its important role in improving educational quality. The article provides a summary of the contribution of educational science to the improvement of education quality in Vietnam in recent years. It argues that knowledge of educational science has played an important role in renewing the content and methods of education in Vietnam, thus improving training quality. However, educational administrators, lecturers, and students need to pay more attention to the new knowledge in educational science and consider teaching this subject to students in pedagogy programs.

**Keywords:** Educational science, educational content, educational methods, Vietnam.

## PRACTICING THE LAW OF DEMOCRACY AT THE LOCAL LEVEL IN VIETNAM TODAY

Ph.D. Nguyen Thi Tuyet Mai

**Abstract:** The Law on the Implementation of Democracy at the Local Level in 2022 is a major step forward for democracy in general and local democracy in particular in Vietnam. After more than two years of implementation, many results have been achieved, but there are still limitations and new issues arising. Therefore, identifying solutions (in terms of awareness, institutional frameworks, resources, and implementation organization) to effectively practice the law on democracy at the local level in Vietnam today is important and necessary.

**Keywords:** Implementation of the law, practicing democracy, local democracy, Law on the Implementation of Democracy at the Local Level in Vietnam.

## CRITICISM OF SOCIAL GENDER STEREOTYPES IN MARY WOLLSTONECRAFT'S A VINDICATION OF THE RIGHTS OF WOMAN

Ph.D. Le Thi Vinh & Ph.D. Phan Thanh Nham

**Abstract:** Mary Wollstonecraft (1759 - 1797) was a pioneering philosopher and women's rights activist of the 18th century. In her work *A Vindication of the Rights of Woman* (1792), Wollstonecraft not only criticized the contemporary educational system and society for confining women to limited roles, but also highlighted the injustice of how society discriminates based on gender, viewing women as mere "decorations" in men's lives. Her criticisms of these social stereotypes about women had a profound impact on gender equality movements and laid the foundation for modern feminist movements and reforms in women's education. This article focuses on analyzing how Wollstonecraft strongly criticized social stereotypes about women, particularly how these stereotypes shaped perceptions of women's character and how women were educated.

**Keywords:** Mary Wollstonecraft, gender, women.

## **THE RELATIONSHIP BETWEEN THE BOOK OF CHANGES (YIJING) AND TRADITIONAL MEDICINE: FROM CHINESE CLASSICS TO VIETNAMESE MEDICAL DOCTRINE**

**Ph.D. Dr. Do Anh Tuan**

**Abstract:** The philosophical foundation of Traditional East Asian Medicine (TEAM) is deeply rooted in Eastern philosophical systems, including the Yijing, with its concepts of Yin-Yang, Five Elements, Bagua, and principles of Change, Holism, and the Correspondence between Heaven and Humans. These have shaped the worldview and methodology of TEAM. The absorption and application of these philosophical ideas in creating the theoretical system of medicine, as reflected in classical medical texts (such as The Yellow Emperor's Inner Canon and Treatise on Cold Damage) and current TEAM literature, is considered a dynamic tradition. This article contributes to clarifying the philosophical essence of TEAM, viewing it as a unique knowledge system, and explores the role of philosophy in medicine and the importance of dialogue between different medical systems in the contemporary context.

**Keywords:** Philosophy, Yijing, medicine, traditional medicine, modern medicine, Hai Thuong Lan Ong.

## THẺ LỆ GỬI BÀI TẠP CHÍ

1. Tạp chí Nghiên cứu Triết học đăng các bài nghiên cứu thuộc lĩnh vực triết học và các lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến triết học. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung cơ bản cũng như các trích dẫn được sử dụng trong bài.
2. Bài viết cần ghi rõ họ và tên, chức danh khoa học, địa chỉ, điện thoại, email của tác giả.
3. Bài viết được soạn theo phông chữ Times New Roman; có độ dài không quá 5.000 từ; tóm tắt không quá 300 từ; từ khóa 3-5 từ.
4. Nội dung bài viết gồm 4 phần: Giới thiệu (mở đầu hoặc đặt vấn đề), nội dung, kết luận và danh mục tài liệu trích dẫn.
5. Tài liệu trích dẫn sắp xếp theo thứ tự tiếng Việt - tiếng nước ngoài - các trang website có đường dẫn cụ thể; Trình tự: 1. Tên tác giả, năm xuất bản, tên sách hoặc tên tài liệu, nhà xuất bản, nơi xuất bản. Trích dẫn tiếng Việt xếp theo tên tác giả (thứ tự A, B, C); tiếng nước ngoài xếp theo họ (ví dụ: Các Mác xếp theo M). Chỉ đưa vào Danh mục những tài liệu được trích dẫn, *các tài liệu tham khảo khác không cần đưa vào*.
6. Nguồn của trích dẫn được đặt trong ngoặc vuông, số đầu là số thứ tự tài liệu trích dẫn, tiếp theo là số tập nếu có, số trang của tài liệu. Ví dụ: [1, t.4, tr.10]. Trường hợp nguồn trích là *Toàn tập* thì trong Danh mục tài liệu trích dẫn chỉ viết 1 lần và các tập được trích dẫn của nó. Ví dụ: 5. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, t.4, t.5,t.10,... Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Ở nguồn trích viết [5, t.10;tr.x].
7. Bài gửi đến Tòa soạn, chấp nhận đăng hay không đăng, Tòa soạn không trả lại bản thảo cho tác giả.
8. Bài viết được gửi theo hộp thư điện tử: [tapchincthv@gmail.com](mailto:tapchincthv@gmail.com)  
Điện thoại liên hệ: 098 983 4161 hoặc: 094 214 8999.

# TRAM + PHÁT SÓNG 84

Chương trình phát triển tài năng Việt  
#moinguoilamottramphatsong

MỖI NGƯỜI LÀ  
MỘT TRẠM PHÁT  
SÓNG



Quét mã đăng ký



Chi tiết & Đăng ký online ngay tại:

[halotimes.vn/tram-phat-song-84/](http://halotimes.vn/tram-phat-song-84/)

**HALOTIMES**

# 1 TRIỆU Cuốn sách

**LÀM GIÀU CHO NÔNG DÂN VIỆT NAM**

**CÙNG HALOTIMES TẶNG SÁCH LÀM GIÀU CHO**

**+60.000.000**

**NÔNG DÂN VIỆT NAM.**

## THÔNG TIN TIẾP NHẬN & LIÊN HỆ CHƯƠNG TRÌNH

Người dân, tổ chức và đối tác có thể đến tặng sách hoặc tìm hiểu thông tin trực tiếp tại các địa điểm sau:

**HÀ NỘI**  
Số 34, lô N07A, Khu đô thị mới Dịch Vọng,  
P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

**TP. HỒ CHÍ MINH**  
Số 39 đường 37, khu phố 1, P. An Khánh,  
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

**info@halotimes.com**

**0902 446 140**

